

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Cửu thập ngũ niên)
Tòa Thánh Tây Ninh

Tập San

THẾ ĐẠO



The Three Venerable Saints of Cao Đài

- 1*- Những Bài Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp trong những ngày đầu năm & Những bài viết về Xuân.
- 2*- “ Thượng Sanh cờ Cứu Thế & Ban Thế Đạo Hải Ngoại (QS TS Nguyễn Thanh Bình)
- 3*- “Đời sống người đệ tử Cao Đài” (HT Huỳnh Tâm)
- 4*- “Vườn Thơ Thế Đạo”
- 5*- “Già trị tâm linh chung các tôn giáo & những hệ luận” (HT Nguyễn Hữu Nghiệp & Nguyễn Dương Sâm)
- 6*- “Thánh Ngôn Yếu Lược” (tt) (HT Nguyễn Long Thành)
- 7*- “Kinh cúng tứ thời chú giải” (tt) Phụ Lục (HT Quách Văn Hòa)

Tập Mới

Số 81

1-2020



NORTH JACKSON DENTAL GROUP NGUYỄN HỮU TƯỜNG, DDS & TÔ MỸ HUỆ, DDS

125 N Jackson Ave, Ste 104, San Jose, CA 95116, Tel: 408-923-8272
(Cạnh Alexian Brothers Hospital, giữa Alum Rock Ave và McKee Ave)



- * - Tốt nghiệp Bác sĩ Nha Khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
- * - Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển vào Hội Danh Dự Nha Khoa Hoa Kỳ.
- * - Tốt nghiệp về Implant tại California Implant Institute.
- * - Được giải thưởng xuất sắc về các loại răng giả.
- * - Được giải thưởng về "Need, Character and Scholarship".

- * - Trồng răng Implant thẳng vào xương hàm thật nhẹ nhàng.
- * - Làm thẳng răng bằng INVISALIGN, chất liệu trong suốt, không cần niềng braces.
- * - Làm hàm giả loại mềm (Flexible denture), nhẹ và không thấy móc bằng kim loại.
- * - Tẩy trắng răng tại chỗ (In Office Bleaching), hiệu quả nhanh chóng.
- * - Có máy CEREC, dùng computer để tạo răng sứ (all porcelain, không dùng kim loại), trong vài giờ là quý vị có bọc răng (crown) mới.
- * - Có máy LASER, chữa bệnh nướu răng (gum disease) không cần giải phẫu.
- * - Có máy DIGITAL X-RAY, dùng computer, giảm tia quang tuyến.
- * - Có máy INTRA-ORAL CAMERA, chụp hình màu trong miệng, giúp quý vị thấy tình trạng răng và nướu, biết những việc cần được chữa trị.

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA BÁC SĨ NHA KHOA
HUỲNH KIM UYÊN, DDS

Giờ làm việc

Thứ hai - Thứ bảy: 9AM- 5PM

Nghỉ Thứ Tư & Chủ Nhật

Tạp San Thế Đạo
Quarterly Magazine - Issue # 81
(January - March 2020)



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone: 408-238-6547

MỤC LỤC

- 01- Những Bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp trong những ngày đầu năm 07
- 02- “ Suy niệm ngày Xuân” (Hoàn Nguyên) 13
- 03- “ Ngày Xuân ngắm Cảnh Mai Mãn Giác (La Vinh)..... 19
- 04- “ Bí mật của Tết” (Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều)..... 39
- 05 “Tục thờ cúng tổ tiên ở nước Nam” (Phạm Quỳnh) 46
- 06 Xin chữ đầu Năm: Chữ Tâm - Đức - Phúc có ý nghĩa thế nào? 54
- 07 “ Thượng Sanh Cờ Cứu Thế & Ban Thế Đạo Hải Ngoại” 70
- 08 “ Đời sống người đệ tử Cao Đài” (HT Huỳnh Tâm) 89
- 09 Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại 106
- 10 Danh sách yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại từ ngày 16-9-2019 đến ngày 15-12-2019. ... 107
- 11 Tóm Lược Hội Tương Tế Cao Đài và Thân Hữu 109

12	Phân ưu	112
	1*- Chị Maria Trần Thu Thuận, hiền thê của Anh Trần Thanh Điền đã quy vị ngày 18-11-2019 tại Santa Clara CA, hưởng thượng thọ 80 tuổi	112
	2*- CTS Lê Quang Giai thuộc Tộc Đạo San Diego CA quy vị ngày 20-11-2019 tại San Diego CA, hưởng thượng thọ 81 tuổi	113
	3*- HT Bùi Đắc Hùm, phu quân của BS Đặng Cẩm Hồng quy vị ngày 3-12-2019 tại Redlands CA hưởng thọ 77 tuổi.. . . .	114
13	Vườn Thơ Thế Đạo	116
14	“Giá trị Tâm Linh chung giữa các tôn giáo & những hệ luận”(HT Nguyễn Hữu Nghiệp & Nguyễn Dương Sâm	124
15	“Thánh Ngôn Yếu Lược” (Tiếp theo) (HT Nguyễn Long Thành)	139
16	“Kinh cúng tứ thời chú giải” (Tiếp theo) Phụ Lục (HT Quách Văn Hòa)	159



ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh Tây Ninh



BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

Kính chúc Quý Chức Sắc, Chức Việc, Đồng Đạo

và Thân Hữu Năm Mới Canh Tý (2020)

Mạnh Khỏe, Tu Tiến trên đường Đạo

NHỮNG BÀI THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ PHÁP TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU NĂM



BÀI 1 ĐẠO CAO ĐÀI LÀ HOÀN THUỐC PHỤC SINH HÒA BÌNH

Tại Đền Thánh, thời Tý mồng 1 tháng giêng năm Mậu
Tý (dl. 10-2-1948)

Ngày hôm nay, giờ này chúng ta vui một tí, năm Tý đến

với chúng ta, nếu Bàn Đạo nhớ không lầm thì buổi Chí Tôn hành pháp có cho Bàn Đạo biết rằng 3 con chuột hiệp lại là ngày thành Đạo. Năm nay đủ 3 con chuột rồi đó vậy. Ta chắc rằng năm nay Đạo sẽ kết quả lời hứa của Chí Tôn với con cái của Ngài, thành Đạo tức thành Đời nơi nước Việt Nam đó vậy.

Chúng ta thử ôn lại đã có 23 năm hành đạo, chúng ta đã chịu bao nhiêu khổ hạnh để bảo vệ con cái của Chí Tôn. Ngày nay cái kết quả này có đáng giá trừ cái khổ hạnh trong 23 năm ấy chăng? Bàn Đạo xin nói quả quyết rằng: Từ tạo thiên lập địa đến giờ chưa có nền tôn giáo nào được mau chóng như Tôn Giáo của Chí Tôn đến tạo nơi xứ Việt Nam chúng ta. Chúng ta ôn thử lại trong buổi thành Đạo cuối cùng trong 2 năm nay, ta thấy gì? Nếu chúng ta có đủ tinh thần tìm hiểu Thánh ý của Chí Tôn trong 22 năm, để cho chủng tộc Việt Nam chịu đau khổ, chịu trong cảnh tương tàn, tương sát, thống khổ, cảnh tượng nguy ngập có nghĩa gì? Ý vị gì? Ấy là Đức Chí Tôn xây chuyển cho con cái của Ngài thấy rằng: Hung bạo ở thế gian, không phải năng lực độc đoán mà thắng được và trị thế được.

Cường lực! Ôi cường lực! Đối với thế gian này, nếu có phương chước, có bí pháp thì duy lấy nhơn đức trị nó mà thôi. Hung bạo của đời này không lấy hung bạo trị đặng, duy lấy đạo đức tinh thần trị mới đặng. Trong 2 năm quốc vận thống khổ do duyên có gì? Do lấy hung bạo trị hung bạo. Lấy hung bạo chẳng trừ được năng lực hung bạo vì hiện giờ sự hung bạo của thế gian vô đối. Ấy là Chí Tôn cho quốc dân Việt Nam một bài học đích đáng đủ bằng có trước mắt để suy đời. Ngài để kinh nghiệm hai năm rồi. Ngài lấy năng lực đạo đức tinh thần để cho thiên hạ thấy: Đạo đức tinh

thần mới có thể đem hạnh phúc đến cho nòi giống như thế nào? Làm cho tỏ rạng nền tôn giáo bằng năng lực tinh thần của Ngài, chúng ta đã thấy:

Bần Đạo sau 5 năm bị đày lưu nơi hải ngoại, chịu mọi điều thống khổ, cái chết của Bần Đạo cách cái sống bằng một sợi tóc, mà Bần Đạo vẫn còn về đây. Nếu nói thế thường, cái tình cảnh chịu 5 năm khổ sở lao lý ấy, tinh thần, lấy vật hình thường tình tâm lý mà nói, không ai không cố hận, cố phiền được, hận với phiền nó cố nhiên, mà nếu hận phiền ấy theo tâm lý thường tình thì có gì quan hệ đâu. Trái lại trong thi hải của Phạm Công Tắc còn có một vị làm chủ của nó nữa là Hộ Pháp; quyền của Hộ Pháp mạnh mẽ hơn của Phạm Công Tắc là con ngựa để cỡi mà thôi, còn Hộ Pháp là người cỡi, nên con ngựa không thể không tuân mạng lệnh của chủ nó được. Hộ Pháp có một phần, mà Phạm Công Tắc có một phần, Phạm Công Tắc là tôi, còn Hộ Pháp là quyền năng của Chí Tôn.

Nòi giống Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn hóa Nho phong 4.000 năm đã để cho chúng ta hai câu đích đáng, nếu chúng ta biết dùng từ chữ nước Việt Nam không có cảnh tượng ngày nay:

“Hành thiện chi nhơn như xuân viên chi thảo, bất kiến kỳ trưởng nhứt hữu sở tăng. Hành ác chi nhơn như ma đao chi thạch, bất kiến kỳ tổn nhứt hữu sở khuy”.

Câu trước: Người làm lành như vườn cỏ mùa xuân không thấy lớn càng ngày càng tăng thêm. Câu sau: Người làm ác như cục đá mài dao, tuy không thấy hao mà càng ngày càng mòn khuyết. Lấy nhơn nghĩa đối với bạo tàn, lấy tâm ưu ái trả thù hận, ấy là tâm Phật, phải tâm chí Thánh mới làm

đặng. Bàn Đạo làm đặng, đặng chi? Đặng nêu cao tinh thần Đạo Cao Đài này lên như Chí Tôn muốn.

Lẽ thì đem hung bạo trừ hung bạo, theo thường tình thì mới vui lòng, thỏa mãn tâm phàm của Phạm Công Tắc thì ắt vui mừng lắm chớ. Nhưng Hộ Pháp vì biết hại cho tương lai nước nhà, nên cầm cây huệ kiếm đưa ra, lấy tâm lý yêu ái đối lại với oán ghét, cốt yếu làm cho nhơn loại, làm chứng rằng chơn truyền của Đạo Cao Đài là hườn thuốc “Phục sinh hòa bình” cho nhơn loại. Quốc dân Việt Nam làm đặng thì toàn cầu mới làm đặng. Ai cầm huệ kiếm ấy đặng, thì họ cứu nước họ đặng, cũng như Việt Nam đã cứu nước Việt Nam vậy.

BÀI 2 **NGÀY XUÂN LÀ NGÀY** **PHỤC SINH CỦA VẠN VẬT.**

**Tại Đền Thánh, đêm mồng 2 tháng giêng năm Mậu Tý
(dl. 11-2-1948)**

Bàn Đạo không thể đi cùng mỗi nhà của toàn cả Chức Sắc Thiên Phong và mấy em Nam Nữ đặng viếng thăm trong ba ngày xuân nhứt. Một mảnh thân muốn biến hóa ra cả muôn hình xác, nhưng không thể đặng.

Vậy thời Bàn Đạo cũng để một đôi lời cho mấy em, mấy con Nam Nữ, mấy anh mấy chị có mặt đánh lễ tại đây biết rằng: Buổi nào tinh thần của Bàn Đạo cũng ở bên cạnh mỗi người cả thầy.

Một điều mà Bàn Đạo mơ ước hơn hết là ngày giờ nào thông dong, Bàn Đạo được vui thú thanh nhàn, nay đi nhà này ở một ngày, một bữa, mai đi nhà kia ở một đôi lát. Ngày

nào đến cảnh an nhàn mà Bàn Đạo được đạt vọng dường ấy, thì tưởng rằng không còn hạnh phúc nào hơn nữa. Bàn Đạo tưởng mảnh thân này có phương thế đồng sống chung với mấy em trong cảnh gia đình ấm lạnh để cùng hiểu nhau những nỗi tâm khổ sầu buồn thì Bàn Đạo rất hữu hạnh mà được chia mảy mún cũng đặng, dầu cần hột muối hay ăn hột cơm rơi với mấy em, thì tưởng trọn kiếp sống của Bàn Đạo không có cảnh vinh quang phú quý nào trên thế gian này đối đặng.

Cả thầy đến thăm Bàn Đạo, mà Bàn Đạo đi thăm lại không đặng, theo đạo pháp cho là thất lễ. Xin cả thầy nên biết cái cảnh ngộ và tha thứ dùm cho.

Ngày xuân nói đến tiếng xuân, miệng nói tiếng xuân là nói tiếng sống, vạn vật ngày xuân này là sống là ngày phục sinh. Qua mơ ước tâm hồn của cả thầy trong một năm già cõi, trong lúc xuân đến, cây cối nở lá nở bông, tốt tươi trở lại, tức nhiên là được phục sinh lại thì cả tâm hồn của chúng ta cũng phục sinh như thế.

Mấy em suy gẫm cái thân sanh của chúng ta là đồng sanh với vạn vật, mà vạn vật đã phục sinh thì thân hình của chúng sanh, của chúng ta, của cả thầy Nam, Nữ cũng đồng phục sinh lại. Tâm hồn của chúng ta trong một năm mờ mịt, khổ não, nhọc nhằn, trong cảnh tang thương trần thế, nay xuân về, mấy em đến nhà Đại Từ Phụ, tức là Suối Vĩnh Sanh của tâm hồn mấy em. Qua thành tâm cầu xin Đại Từ Phụ ban ơn cho mấy em được phục sinh trong Thánh chất của Người.

Chắc chắn cả thầy đều được hạnh phúc hiển nhiên, đương thời hay là trong cảnh xương tàn cốt rũ vì đã được hồng ân của Chí Tôn ban cho về già, tức là dưới thế này sẽ được an

nhàn cả tâm thần và hình thể. Mong sao cả thầy được mau phục sinh mới trong Thánh chất của Chí Tôn đó vậy.

BÀI 3 ĐỨC HỘ PHÁP HUẤN TỬ SAU BỮA TIỆC ĐẦU XUÂN.

Tại Hiệp Thiên Đài, 21 giờ đêm mồng 3 tháng giêng năm Mậu Tý (dl. 12-2-1948)

Năm mới, không có đặt diển văn chi. Hôm nay tôi dùng những tiếng thường để nói việc đời.

Theo thể thường người ta nói: “*Thực nơn tài phải cứu nơn tai*” (Phàm ăn của người phải giúp cho người). Tuy vận tôi nghèo, nhưng tôi làm cái tiệc này rất đặc biệt, lại nữa tôi mời quý Ngài cũng đặc biệt, toàn là chư vị yếu nơn cầm quyền Chánh Trị Đạo, không ai là ở ngoài. Tôi không nói dối rằng nhà tôi đơn chiếc, vì nhà tôi là cả toàn cầu.

Quý Ngài hưởng lễ rồi, tôi xin nhờ quý Ngài một việc: Vì tôi có một ông Cha Thiêng Liêng là Thiên phụ, Ông cho tôi cái quyền bác ái là thương cả toàn cầu, và một ông Chúa là Thiên tử. Thiên phụ tôi thì giao chèo chiếc thuyền Bát Nhã, Thiên tử giao đẩy xa thợ, từ Nam chí Bắc, từ Đông chí Tây. Anh em rất đông, nhưng người ngồi trên thì nhiều, còn kẻ đẩy, chèo, thì ít.

Năm rồi, các Ngài hảo tâm giúp sức cũng chèo, cũng đẩy năm nay cũng vậy, xin cũng giúp đẩy, giúp chèo cho đến nơi, đến chốn. Ấy là ơn trọng lắm vậy.

Xin quý Ngài giúp tôi cho trọn đạo.

SUY NIỆM NGÀY XUÂN (Hoàn Nguyên)

Một năm có bốn mùa Xuân , Hạ, Thu và Đông. Sự phân biệt các mùa thường dễ nhận biết thời điểm nào thời tiết nắng mưa mà nhà nông hoạch định trồng trọt thuận lợi, ít lệ thuộc vào hệ thống thủy lợi. Trong bốn mùa chỉ có mùa Xuân là được ưa chuộng nhất: mùa hạ thì nắng nóng, mùa thu thì thời tiết âm đạm, lá vàng rơi và mùa đông thì lạnh lẽo giá rét. Vào mùa Xuân trăm hoa đua nở, vạn vật như hồi sinh, tâm hồn con người phấn chấn sau những tháng ngày mùa đông điều tàn.

Một vài câu thơ làm bài học thuộc lòng thừa còn học Tiểu học diễn tả khí hậu bốn mùa và đặc biệt cảnh Xuân:

*“Mùa Xuân ấm áp khỏe người,
Mùa hè nóng nực lửa trời nấu nung,
Mùa thu gió mát trăng trong,
Mùa đông rét mướt cho lòng xót xa”.*

Ca ngợi cảnh Xuân với Tố Như tiên sinh:

*Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi,
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa...”*

(Truyện Kiều)

Hoặc Vịnh Xuân với Cụ Trần Cao Vân:

*“Xuân khứ xuân lai xuân bất tận,
Vật di, vật hoán, vật vô cùng.
Gót mây hồng để bước đến trần trung,
Đẹp để thiết thời tiết đương xuân.
Muôn vật đồng hơn hở,
Bông ngũ cốc bên vườn phơi rờ rờ,
.....*

Đối với truyền thống của người Việt Nam ta, các ngày đầu Xuân chính là những ngày lễ Tết Nguyên Đán, tục lệ cổ truyền đã có từ lâu không rõ khởi đầu thời điểm nào. Con dân Việt Nam dù sống nơi đâu vẫn giữ truyền thống này, dầu người lương (người không có niềm tin tôn giáo nào) cũng như giáo (người có đạo).

Đối với người VN không theo tôn giáo nào, người bình dân theo đạo hiếu hay thường gọi là đạo thờ cúng ông bà tổ tiên, thực ra họ theo Nho giáo. Ngày Tết họ ăn Tết trang trọng : bàn thờ trong nhà được quét dọn sạch sẽ, chưng bông trái quý hiếm đẹp mắt, khói hương nghi ngút.... Tất cả thành viên trong gia đình đều nghỉ việc hoặc gác bỏ mọi việc dở dang để trở về nhà sum họp gia đình. Trước hết là lễ bái ông bà Tổ tiên hay còn gọi là mừng tuổi ông bà, sau là chúc thọ ông bà cha mẹ và thăm viếng họ hàng quen thuộc. Trẻ em mừng tuổi người lớn được cho quà, dân gian quen gọi là lì xì bằng những bao thư màu đỏ, bên trong có những đồng tiền mới toanh. Tùy theo tình trạng tài chánh, mỗi gia đình có thể ăn Tết từ 3 đến 7 ngày.

Các lễ Hội cho ngày Xuân gồm có cúng Đình làng, có nơi tổ chức Hội Xuân vui chơi ca nhạc, bài chòi, hát bội, đua

ghe. Các sự kiện văn hóa này hiện thời trong nước ít tồn tại, không được chính quyền khuyến khích. Thay vào đó, ở mọi nơi thôn cùng ngõ hẻm khắp nước người dân đa số là giới trẻ tổ chức nhậu nhẹt, chè chén và cờ bạc.

Đôi với đồng bào VN sống ở hải ngoại, họ tuy xa quê hương vẫn được hưởng ngày Tết truyền thống rất có ý nghĩa, tốt đẹp. Các tổ chức cộng đồng ở những nơi đông dân cư Việt sinh sống thường tổ chức Hội Xuân mừng năm mới với nhiều tiết mục truyền thống như cúng Quốc tổ đầu năm, có múa lân, đốt pháo, ca vũ nhạc kịch, vè lô tô, giải cờ tướng... kéo dài tới 2,3 ngày. Các hội đoàn như các Hội Đồng Hương, các Hội Cựu Quân Cán Chính, Hội Cựu Sinh viên Học sinh... tổ chức tiệc Tất niên hoặc Tân niên và phát các giải Khuyến học. Đặc biệt có nơi như Nam Bắc California, Houston Texas,... còn tổ chức diễu hành, các xe cộ hoa thường vinh danh hình ảnh anh hùng Tổ quốc, dung nước như Vua Hùng Vương và chống ngoại xâm giữ nước như Vua Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hưng Đạo Đại Vương.

Ngoài ra, hằng năm cộng đồng Việt còn tham gia diễu hành ngày Văn hóa quốc tế để bảo tồn và vinh danh văn hóa Việt nam với cộng đồng thế giới tại New York. Sự kiện này rất quan trọng của Tổ chức Văn Hóa Quốc Tế UNESCO hằng năm mà chính quyền Việt nam Cộng sản kiên tranh giành nhưng thất bại vì họ đã phá sản văn hóa nước nhà sau 43 năm cai trị miền Nam và 75 năm miền Bắc VN.

Ngày Xuân đôi với tín đồ Cao Đài:

Người đời, vào dịp cuối năm ngày xuân nhựt, thường tính số năm qua để biết làm ăn lời lỗ, con cái học hành hay làm

ăn thế nào để rút kinh nghiệm cho năm tới tốt đẹp hơn.

Đối với người Đạo, mặc dù vẫn làm ăn sinh sống với thế gian, họ không coi đây là mục đích, mà là phương tiện cần thiết để sinh hoạt hằng ngày. Đối với tín đồ Cao Đài dù còn nhập thế tức sống với thế gian bình thường hoặc đã xuất gia đi hành Đạo, ngày xuân là dịp để kiểm điểm lại phận sự tín đồ hay chức sắc của mình. Việc tự đánh giá mình năm qua có làm tròn phận sự chăng, việc hành Đạo có tiến bộ chăng và có làm tổn hại cho người khác hoặc đồng Đạo đau khổ chăng, Nếu có ngày Xuân chúng ta nên hóa giải bằng cách lập lại mối giao hảo tốt với người ta làm tổn thương đó. Có như thế, chúng ta mới thực sự thực hiện tình **thương yêu** và sự **công chánh** mà Đức Chí Tôn đã dạy đặt nơi Tịnh Tâm Điện Đền Thánh và các Thánh Thất làm **pháp lĩnh**.

Về mặt tinh thần, cúng bái Đức Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng liêng các ngày đầu Xuân rất quan trọng, có hiệu nghiệm hơn gấp nhiều lần các ngày thường, nhất là cúng giao thừa cung nghinh Đức Chí Tôn cùng rước chư Thánh. Đức Hộ Pháp thuyết Đạo lễ giao thừa Nhâm Thìn (1953):

“Mỗi năm đêm nay là đêm trọng hệ hơn hết. Bàn Đạo dám chắc và quả quyết giờ phút này là giờ phút tối yếu tối trọng hơn tất cả. Vì cơ cho nên Bàn Đạo dâng Thần cho Đức Chí Tôn đặng Ngài lấy hình thể hữu vi ấy mà ban ơn cho con cái của Ngài”

Ý nghĩa ngày Xuân: Ngày Xuân là ngày phục sinh của vạn vật, chứ không phải riêng con người.

Thực vậy, ta thấy cây cối đâm chồi nảy lộc, ra lá đơm hoa,

tươi tốt trở lại vào những ngày đầu mùa xuân, sau những tháng mùa đông cần cỗi trơ cành. Chim muông, côn trùng, thú hoang sinh sống nơi rừng rậm hoang đảo cũng được hấp thụ năng lượng mùa xuân mà nhảy múa tung tăng đầy nhựa sống. Đó chính là sống lại vậy.

Con người là phẩm cao nhất của vạn vật, tất nhiên cũng phục sinh như vạn vật..

Đây là lời Đức Hộ Pháp đã dạy:”*Tâm hồn của chúng ta trong một năm mờ mịt, khổ não, nhọc nhằn trong cảnh tang thương trần thế. Nay Xuân về, mấy em đến nhà Đại Từ Phụ, tức suối vĩnh sanh của tâm hồn mấy em. Qua thành tâm cầu xin Đại Từ Phụ ban ơn cho mấy em được phục sinh trong Thánh chất của Người.*

Chắc chắn cả thầy đều được hạnh phúc hiển nhiên đương thời hay là trong cảnh xương tàn cốt rữa vì đã được hồng ân của Chí Tôn ban cho về già, tức là dưới thế này sẽ được an nhàn cả tâm thân và hình thể. Mong sao cả thầy được mau phục sinh mới trong Thánh chất của Chí Tôn đó vậy”.

Thường ngày chúng ta cúng kiến rất bỏ ích tâm hồn, là món ăn tinh thần un đúc linh hồn ta tinh tấn, đạo tâm vững chắc như chính Đức Chí Tôn và các Đấng ân cần khuyên bảo. Ngày Xuân đi cúng viếng Thầy Mẹ lại được tăng năng lực, lợi lạc gấp nhiều lần hơn thường nhật. Sau giờ cúng Đàn nơi Thánh Thất hay Điện Thờ Phật Mẫu, nhất là cúng Giao thừa (0 giờ mồng 1 âl) rước chư Thánh hay Lễ vía Đức Chí Tôn (mồng 9 Giêng), chúng ta cảm nhận được hồng ân Đức Chí Tôn, tâm hồn phấn chấn, nở nang, mở rộng , đón gió Xuân ấm áp như được ơn trên ban phép lành.

Tóm lại, **ngày Xuân là ngày phục sinh của vạn vật**. Con người là bạn đồng sanh của vạn vật cũng được phục sinh, tức sống lại. Ngày xuân là dịp tín đồ hoặc chức sắc tự xét mình năm qua đạo đức, công quả, hành Đạo có tiến triển chẳng và làm tốt hơn năm mới. Năng đi cúng các ngày đầu năm để hưởng trọn vẹn hồng ân Đức Chí Tôn và các Đấng.

Về thể đạo, những ngày đầu Xuân là Tết cổ truyền của dân tộc, mọi nhà sum họp, vui Xuân với nhiều sự kiện truyền thống nhằm duy trì thuần phong mỹ tục, văn hóa nước nhà. Ngày xuân cũng là ngày ngày rút kinh nghiệm thành bại năm cũ mà làm tốt hơn: “Nhật tân, nhật nhật tân”, mỗi ngày mỗi đổi mới. Nhà đại thi hào Việt nam ta đã hồi tiếc tuổi Xuân đi qua mà không nên việc qua hai câu thơ được diễn nôm như sau:

*“Ngày qua đáng tiếc chưa nên việc,
Già đến đừng phiền với chút Xuân”.(1)*

Muốn không hồi tiếc tuổi Xuân may duyên gặp Đạo, ngay bây giờ chúng ta mau mau thực hiện pháp lệnh của Đại Từ Phụ: tính **Thương Yêu** và tính **Công Chánh**. Đó là **“Phụng Sự Vạn Linh”** tức con đường trở về với Đức Chí Tôn vậy.

Hoàn Nguyên

Ghi chú:

1- Nguyên văn : *“Vô thành vãng nhật tư nan tích,
Dĩ lão đương xuân sấm mạc sầu”*

2-Tài liệu tham khảo: Lời Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp (1948) và Đức Thượng Sanh (Đình Dậu)

**Ngày xuân, ngắm cành mai Mãn Giác
(La Vinh)**



Mãn Giác Thiền sư (1052 – 1096) là một vị cao tăng sống ở thời nhà Lý. Chuyện rằng, trước khi viên tịch, ông đã đọc cho các đệ tử nghe bài kệ (kinh kệ), nguyên tác bằng chữ Hán, phiên âm như sau:

*Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhãn tiền quá,
Lão tòng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

Bản dịch của Ngô Tất Tố cho bài kệ này là:

*Xuân ruổi trăm hoa rụng,
Xuân về trăm hoa rụng,*

*Xuân tới, trăm hoa cười.
Trước mắt việc đi mãi,
Trên đầu già đến rồi
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua, sân trước một nhành mai*



Trước khi tìm hiểu bài kệ của Mãn Giác, xin phép được nhắc đến một giai thoại khá nổi tiếng trong lịch sử văn học Trung Hoa xưa về Vương An Thạch và Tô Thức, kể rằng:

Có lần, Tô đọc thơ của Vương, thấy có hai câu:

*“Minh nguyệt sơn đầu khiếu/
Hoàng khuyến ngọc hoa tâm”.*

Đông Pha chê là vô lý: “Trăng sáng sao lại hót ở đầu núi, chó vàng sao lại nằm trong lòng hoa được?” Họ Tô lấy bút sửa chữ “khiếu” ra chữ “chiếu”, sửa chữ “tâm” thành chữ “âm”, thành ra:

“Minh nguyệt sơn đầu chiếu/
Hoàng khuyển ngọc hoa âm”,

tạm dịch là:

Trăng sáng soi đầu núi/
Chó vàng nằm dưới hoa.

Sau đó, Tô Đông Pha bị đày tới một nơi ở phía nam. Ở đó, Đông Pha thấy một loài chim tên là Minh Nguyệt, và một loài sâu tên là Hoàng Khuyển. Lúc đó, Đông Pha nhớ lại hai câu thơ của Vương An Thạch, có nghĩa là: “*Con chim Minh Nguyệt hót ở đầu núi/ Con sâu Hoàng Khuyển nằm giữa đóa hoa*”. Tô Đông Pha giật mình mới biết kiến thức trong thiên hạ còn rất mênh mông. Những thăng trầm biến cải của cuộc đời họ Vương đã làm giàu cho văn chương của ông rất nhiều.

Tìm hiểu bài KỆ (tạm thời ta quy ước là bài Thơ) của Mãn Giác, khi nói về ba chữ NHẤT CHI MAI cuối tác phẩm, cũng không ít những cách hiểu, cách cảm khác nhau. Theo Vũ Quyên thì “biết Mai, cũng lắm công phu”. Dân gian còn lưu lại những: Hoàng Mai, Nhị độ Mai, Mai Tứ Quý... Và còn có một loài Mai có tên “NHẤT CHI MAI”. Nó có gốc từ Ấn Độ. Lá xanh quanh năm, mọc thành bụi hay có thể uốn thành cây, hoa màu đỏ, nhụy vàng và có 5 cánh như hoa Mai, hoa Đào.

Người ta kể về mối tình rất kỳ lạ giữa Hồ Quý Ly với Công chúa Nhất Chi Mai. Lúc hàn vi, Hồ thường theo người cha nuôi họ Lê đi buôn đường biển. Một lần thuyền chở hàng ghé vào bờ, Quý Ly thấy trên bãi biển có ai vạch lên cát câu thơ. Quý Ly nhảm thuộc lòng lấy câu thơ đó. Đến khi

Quý Ly đã làm quan, một hôm hộ giá vua Trần đi chơi, nửa chừng ghé vào tránh nắng ở điện Thanh Thử, thấy trước điện rất nhiều cây quế, vua liền ra câu đối: “Thanh Thử điện tiền thiên thụ quế”. Các quan cùng đi lúng túng chưa kịp đối thì Quý Ly nhớ lại câu thơ trên bãi biển năm xưa, bèn đọc luôn: “Quảng Hàn cung lý Nhất Chi Mai”.

Cả hai câu ghép lại thành hai vế đối nhau rất chỉnh. Nghĩa là:

“Thanh Thử điện kia ngàn gốc quế Quảng Hàn cung nọ một cành mai.”



Vua Trần rất kinh ngạc hỏi Quý Ly: “Nhà ngươi làm sao biết được trong cung cấm của ta có công chúa tên Nhất Chi Mai và tòa lầu của công chúa là cung Quảng Hàn do chính ta đặt tên?” Quý Ly tâu lại việc trước. Vua cho là chuyện lạ, duyên trời đã định, bèn gả công chúa Nhất Chi Mai cho Quý

Ly. Nhất Chi Mai sinh được 2 con trai thông minh, có tài là Hồ Nguyên Trừng và Hồ Hán Thương. Những nhân vật này rất nổi tiếng dưới triều nhà Hồ.

Trở lại hai câu thơ cuối của Thiền sư Mãn Giác. Cụm từ “NHẤT CHI MAI” có nghĩa là MỘT CÀNH MAI. Nhưng, nếu nó là tên một loài hoa Mai thì câu thơ có thể diễn Nôm là:

*“Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua, trước sân vẫn
còn có một loài Nhất Chi Mai”*

Tôi nhớ, cách đây trên 10 năm, “Kiến thức ngày nay” có tổ chức bình bài thơ này trong phạm vi cả nước. Rất nhiều bài được đăng. Và tác phẩm được giải kết thúc bằng những câu văn rất mượt mà. Đáng tiếc là tác giả đã không biết bông hoa Mai của Mãn Giác; cứ liên tưởng một cách rất tự nhiên về bông Mai Vàng ngày Tết của người miền Nam nước ta. Nên nhớ cách đây nghìn năm cương giới nước ta chưa có phần đất Đàng Trong. Mãn Giác thời ấy chưa hề biết đến loài hoa Mai mà hôm nay chúng ta dùng đón Tết. Có lẽ để tránh cách hiểu này cụ Hoàng Xuân Hãn, quê Đức Thọ, Hà Tĩnh đã dịch:

*“Xuân qua trăm hoa rụng,
Xuân lại nở trăm hoa.
Trước mắt sự đời thoáng,
Trên đầu hiện tuổi già.
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết;
Ngoài sân đêm trước một cành MƠ.”*

Hầu hết các bản dịch đều dùng chữ Mai trong nguyên bản Trong chữ Hán là 梅 (mai) nhưng người Việt mình hay gọi

là cây mơ. Cây mơ ở Trung Quốc có nhiều, là loại cây ăn quả có hoa đẹp màu trắng, có khi hơi ửng hồng hoặc đỏ. Mơ có nhiều ở các tỉnh phía Bắc nước ta. Đặc biệt là ở vùng rừng núi Việt Bắc hoặc ở động Hương Tích. Ngày xuân, chúng ta chắc còn nhớ bài thơ CÔ HÁI MƠ của Nguyễn Bính. Hồng Đức quốc âm thi tập của Lê Thánh Tông có bài thơ “Hoa mai”: “...*Hoa bạc phau phau xâm khí tuyết/ Chồi xanh ều ều lạt hơi may*”

Sắc hoa “bạc phau phau” còn ngấm cái lạnh giá mùa Đông ở đây là sắc trắng đặc trưng của hoa mơ. Như vậy “mai” trong câu thơ “Đình tiền tạc dạ nhất chi mai” dịch là “Ngoài sân đêm trước một cành mơ” là đúng. Hiển nhiên, trong trường hợp này ta không thể hiểu NHẤT CHI MAI là một loài hoa Mai không phổ biến, không có tác dụng gợi hàm nghĩa văn chương để nói một triết lý chứng Ngộ uyên thâm của người tu hành.



(Ảnh: Phatgiaoaluoai.com)

Một điều cần bàn nữa là tên của tác phẩm. Đây là bài Kệ được đọc cho chúng đệ tử ghi chép trước lúc Mãn Giác viên tịch. Mãi đến 7 thế kỷ sau vào thời Trịnh – Nguyễn phân tranh, Lê Quý Đôn mới đặt tên cho nó là CÁO TẬT THỊ CHÚNG nghĩa là “Có bệnh bảo mọi người”. Riêng cái chữ “bệnh” là không phù hợp với tư tưởng của nhà Phật rồi. “Người tu luyện không có bệnh” là một định lý. Đưa điều này ra để tranh luận thì sẽ quá phức tạp.

Dân gian nói: “Đói ăn rau, đau uống thuốc” là không sai. Tầng thứ của người Thường là ở trong hệ thống Pháp lý của người Thường. Họ phải Sinh, Lão, Bệnh, Tử; phải luân hồi; phải tuân thủ luật nhân quả...

Còn tầng thứ người tu luyện lại là hệ quy chiếu đối ngược. Họ khác người Thường, vượt khỏi cảnh giới của người Thường thì nhắc tới chữ Bệnh là đưa họ trở về với Thường nhân. Với người tu luyện, họ nhìn được chân tướng của sự vật, của sinh mệnh trong tam giới này nên họ không hề chấp trước và bi quan với lẽ sinh tử kiếp người!

Tôi nhớ những lần Pháp nạn của Phật giáo. Người ta dẫn tới trước mặt vị vua đầy thành kiến và hận thù hai hòa thượng rất an nhiên, hòa ái. Vua gầm lên nói rằng tu Phật là để giải thoát cuộc đời ô trọc. Vậy bây giờ vua lấy đi mạng sống của hai người, liệu có được không? Hai nhà sư im lặng mỉm cười trước lưỡi dao đao phủ. Họ chết mà tâm không động một mảy may sợ hãi. Thường nhân chúng ta khó lòng hiểu được chân lý bên trong.

Bây giờ chúng ta hãy nói qua về bài thơ (kệ) 6 dòng của Mãn Giác. Hai câu đầu:

“Xuân ĐI, trăm hoa RỤNG, Xuân ĐẾN, trăm hoa KHAI.

Chỉ là thông báo tường thuật sự việc một cách thuần túy. Hầu như ai cũng trực giác cảm nhận cái quy luật rất thực tế, rất phổ biến của loài hoa cỏ. Sau này, Hồ Xuân Hương cũng nhìn cái quy luật ấy nhưng không có cái khách quan, điềm đạm của nhà sư: “NGÁN NỖI xuân đi, xuân LẠI lại”. Vì vậy mà cảm thán thờ dài: “Mảnh TÌNH san sẻ tí con con”. Những từ cảm thán, những từ láy đã làm cho tâm sự họ Hồ thường nhân hơn, phù hợp với cảnh giới bẽ dâu vốn là bẽ khổ của kiếp nhân sinh, kiếp luân hồi. Cái chữ Tình quái ác của thế nhân cũng luôn là lò thiêu rừng rục tâm người, khiến thế nhân điên đảo.



(Ảnh: Kronosapiens.com)

Nhân tiện, hãy đọc thêm bài thơ “Chôn Hoa” của nàng Lâm Đại Ngọc chôn hoa và thương cho kiếp người trôi dạt bởi chữ Tình đầy tục lụy trong Hồng Lâu Mộng. Nếu đọc kỹ giai phẩm này, ta thấy tác giả cũng nói hoa muộ, hoa

tàn nhưng để mà tử thân, than thân khi chữ Tình cứ làm mê muội con người.

Hai câu của Mãn Giác nhìn xuân rất điềm tĩnh. Cái hay của nó là cách nhìn rất ngược với logic của thường nhân. Hoa nở, hoa tàn; bèo mây hợp rồi tan; con người gặp gỡ để rồi li biệt... đã mặc định rồi. Mãn Giác cho ta cái nhìn bắt đầu từ “Xuân đi” tiếp nối lại là “Xuân đến”. Quá trình ấy “trăm hoa” vẫn cứ “trăm hoa” không bớt đi một bông nào. Cả một mùa hoa, cả một mùa xuân, tất cả những sự vật hiện tượng hiện hữu Sắc Tướng, Sắc Thân ở thời điểm này, ở không gian này bỗng dưng biến mất. Cái HỮU thành cái VÔ. Tất cả đều đã ra đi.



(Ảnh: [Blogspot.com](#))

Chữ KHỨ trong câu thơ là rời không gian, dịch chuyển sang một không gian khác. Trong con mắt Thường Nhân, KHỨ

có thể là tàn lụi, là cái chết, là sự mất đi. Thế nhưng, với những người tu luyện đã ngộ Đạo, đã Giác đến viên Mãn thì họ không nhìn như thế. Vật chất, tinh thần; sự sống, cái chết, âm và dương, tương và khắc chẳng qua là một quy luật thường hằng. Chẳng hạn, một người bạn của ta đi lên Tây Tạng học Tạng Mật và sẽ ở trên đó mai danh ẩn tích mãi mãi. Người ấy ĐI (KHỨ) nhưng không chết. Người ở lại dù sao cũng cảm thấy yên lòng. Nhưng nếu có một đám ma người ấy thì nỗi đau thê thiết là có thật.

Thực ra, khi ta chứng ngộ con người có linh hồn, có nguyên thân thì cái chết chỉ hủy hoại nhục thân chứ không thể hủy hoại bản lai của sinh mệnh. Ta coi cái Chết và sự sống chỉ là hai quá trình hai biểu hiện của một sinh mệnh không bị hủy diệt thì ta thấy sợ hãi cái chết chính là một chấp trước lớn nhất của chữ Mê mà con người luôn chạnh lòng, không dám đối diện.

Hoa Mai rụng là biểu hiện của Sắc tướng mà ta chứng kiến bằng thị giác. Nhưng cành mai, thân mai, rễ mai ấy vẫn đang còn sống. Cái căn gốc, cái nhựa sống bên trong của mai đâu có mất. Chỉ cần những điều kiện của Xuân, chỉ cần có những yếu tố Duyên lành của Xuân thì mai đến kỳ là mai lại nở. Vì không ở trong cảnh giới tu luyện nên Xuân Hương, Xuân Diệu luôn đối kháng giữa Xuân của đất trời và Xuân của kiếp người. Thực ra, cả hai cái xuân ấy đều đối ứng và không mất đi.

(Tôi rất thích hai chữ lập âm KH. Đó là KHỨ và KHAI. Đi nghĩa là đóng cánh cửa có sắc tướng để cho cõi Mê tưởng rằng đó là mất, là chết. Thực ra, đi là để trở về mở toang

cánh cửa KHAI MÔN cái chữ Không cho thế gian lại ồ lên kinh ngạc khiến kẻ lạc quan thì vui; kẻ bi quan thì chuẩn bị chôn hoa mà đắm lệt với Tình. Hai câu tiếp theo:

Việc đời theo nhau ruổi qua trước mắt, Tuổi già hiện đến từ trên mái đầu.



Ảnh: Kontumqueto.com)

Cũng là hai câu trần thuật rất khách quan. Sống trong thế giới con người thì hàng ngày va chạm với thất tình lục đục là tất yếu. Cuộc thế một trăm năm nhưng ngày nào không có những cuộc bể dâu, không có “biến cải vũng nên đời”?

Trước lúc lâm chung, mọi sự đời vui buồn lớn nhỏ được Mãn Giác đồng hóa thành các vòng quay đều đặn. Không có sóng nhỏ hoặc ba đào, không có những ân oán, yêu thương hận thù... Tất cả cứ tự nhiên như nhiên vốn là quy luật đã có an bài. Nhìn những sự kiện trôi qua để xóa nhòa nó chứ không phải chấp vào nó là một phản ứng rất tự nhiên

của người đang Mãn Giác cùng với Pháp. Chắc chúng ta còn nhớ khi sắp mất, người cha Trần Liễu đã cầm tay Trần Quốc Tuấn với di chúc là lời nguyện cần phải báo thù. Và Hưng Đạo Vương đã chối từ cách báo hiếu đẫm máu ấy.

Được/ mất, đi/ ở đối với người giác ngộ khác với cách của người thường. Khi không coi trọng các sự kiện thì hiển nhiên người tu luyện cũng sẽ sống tùy duyên với vô vi. Thời gian trôi chảy. Nhìn mái đầu của mình lấm chấm hoa râu hay bạc phau mây trắng thì có thể cảm nhận được được điều ấy. Tỉnh táo nhận biết tất cả nhưng không chấp nó là bản lĩnh của người tu luyện. Sự việc ra đi (Sự trục) thì cái già cũng theo đó mà lại.

“Sự” có thể là công Đức tích góp từng ngày, cũng có thể là “thập ác bất xá” chiêu mời Nghiệp lực đến từng ngày. Đến một lúc nào đó cá nhân ấy sẽ ra đi mang theo hai chủng ấy mà trở lại. Chắc hẳn Mãn Giác rất thỏa mãn khi thấy cái già theo Sự và cái Lai chỉ là những mùa hoa do tích Đức mà có. Cái già hôm nay về với Không Môn nhưng Đức ấy sẽ trở lại. Xuân đến, trăm hoa lại nở! Đứng trước cái chết mà rất lạc quan! Dù sao bốn câu đầu cũng nghiêng về trần thuật. Các động từ dày đặc, không có một tính từ nào để bình phẩm, khen chê.

Hai câu cuối mới là bài giảng rất thâm sâu cho chúng tăng, cho chúng sinh trước lúc Sư viên tịch:

Đừng cho rằng xuân tàn thì hoa rụng hết,

Đêm qua, một cành mai đã nở trước sân.

Có một hiện tượng có vẻ đặc biệt, bất chấp quy luật tự

nhiên. Rõ ràng, hàng ngàn năm nay, hoa nở khi xuân tới và hoa sẽ rụng hết khi xuân tàn. Nhưng có một loài hoa bất khuất không như thế. Đó là bông hoa mai. Nó không phải nở đúng vào thời khắc rất nhạy cảm của đêm giao thừa như hoa Đào. Nó bị vùi dập trong tuyết lạnh của mùa Đông tháng giá. Nhưng nó lại là loài hoa báo tin xuân trước tất cả mọi loài hoa. Có lẽ vì đặc điểm này mà mai được gắn cho nhiều phẩm chất đáng quý của người quân tử, người Tỉnh Giác, người đánh thức. Mai gắn với hình tượng của những Đấng Giác Giả độ nhân.



(Ảnh: Anhduong.net)

Phải đến cuối Đông thì những bông hoa gan lì nhất với thời tiết mới hết nở. Trong cái giao thời Đông và Xuân ấy, hoa mai trên tuyết đã nở. Thật diệu kỳ, thật thần thoại.

Sự ra đi của một bậc Viên Mãn, của một Giác Giả lại chính là cách thức mà ông phổ độ chúng sinh và truyền Pháp có ý

nghĩa nhất. Phải chăng Mãn Giác đang nghĩ tới thầy mình là Thích Ca Mâu Ni và cũng đang nghĩ về một đời tu hành của chính mình đi về Viên Mãn?

“Đêm qua” là thời gian, “sân trước” là không gian. Trên cái khung của mối mẻ này xuất hiện một cảnh mai thật huyền diệu. Nó như minh chứng cho cái tưởng như đã là Không thành cái hữu, cái Sắc. Cảnh mai nói cho người ta cái đã đi đang trở lại. Đứng hơn đi và lại; sinh và tử chỉ là con người trong mê của chúng ta dùng từ ngữ giả tướng để gọi tên. Vật chất bất diệt. Nguyên Thần bất diệt. Chúng có khi thị hiện có khi không. Chỉ thế mà thôi.

Hiển nhiên để hiểu cái điều này đối với những ai tu luyện Phật Gia thì nó trực quan cụ thể. Ai đứng ngoài, đọc những dòng này có thể hoang mang và thấy rối rắm. Mãn Giác đã dùng một hình tượng trực giác thay cho vạn lời nói. Thực ra, những tác phẩm về loài hoa Mai có rất nhiều. Nếu có điều kiện đọc chúng, ta sẽ liên tưởng được nhiều điều ý vị. Có lẽ nổi tiếng nhất sáng tác cả trăm bài về Mai là Lục Du, nhà thơ thời Nam Tống. Theo tôi hay nhất là bài Từ “Bốc Toán Tử – Mai”, qua bản dịch của Cao Tự Thanh:

Ngoài dịch trạm bên cầu, Lặng lẽ hoa không chủ. Như nền gần tàn đã tự sâu, Lại khổ mưa cùng gió.

Không có ý giành xuân, Ganh ghét tùy hoa cỏ. Rơi rụng ngày sau hóa đất bùn, Chỉ biết thơm như cũ.

Có lẽ Mãn Giác không thể không biết đến bài thơ “Tảo Mai” của nhà sư Tề Kỷ (864-937), qua bản dịch sau:

MAI NỞ SỚM

Vạn cây băng giá chết
Một cội ẩm mọc ra
Đầu xóm trong tuyết đặc
Một cảnh đêm nở hoa.
Gió xa đem hương ẩn
Chim ngắm hoa trắng ngà
Năm tới như đúng tiết
Mừng Xuân sáng ánh tà.



(Ảnh: Youtube.com)

Người ta cũng cho rằng, một nhành mai ở đây còn là biểu tượng của sự Ngô đạo. Đó là sự khai Ngô trước lúc về Viên Mãn. Trong kinh Phật có kể một lần trước chúng tăng đông đảo, Phật giảng Pháp bằng cách cầm một cành hoa. Mọi người nhón nhác. Chỉ có Ca Diếp là nhìn Phật với gương mặt bừng sáng với nụ cười tươi. Phật cho rằng Ca Diếp đã

ngộ những gì Phật muốn truyền tải.

Để kết thúc bài thơ ngàn năm luôn mới mẻ này, ta đọc một câu chuyện về lẽ sinh tử của vị sư Nhật Bản xưa.

Ninakawa đang hấp hối trên giường bệnh. Sự sống đang mất dần. Thầy của Sư là Sư Ikkyu đến thăm và hỏi: “Ta biết người đang chịu đựng cơn đau ghê gớm. Ta giúp được gì cho người?”. “Con đến không đem theo vật gì, ra đi cũng không mang theo gì, ngài giúp được gì cho con?”. “Nếu thực sự người nghĩ ‘Có Đến, Có Đi’ thì ta sẽ chỉ cho người con đường ‘Không Đến, Không Đi’”. Những lời nói đó đã đưa Ninakawa vào cõi Không vô cùng vô tận với nụ cười giải thoát trên môi.

Sống và Chết là một đề tài trần trụi của nhân loại từ vạn cổ. Với người thường, đây không phải là điều hứng thú dù để bình luận. Thấy sự vô nghĩa kiếp người nên có những kẻ cho rằng sống được phút nào thì hưởng thụ cuộc sống phút ấy “Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt”...

Với người tu luyện, họ tin Nguyên Thần bất tử thì Chết không phải là một đề tài phải lẩn tránh hay xua đuổi, mà là cái chìa khóa để mở cánh cửa đưa vào những gì được xem là bí ẩn của cuộc đời. Chính nhờ hiểu biết cái Chết mà ta hiểu được Sự Sống; bởi vì hiểu theo một chiều hướng, Chết là một phần trong tiến trình Sống. Theo một lối hiểu khác, Sống và Chết là hai giai đoạn tận cùng của một tiến trình, hai đầu của một luồng trôi chảy, và nếu hiểu biết được đầu này thì cũng hiểu biết được đầu kia. Do đó, khi hiểu được ý nghĩa và mục tiêu của sự Chết, ta cũng hiểu được ý nghĩa và mục tiêu của kiếp nhân sinh. Quan niệm này đã được nói rõ

trong bài thơ ĐÓN TĨNH của Tuệ Trung Thượng sĩ, qua bản dịch của Huệ Chi:

“Biết rằng “không”, “có” chẳng cách xa,
“Sống”, “chết” nguyên từ đọt sóng ra.
Trăng rọi tôi nay: trăng tôi trước,
Hoa cười năm mới: hoa năm qua.
Ba sinh: gió thổi, đuốc loè tắt,
“Chín cõi: cõi vắn, kiến nhân nha.”



(Ảnh: Youtube.com)

Vì chúng ta đa số mọi người là xa lạ với con đường tu luyện cho nên nghe những lời bình luận về nó cứ mơ hồ. Nhiều người thâm nhập vào hệ thống lý thuyết của nhà Phật do ông này ông nọ viết chứ không tìm về bản gốc của Đức Phật. Họ nói lại những lời của người khác không phải của Phật. Do đó có sai lệch và nhiều lúc mâu thuẫn.

Giật mình, nhớ bài thơ “Tọa Kính Đình sơn” của Lý Bạch. Giữa hai lựa chọn của thường nhân là tranh nhau như bầy sẻ tìm danh lợi, bồng bềnh như đám mây hưởng Nhân thì lựa chọn của Lý Bạch lại là ngồi tọa bất động như núi Kinh Đình.

Thế nhân kia sống trong Mê như trăm loài hoa hết tử lại sinh. Họ đâu mất đi trong vòng luân hồi lục đục? Nhưng để thoát nó phải là một cành mai tươi mới ở một thời, không khác; một tầng thứ cảnh giới khác.

Cái mà giới tu luyện ngày xưa đã nói là “không trong ngũ hành, ra ngoài tam giới”. Cành mai biểu tượng của Mãn Giác không bị khống chế của thời gian(Tạc dạ) thì hiển nhiên nó phải ở một không gian khác. Nó có cảnh giới khác. Mãn Giác đã ra ngoài cái thân tứ đại vốn chết đi cũng hủy hoại cùng cây cỏ. Thực vậy, muôn chúng sinh không mất, mà họ phải thuận theo quy luật luân hồi. Họ chuyển sinh trong tam giới khổ đau. Riêng ông, thật sự đã Mãn Giác chứng ngộ. Sư đã đề xuất con đường tu luyện xuất tam giới với sự kiên cường dũng mãnh. Cành mai của Mãn Giác sẽ bất tử vĩnh viễn trong mùa xuân tĩnh tại.

Chợt nhớ, thời tại thế, nhiều người đã hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni: “Ngài là ai? Ngài có phải là một vị Thần hay

không?”. Phật nói: “Không phải!”. “Ngài là một vị sứ giả của trời sao?”. Phật lại đáp: “Không phải!”. Người khác hỏi: “Vậy ngài là một vị thánh nhân?”

Phật đáp: “Không phải”. “Vậy thực chất, ngài là ai?”. Phật trang trọng nói từng tiếng một: “Ta là giác giả”.

Trong tiếng Phạn, Giác Giả là từ “Buddha”. Người Việt Nam gọi là Bụt. Ta có thể thấy Ông này hầu hết trong các chuyện cổ tích. Người Hán dịch là Phật Đà, sau chỉ dùng một chữ “Phật”.

Chữ gốc “budh” có nghĩa là “tỉnh” (tỉnh ngộ, giác ngộ, hết bị mê) và “biết” (sự hiểu biết, tri thức). Bởi vậy chữ “Buddha” có nghĩa là người đã giác ngộ, người đã thức tỉnh. Như vậy,

Phật là sinh mệnh cao tầng. Thông qua tu luyện mà Huệ Ngộ. Mãn Giác đang nói với chúng ta một chân lý mới mẻ.

Muốn không có xuân đến xuân đi, muốn không có hoa rụng, hoa nở; muốn không thao thức với tuổi già và các sự việc thế gian... Chỉ có thể làm giác giả, làm cảnh mai tinh tại nở vĩnh viễn trong một thế giới đơn nguyên không có thời gian như trần thế. Đó là giải thoát. Đó là Giác Giả, một người Giác ngộ đến với thế giới Viên Mãn.

Đức Phật đã từng cầm cành hoa ân ngữ để cho ai đủ duyên lành Ngộ Pháp. Mãn Giác cũng cho xuất hiện một cành mai trong bài Kệ của mình nói với mọi người lần cuối để vào Không Môn. Tầng thứ hiển nhiên khác nhau. Nhưng có sự tương đồng. Phải vậy chăng mà mỗi người đến với bài thơ đều có thể tâm đắc một cách riêng cho mình?



(Ảnh: Hinhanhdep.net)

Muốn không có xuân đến xuân đi, muốn không có hoa rụng, hoa nở; muốn không thao thức với tuổi già và các sự việc thế gian... Chỉ có thể làm giác giả, làm cảnh mai tĩnh tại nở vĩnh viễn trong một thế giới đơn nguyên không có thời gian như trần thế. Đó là giải thoát. Đó là Giác Giả, một người Giác ngộ đến với thế giới Viên Mãn.

Đức Phật đã từng cầm cành hoa ẩn ngữ để cho ai đủ duyên lành Ngộ Pháp. Mãn Giác cũng cho xuất hiện một cành mai trong bài Kệ của mình nói với mọi người lần cuối để vào Không Môn. Tầng thứ hiển nhiên khác nhau. Nhưng có sự tương đồng. Phải vậy chăng mà mỗi người đến với bài thơ đều có thể tâm đắc một cách riêng cho mình?

La Vinh

(Nhận được trên internet)

BÍ MẬT CỦA “TẾT” (Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều)



“Tết không phải đơn giản là sự kết thúc một vòng thời gian tính theo năm, mà như là một tiếng lay gọi làm cho con người thức tỉnh bao điều”

Tết không phải đơn giản là sự kết thúc một vòng thời gian tính theo năm, mà như là một tiếng lay gọi làm cho con người thức tỉnh bao điều. Theo cách nhìn cũng như trải nghiệm của mình, tôi thấy Tết chứa đựng trong nó những bí mật làm cho con người sống tốt đẹp hơn. Mấy năm gần đây, có một số người đã đặt vấn đề bỏ ăn Tết Truyền thống, và dùng Tết Dương lịch thay vào (như nước Nhật đang cố xúy). Lý do của họ thật đơn giản. Họ cho rằng: Tết Truyền thống hiện nay gây ra một số phiền lụy như: Lãng phí thời gian

và vật chất, sinh ra một số thói xấu trong việc biếu xén quà cáp.... và làm cho con người mệt mỏi, căng thẳng hơn !.

Những hiện tượng mà họ đưa ra là đúng! Nhưng họ lại sai lầm trong cách nhìn nhận bản chất của Tết Truyền thống của người Việt Nam ta. Thực chất, những phiền lụy ấy là sinh ra từ thái độ sống của những người lấy Tết như là một lý do để thực thi những công việc khác, chứ không phải là một sự kiện của Văn hóa.

Những sự kiện Văn hóa được sinh ra từ đời sống tinh thần của con người từ bao ngàn năm qua, và những sự kiện Văn hóa ấy quay lại làm lên đời sống tinh thần của con người. Tết chỉ diễn ra trong mấy ngày, nhưng lại chứa đựng những giá trị tinh thần bền vững của Văn hóa Việt mình. Tết không phải đơn giản là sự kết thúc một vòng thời gian tính theo năm, mà như là một tiếng lay gọi làm cho con người thức tỉnh bao điều. Và theo cách nhìn cũng như trải nghiệm của mình, tôi thấy Tết chứa đựng trong nó những bí mật làm cho con người sống tốt đẹp hơn !.

1- Bí mật thứ nhất: Khởi mở tình yêu quê hương:

Mỗi năm, khi đến những ngày giáp Tết, là lúc lòng người dâng lên nỗi nhớ quê hương, và những người thân yêu của mình. Người xa nhà mong trở về, người ở nhà mong người đi xa về. Trong thời gian suốt một năm, những ngày giáp Tết là những ngày nỗi nhớ thương ấy nhiều hơn tất cả những ngày khác.

Tôi từng gặp những người định cư ở ngoại quốc trong những ngày giáp Tết mà họ không trở về cố hương mình được. Thời gian ấy đối với họ là khoảng thời gian mà ký ức

họ ngập tràn những kỷ niệm về nơi họ sinh ra, và lớn lên. Đó cũng chính là thời gian mà con người nghĩ về nơi chôn nhau cắt rốn nhiều nhất, và da diết nhất.

Vào những ngày giáp Tết ở quê tôi, những gia đình có người thân đi làm ăn, học hành xa, hoặc lấy chồng, lấy vợ ở xa, đều mong ngóng họ trở về. Vào đêm Giao thừa, những gia đình ấy vẫn mở cửa ngõ và lắng nghe tiếng chân ai đó vào ngõ. Có thể những ngày khác trong năm họ bận công việc, học hành... mà ít nhớ về cố hương. Và cũng có thể có người bỏ quê ra đi vì nhiều lý do không có ý định trở về, nhưng khi Tết đến, lòng họ bỗng đổi thay.

Lúc đó, tiếng gọi của cố hương, của những người thân yêu vang lên trong lòng họ hơn lúc nào hết. Và chính vậy mà có những người khi đã già thì tìm cách trở về cố hương. Không ít những người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài mấy chục năm cuối cùng đã trở về, để được sống, và được chết trên mảnh đất cố hương mình. Khoảng thời gian kỳ diệu của những ngày giáp Tết đã chứa đựng trong đó những bí mật có khả năng đánh thức những vẻ đẹp, những thiêng liêng trong sự lãng quên của con người.

2- Bí mật thứ hai: Kết nối với quá khứ:

Vào ngày cuối cùng của năm cũ, hầu hết ở các làng quê, những người sống khăn áo chỉnh tề ra phần mộ của những người thân yêu đã khuất thấp hương, và mời người đã khuất trở về ăn Tết cùng với gia đình.

Có một sự thật là, trong cái thời khắc thiêng liêng đứng trước phần mộ của những người thân yêu trong ngày cuối năm gió lạnh, những người sống cảm thấy được hơi thở, giọng nói và

nhìn thấy gương mặt của những người đã khuất.

Ngày cuối cùng ấy của năm cũ, một không khí lạ lùng bao phủ con đường từ nghĩa trang trên cánh đồng chạy về làng, và bao phủ trong những ngôi nhà. Những mát mát, những thương đau, và nhớ nhung những người thân yêu đã khuất như vụt tan biến. Những người sống cảm thấy ngôi nhà của họ ấm áp hơn !.

Cái ngày cuối cùng của năm cũ ấy như mở ra một cánh cửa vô hình để những người sống, và những người đã khuất gặp nhau, cho dù chỉ ở trong cảm giác và cảm xúc. Nhưng những điều đó cho dù mơ hồ vẫn là một phần quan trọng trong đời sống của con người. Nó làm cho con người dâng lên tình yêu thương, lòng ơn kính với Tổ tiên, ông bà, cha mẹ....

Và như một sự vô tình, không khí của ngày cuối cùng năm cũ ấy gieo vào lòng người sống những hạt giống của tình yêu thương, và kết nối họ với quá khứ !.

3- Bí mật thứ ba : Sự bền vững của gia đình:

Ai cũng có một gia đình. Và không ít gia đình hiện nay do xã hội thay đổi, và do nhiều lý do của đời sống, mà các thành viên trong gia đình sống tản lạc ở nhiều nơi khác nhau. Có không ít gia đình chẳng bao giờ có một ngày sum họp đầy đủ các thành viên của mình. Đôi khi, với lý do này, lý do khác mà ông bà, cha mẹ, anh em, dâu rể, con cháu trong một gia đình không có dịp sum vầy với nhau.

Nhưng Tết là dịp duy nhất với lý hợp lý nhất để mọi người bỏ hết công việc sum họp với nhau.

Khi mẹ tôi còn sống, mẹ tôi mong Tết. Bà mong Tết không

phải là mong như tôi từng mong Tết đến hồi còn nhỏ, cho dù Tết đến mẹ tôi phải lo lắng nhiều thứ. Mẹ tôi mong Tết để những đứa con của bà có ít nhất một ngày quây quần bên bà, như khi chúng còn nhỏ. Cho dù khi tôi đã có tuổi, nhưng tôi vẫn cảm thấy vô cùng hạnh phúc khi có một ngày anh chị em cùng con cháu trở về làng, và được ngồi ăn một bữa cơm bên cha mẹ trong ngôi nhà chúng tôi đã lớn lên.

Khi cha mẹ mất đi, nhiều người mới nhận ra sự mất mát to lớn không gì bù đắp nổi. Một hiện thực mà hầu như ai cũng nhận ra là đời sống hiện đại đã và đang xé một gia đình truyền thống ra từng mảnh. Và như vậy, tính bền vững của một gia đình sẽ bị lung lay.

Hàng năm vào những ngày giáp Tết, tôi thích ngắm nhìn những người khăn gói về quê ăn Tết. Không có gì quyến rũ họ ngoài việc họ được trở về nhà mình, và sum họp với ông bà, cha mẹ, anh em, họ hàng làng xóm. Hình ảnh ấy luôn làm tôi xúc động.

Nhưng càng ngày càng nhiều hơn những người không muốn về quê ăn Tết, hay ở nhà ăn Tết với gia đình. Có những người còn trẻ nhân dịp Tết đi du lịch. Họ rời gia đình khi bắt đầu được nghỉ Tết, và chỉ trở về để hôm sau bắt đầu ngày làm việc đầu tiên của Năm Mới. Họ có cách nhìn, và có quyền của họ.

Nhưng tôi thấy tiếc cho họ khi họ không cùng ở nhà với cha mẹ mình chuẩn bị đón Tết. Bởi lúc đó, thời tiết, và không khí đang lan tỏa những gì ấm áp và thiêng liêng nhất trong chu kỳ thời gian của một năm, mà sau đó họ không thể tìm lại được cho tới một năm sau. Sự lan tỏa ấy sẽ bồi đắp tâm hồn

con người những những lớp «phù sa» màu mỡ của những vẻ đẹp trong đời sống tinh thần con người.

4- Bí mật thứ tư: Sự hàn gắn:

Có những rạn vỡ giữa người này người kia, mà một hoặc cả hai người không có cơ hội để gặp nhau, và nói một lời xin lỗi, hay chia sẻ và xóa đi những hiềm khích, mâu thuẫn trước đó. Nhưng khi Tết đến, họ nhận ra đó là cơ hội tốt nhất cho họ.

Thường khi bước sang Năm Mới, người ta cho phép quên đi, bỏ qua những phiền lụy, những sai lầm trong năm cũ của chính cá nhân mình. Có một bí mật nào đấy của Năm Mới đã ban cho con người khả năng chia sẻ và tha thứ !

Bí mật ấy nằm trong những cơn mưa Xuân ấm áp bay về, trong sự thao thức của lòng người chờ đợi, trong sự thiêng liêng của hương nến trên bàn thờ mỗi gia đình, trong sự chào hỏi ân tình của mọi người khi gặp nhau, trong giờ phút thiêng liêng của sự chuyển mùa, trong sự tưởng nhớ những người thân yêu đã khuất...

Tất cả những điều đó đã làm lòng người rạo rức, dâng tràn, và đổi thay. Có những gia đình mà anh em mâu thuẫn với nhau, rồi cứ giữ sự im lặng lạnh giá ấy ngày này qua ngày khác. Nhưng khi họ cùng nhau ngồi xuống bên mâm cơm Tất Niên cùng chạm chén rượu, cùng mời cha mẹ ăn cơm thì mọi chuyện bắt đầu tan đi !

Trước kia, cứ vào những ngày cuối năm, những người làng tôi có chuyện xích mích, hay sai trái với ai đó thường mang một quả bưởi, một nải chuối, một cặp bánh chưng, hay dăm cặp bánh mật đến nhà người mà mình có xích mích, hoặc có

lỗi, xin được thấp nén hương thơm trên bàn thờ tổ tiên người đó để nói lời thanh minh, hoặc xin lỗi !.

Và như có phép lạ, sự xích mích, sai trái bám theo họ dường như cả một năm trời bỗng rời bỏ họ. Người được xin lỗi cũng nhận ra rằng: Chính thời khắc thiêng liêng ấy của đất trời, và của lòng người đã làm cho người có lỗi thành thật. Và khi lòng thành thật của người có lỗi được mở ra thì sự tha thứ cũng mở ra theo.

5- Bí mật thứ năm: Niềm hy vọng:

Cuộc sống có biết bao thăng trầm. Trong chúng ta ai cũng có những năm nhiều nỗi buồn, ít may mắn. Nhưng ai cũng có một niềm tin rằng: Ngày mai mọi điều sẽ tốt đẹp hơn, Năm Mới mọi điều sẽ may mắn hơn. Không ít người gặp những năm vận hạn thường tự phân đấu với chính mình bằng một ý nghĩ: “Năm cũ sẽ qua đi, năm mới sẽ đến !. Mọi điều sẽ tốt đẹp hơn !”.

Đây là một nguyện ước, đây là một niềm tin !.

Nếu không có niềm tin ấy và nguyện ước ấy, không ít người sẽ bị những nỗi buồn, đau đớn, và kém may mắn chìm xuống vực sâu của sự thất vọng. Trong suốt một năm, có người có thể sống triền miên trong buồn bã, bỏ mặc nhà cửa. Nhưng rồi đến một ngày giáp Tết, họ đã đứng dậy, dọn dẹp nhà cửa, với một niềm tin những điều tốt đẹp đang về với họ. Cũng trong dịp Năm Mới, mỗi người đều nhận được những lời Chúc Mừng tốt đẹp nhiều nhất trong một năm.

(Xin xem tiếp nơi trang 53)

TỤC THỜ CÚNG TỔ TIÊN Ở NƯỚC NAM (Phạm Quỳnh)

Nhân loại gồm nhiều người chết hơn là người sống, Auguste Comte đã nói ở đâu đó như thế. Ở nước Nam câu nói ấy của nhà triết học thực chứng Pháp càng đúng hơn ở bất cứ nơi nào khác. Quả vậy, việc thờ cúng tổ tiên có một vị trí quan trọng trong đời sống gia đình và xã hội của chúng ta. Nó đã trở thành một thứ giáo lý tôn giáo, và, theo một nghĩa nào đó, một tôn giáo quốc gia thực thụ. Nếu tôn giáo, đúng như ý nghĩa từ nguyên của nó đã chỉ rõ *, là mối liên kết tinh thần nối liền con người với những lực lượng siêu cảm, việc thờ cúng hay tôn giáo về những người đã chết là cách biểu hiện những mối quan hệ giữa thế giới những người đang sống với thế giới những người đã chết. Các mối quan hệ ấy rất nhiều và liên tục. Những người chết thường xuyên can dự vào cuộc sống của những người đang sống; họ hướng dẫn, chỉ đạo, che chở cho chúng ta, bảo hộ chúng ta, gợi hứng cho những ý tưởng và hành vi của chúng ta, có thể nói nhìn theo chúng ta, bằng những đôi mắt có thể xuyên suốt bóng tối của sự sống và sự chết và rất có thể chính bằng những đôi mắt ấy mà nhân loại có được một hình dung thoáng chốc nào đấy về tương lai và số phận của mình; tóm lại họ sống trong ký ức của chúng ta, trong mọi công việc của chúng ta, trong mong ước của chúng ta về một cuộc sống còn sống động hơn cả cuộc sống trên trần thế này.

Bản chất của những mối quan hệ làm nên một trong những hình thức sống động nhất trong tôn giáo của người nước Nam đó là gì? Tôn giáo về những người chết ấy dựa trên

những nền tảng tín ngưỡng nào? Các biểu hiện nghi thức và thực hành của nó ra sao? Từ đó có thể nhận ra những bài học luân lý và triết học gì?

Khổng Tử, vốn là cả Socrate, Solon hay Lycurge cộng lại của Phương Đông, thường nói về các thần linh và các linh hồn. Quả là trong *Luận Ngữ* khi nói với các học trò của mình, đôi khi ông đã từ chối giải thích về bản chất của những điều ấy; ta đã biết câu trả lời của ông cho một học trò hỏi ông về vấn đề này: “Phục vụ người sống người còn chưa biết cách, thì ta dạy người cách phục vụ người chết làm gì?” – Nhưng chúng ta cũng lại biết rằng về chuyện này, ông luôn trung thành với các tín ngưỡng của Trung Hoa cổ đại, mà đặc biệt tác phẩm *Kinh Lễ* còn giữ lại cho chúng ta nhiều dấu vết. Theo các tín ngưỡng đó, con người có một cái *phách* và một cái *hồn*. Khi chết, phách tan hủy cùng với thể xác, còn hồn thì tách ra; nó bay lượn trong khoảng không và sống một cuộc sống độc lập, thuần khiết, bay bổng. Đây là cuộc sống của các linh hồn, của các vong hồn hay các bậc tổ tiên đã quá cố. Như vậy họ không chết đi hoàn toàn: họ tiếp tục sống một đời sống siêu nhiên, tinh thần. Nhưng cuộc sống chừng có thể nhạt nhòa đi, tan biến mất trong cõi vô cùng đó, được làm cho trở nên hiện thực hơn, đầy hiệu lực hơn, có thể nói như vậy, bằng ký ức mà những người còn sống lưu giữ về họ, bằng việc thờ cúng mà những người sống có bổn phận phải làm tròn đối với họ. Như vậy đây những người đã chết vẫn còn tham dự mãi vào cuộc sống của gia đình mình, con cháu mình. Người ta lại nhắc đến họ trong mọi dịp long trọng, như khi có người mới ra đời, trong dịp cưới xin, v.v...

Kinh Lễ viết: “Ba tháng sau lễ cưới, người vợ trẻ được giới

thiệu với tổ tiên trước bàn thờ với lời khấn sau đây: – Đây là cô dâu mới đã bước vào gia đình chúng ta. – Rồi đến ngày đã chọn trước, cô dâng lễ vật lên trước bài vị tổ tiên, và từ nay cô trở thành thành viên trong gia đình chồng”. Lời bình còn nói thêm rằng nếu cô bị chết trước lễ ra mắt và lễ dâng lễ vật ấy, thì dù đã sống chung với chồng, cô vẫn chưa phải là vợ anh ta và thi hài cô được trả về nhà cha mẹ.

Kinh Lễ còn viết thêm: “Trong trường hợp một đứa con được sinh ra khi người cha đã chết, quan tài người cha còn quản ở nhà, người làm lễ cúng sau khi đã gọi tên ông ta ba lần sẽ báo với ông ta: – Một thị đã sinh ra một cậu con trai: tôi xin báo cho người được biết... Nếu người chết đã được an táng, thì đứa trẻ sơ sinh sẽ được đưa trình báo trước bài vị của ông ta...”.

Việc thờ cúng các linh hồn và tổ tiên đã quá cố đã tồn tại từ thời rất xa xưa, Khổng Tử trong **Luận Ngữ** kể rằng vua Vũ, một trong những vị vua đầu tiên nửa truyền thuyết nửa lịch sử của Trung Quốc vốn rất giản dị, đã tỏ ra cực kỳ phóng khoáng khi dâng lễ vật cúng các vong hồn. – Khổng Tử viết trong **Trung Dung**: “Vào mùa xuân và mùa thu, người xưa trang trí bàn thờ tổ tiên. Họ bày các đồ đồng mà tổ tiên đã sử dụng và các quần áo tổ tiên đã mặc. Họ dâng cúng các thức ăn và hoa trái theo mùa.”

Trên đây tôi đã nói rằng Khổng Tử tôn trọng tôn giáo cổ xưa đó, các tín ngưỡng xưa đó của nước Trung Hoa cổ đại, lại còn vì chúng hoàn toàn phù hợp với học thuyết của ông về sự bảo tồn xã hội cơ sở trên việc thờ phụng quá khứ và truyền thống.

Nhưng tự ông có tin ở sự tồn tại của linh hồn không? Ông có tin ở sự hiện diện thật sự của linh hồn trong các lễ cúng và trong việc khấn vái không?

Qua những lời nói của ông, bao giờ cũng rất thận trọng khi đề cập đến những chuyện siêu hình, ta có thể nghi ngờ.

Chúng ta đã thấy câu trả lời của ông với một người học trò hỏi ông về cái chết. Sau đây là lời ông nói với một người học trò khác hỏi ông về chữ “trí”: “Làm tròn các bổn phận của một con người; tôn kính các thần; ấy là trí”.

Tôn kính các thần, nhưng kính nhi viễn chi, thái độ của bậc hiền triết đối với thần thánh là như vậy.

Có thể các vong hồn và thần thánh là có thật; cũng có thể không có thật. Duy có một điều chắc chắn là ta tôn kính họ; hãy làm điều đó với tất cả sự thành tâm, không mê tín cũng chẳng nên cuồng tín, như là ta thực hiện một nghi thức đạo đức và xã hội rất quan trọng.

Nghi thức ấy, quả vậy, bắt nguồn từ đức hiếu đễ, trong hệ thống chính trị – đạo đức của Khổng Tử, vốn là nền tảng của mọi đức hạnh, cơ sở của tế bào gia đình, và do đó cũng là của xã hội và của đế chế.

Trong những điều kiện đó, cần phải tôn kính những người đã chết như thế nào, và trong tất cả những người đã chết những người gắn liền với ta nhất, tổ tiên của chúng ta?

Theo *Kinh Lễ* lời nói sau đây là của Khổng Tử: “Coi người chết như là đã chết rồi thì sẽ là vô nhân. Chẳng nên làm thế. Nhưng coi họ như những người đang sống thì sẽ là vô lý.

Chẳng nên làm thế”.

Như vậy không nên coi người chết như đã chết rồi, có nghĩa là không chăm nom gì đến họ nữa, quên bẵng luôn đi; cũng chẳng nên coi họ như còn sống, nghĩa là tin là họ còn sống thật. Đúng ra, họ sống bằng ký ức của chúng ta, bằng sự sống động, tính nồng nhiệt của cái tình cảm mà chúng ta gọi là đức hiếu đễ, biết tôn kính những người đã cho ta sự sống và ý thức, khiến cho họ còn tồn tại mãi mãi, nuôi giữ ký ức về họ, truyền nối việc thờ cúng mãi mãi cho con cháu chúng ta, bằng cách đó tạo cho ta cái ảo tưởng, – một thứ ảo tưởng tốt lành, – về sự nối tiếp, về tính vĩnh hằng, tóm lại về sự bất tử, trong cuộc tồn sinh thoáng chốc, trong cõi thế gian biến ảo này.

Phải hiểu tình cảm sâu sắc của bậc hiền triết như vậy đây. Tôn trọng truyền thống và các nghi lễ, ông không muốn bày tỏ rõ ràng ý kiến về vấn đề này. Tư tưởng của ông hẳn là như vậy. Đối với ông, việc thờ cúng người chết là tôn kính ký ức về họ, cơ sở trên đức hiếu đễ và tình cảm về sự vĩnh hằng của gia đình và nòi giống. Chính trong tinh thần đó mà ngày nay nó còn được thực hiện trong phần lớn thế giới Phương Đông ở đây nó là tôn giáo chính và là tín điều thần khai hay siêu nhiên quan trọng nhất.

Việc thờ phụng này có nhiều nghi thức mà mô tả lại ở đây sẽ chẳng có ích gì. Và chẳng ta đều biết mỗi gia đình người nước Nam, dù giàu hay nghèo, đều có bàn thờ ông bà của mình, có thể là một ngôi đền tráng lệ hay một cái kệ đơn giản treo bên trên một chiếc chõng. Trên đó đặt bài vị của tất cả những người thân đã mất cho đến đời thứ năm. Những người này là đối tượng của các lễ cúng đặc biệt vào các ngày

giỗ và tất cả các ngày lễ theo nghi thức trong năm. Những người khác, các vị tổ tiên xa hơn, được ghi tên trên một bài vị chung và được cúng chung vào những ngày lễ theo nghi thức vốn rất nhiều trong năm. Có hai ngày được đặc biệt dành cho những người đã mất: ngày 3 tháng 3 (thanh minh), ngày viếng mộ; ngày lễ của những người chết này chẳng có gì là tang tóc và diễn ra vào một trong những lúc thời tiết đẹp nhất trong năm khi:

Cỏ non xanh tận chân trời...

Ngày lễ của những người chết này, gọi là “tảo mộ”, thường có kèm theo một lễ hội của những người sống, bởi ý tưởng về cái chết – và đây là điều đáng chú ý, – ở xứ sở này chẳng có gì là tang tóc:

Gần xa nô nức yến oanh

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân

Ngôn ngang gò đống kéo lên...

Ngày thứ hai dành cho những người chết, là ngày rằm tháng 7. Đúng ra đây là một ngày lễ Phật giáo cúng các vong hồn, tất cả những người chết mà không có người nối dõi để thờ phụng. Bởi tai họa lớn nhất đối với một con người là biết rằng đến một ngày nào đó không còn ai thờ cúng mình, vì không có hậu duệ, và do vậy trở thành một linh hồn lang thang mà đức từ bi của nhà Phật dành cho một lễ cúng chung và vô danh tính.

Do vậy những người chết mà không có hậu duệ trực tiếp thuộc giới nam để tiếp tục thờ cúng, theo luật nước Nam được phép chọn một người bà con gần gọi là “người thừa tự”. Qua đây ta thấy ý tưởng về việc thờ phụng trong tâm hồn người nước Nam sâu sắc đến dường nào.

Việc thờ cúng người chết chủ yếu là thờ cúng tổ tiên. Không Tử nói rằng: “Dâng lễ vật cho những vong hồn không phải là người thân của mình là một việc xu nịnh”.

“Mỗi người, mỗi gia đình phải dâng lễ vật cho những người thân của mình, chứ không phải cho những người khác. Nếu có ai đó dâng lễ cúng cho những vong hồn chẳng hề liên quan gì đến mình, thì rõ ràng là để nhận được một ân huệ mà họ chẳng có quyền được hưởng: một sự chiếm đoạt lấy ân huệ đáng chê trách”. (Wieger).

Như vậy, về nguyên tắc, mỗi người chỉ thờ cúng tổ tiên đã mất của mình. Nhưng có những con người trong đời mình đã làm nhiều điều tốt cho đồng bào mình, có công ơn đối với làng xóm của mình, tỉnh mình, đối với cả nước; có những vị vua, những vị quan đã xây dựng nên vinh quang của quốc gia; những vị tướng lĩnh đã cứu nước khỏi ách ngoại xâm; những nhà trí thức lớn đã đem lại vinh dự cho quốc gia do trí thông minh và tài năng của mình; những người đàn ông hay phụ nữ đã hy sinh vì danh dự hay đức hạnh; những người đó được quyền để cho đồng bào mình nhớ ơn và thờ phụng. Vậy nên các làng thờ phụng họ như những vị thành hoàng của làng; các tỉnh quê hương họ, hay cả nước lập đền thờ ở những nơi nổi tiếng để ghi nhớ công ơn họ. Đây cũng là một hình thức thờ cúng tổ tiên; không phải là những bậc tổ tiên riêng của ai nữa, mà là tổ tiên chung của làng, của tỉnh thành, của quốc gia; đây là thờ phụng các vị thần bảo hộ của đất nước, và theo một nghĩa nào đó, đó là việc thờ phụng những con người vĩ đại, những người anh hùng, mà Carlyle hết sức ca ngợi.

Việc thờ cúng người chết được hiểu và được thực hiện ở

nước Nam là như vậy đấy. Do tầm quan trọng to lớn của nó về phương diện thiết chế gia đình và xã hội nước Nam, cùng những nghi thức tỉ mỉ kèm theo, nó đã thật sự trở thành một tôn giáo, tôn giáo của gia đình và nòi giống, tôn giáo của ký ức và lòng biết ơn. Quả thật đây là một tôn giáo hợp lý, logic, phù hợp với lý trí và tình cảm, ít mang tính chất thần bí nhất để thỏa mãn những tâm hồn sùng tín, và nhiều lý tính nhất để làm vừa lòng những đầu óc duy lý. Đây là một thứ tôn giáo đầy tính triết học và người nước Nam lấy làm vinh dự đã thực hiện nó suốt bao thế kỷ dài.

Phạm Quỳnh (1930)

(Tiếp theo trang 45 BÀI Bí Mật của Tết)

Cho dù thế nào thì những lời chúc ấy cũng làm cho lòng người ấm lại, và hy vọng vào một điều tốt đẹp phía trước.. Những gì mà Tổ tiên đã làm ra và để lại cho chúng ta như những Lễ hội, những ngôi chùa... là để lại một lời nhắc, một tiếng gọi thức tỉnh chúng ta trong cuộc sống. Không thể nói Lễ hội, hay chùa chiền là phiền lụy, là tốn kém... mà bởi con người đã lợi dụng những vẻ đẹp Văn hóa ấy cho lợi ích cá nhân mình.

Lúc này, tôi như thấy những ngọn gió thay mùa ấm áp, những cơn mưa Xuân nồng nàn đang trở về, và những cành đào ủ kín những chùm hoa chuẩn bị nở bung ra, đều chứa trong đó những bí mật giản dị, nhưng kỳ diệu cho đời sống con người...

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều.
(Theo Trí Thức Trẻ / CafeBiz..)

Xin chữ đầu năm: Chữ Tâm – Đức – Phúc có ý nghĩa thế nào?



Tập tục xin chữ đầu năm gửi gắm ước vọng năm mới bình an, thành đạt, may mắn đã có từ lâu đời. Thời xưa, những ông đồ hay bậc túc nho đức độ, văn hay chữ tốt thường được mọi người tìm đến xin chữ đầu năm, cầu mong năm mới đem đến vận hội mới. Đặc biệt, những người đi học hoặc gia đình các con em đang học chữ Thánh hiền thì càng coi trọng xin chữ về treo, để noi gương tiên nhân dù mài kinh sử, tu dưỡng đạo đức phẩm hạnh, đỗ đạt rạng rỡ tổ tiên.

Người xưa tin rằng, xin chữ đầu năm sẽ đem lại vận khí tương ứng với chữ đó cho bản thân và gia đình trong cả năm. Niềm tin này đã được các nhà khoa học ngày nay kiểm chứng. Tiến sĩ Masaru Emoto đã làm thí nghiệm dán những chữ tích cực như ‘tình yêu’, ‘cảm ơn’ ngoài khay nước rồi

cho kết tinh, sau đó soi lên kính hiển vi thì thấy tinh thể nước kết tinh hình những bông hoa rất đẹp. Ngược lại, với những chữ tiêu cực như ‘thù hận’ thì tinh thể nước biến dạng xấu xí.

Những năm gần đây, trào lưu khôi phục những nét đẹp truyền thống đang được lan toả, cả trong nước lẫn quốc tế. Mọi người đều mong muốn lưu giữ những nét tươi đẹp, chất phác, thanh khiết trong văn hóa truyền thống để cân bằng lại những hối hả, xô bồ, cạnh tranh, áp lực của cuộc sống hiện đại. Thế là, nhiều đô thị lớn trong nước lại xuất hiện những “ông đồ” vào dịp năm mới. Để thuận tiện cho độc giả xin chữ đầu năm, chuyên mục Văn hóa – Thời báo Đại Kỷ Nguyên hân hạnh giới thiệu ý nghĩa một số chữ Nho thường được xin mỗi dịp Tết đến xuân về.

Phần 1: Phúc Lộc Thọ

1. Chữ Phúc: 福

Theo ‘Thuyết văn giải tự’: “Phúc, hựu dã”, tức chữ Phúc nghĩa là Thần giúp đỡ, Thần phù hộ.

Chữ Phúc gồm: bộ Kỳ 礻, nghĩa là Thần đất, bày tỏ tế Thần; chữ Nhất 一 biểu thị quẻ Càn, nghĩa là Dương, là Trời; chữ Khẩu 口 biểu thị nhân khẩu, người; chữ Điền 田 biểu thị ruộng đất, đất đai.

Bởi vậy, ‘Phúc’ nghĩa là được Thần, Trời phù hộ cho có người, có tài sản đất đai. Do đó, người có Phúc là người luôn gặp may mắn về tài sản và con người. ‘Thuyết văn giải tự’ cũng chú giải rằng: “Phúc nghĩa là đầy đủ, đầy đủ nghĩa là mọi việc đều thuận lợi”. Thế nên, những người luôn may

mắn, làm gì, đi đâu cũng gặp may thì được gọi là có nhiều phúc báo.



ZDIC.NET

Chữ Phúc cổ xưa nhất được tìm thấy trên xương động vật, cách đây khoảng 3500 năm, được gọi là thể chữ Giáp cốt, được viết như sau:

Nhìn thấy vẽ hình một người hai tay dâng bình rượu lên ban thờ để tế lễ Trời Đất, Thần linh, xin Thần phù hộ ban phúc.



ZDIC.NET

Sau này đến thời kỳ đồ đồng, chữ Phúc viết trên di vật đồ đồng tìm thấy được gọi là thể Kim văn, thì đã được đơn giản hoá là hình vẽ ban thờ và vò rượu:

Lão Tử nói: “Thiên Đạo vô thân, thường dĩ thiện nhân”, nghĩa là “Đạo Trời không phân biệt thiên vị người nào mà thường ban phúc cho người thiện lương”.

Người xưa cũng nói: “Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo”, cũng nói lên đạo lý tương tự. Vậy nên, người có lòng tôn kính Thần Phật, kính sợ Trời Đất, thì mới ước chế cái tâm mình, gìn giữ thiện lương, nên mới có thiện báo.

Tuy nhiên cũng có người không hiểu rõ đạo lý này, lại cho rằng chỉ cần kính lễ Thần Phật, tế lễ Trời Đất là được phúc báo, nên họ đi cầu phúc hết chùa này chùa nọ, làm lễ lớn lễ nhỏ, khăn vải dập đầu rất thành kính. Đó lại là một cách hiểu sai cực đoan. Thần Phật nhìn nhân tâm chứ không nhìn hình thức, lễ nghi, lễ vật. Nếu quanh năm thờ cúng Thần Phật,

tế lễ Trời Đất, thờ ông bà tổ tiên mà lại không ước thúc cái tâm mình, tranh quyền đoạt lợi, ác khẩu lộng ngôn, vu oan giá họa, thủ đoạn lừa lọc thì Thần Phật ắt chẳng thể bảo hộ, chẳng thể ban phúc cho những người này. Trái lại, họ đang tích họa cho bản thân và gia đình mà không hề hay biết. Bởi vì “thiện có thiện báo, ác có ác báo, không phải không báo, mà chưa tới lúc thôi”.

2. Chữ Lộc: 祿

Theo ‘Thuyết văn giải tự’: “Lộc, phúc dã”, nghĩa là: “Lộc chính là Phúc vậy”.

Tại sao Lộc lại là Phúc? Có phúc tức là có phúc khí; khi phúc báo đến, phúc khí triền hiện ra thì làm gì cũng thuận lợi: người làm ăn, sản xuất kinh doanh sẽ báo ứng ra của cải vật chất; người ăn lương, quan chức sẽ báo ứng ra công thành danh toại, thăng quan tiến chức.

Phúc giống như nguồn nước, lộc giống như đồ chứa nước. Chúng ta ra suối lấy nước dùng đồ chứa gì thì sẽ được nước hình như thế: dùng thùng, vò, vại, bình lấy nước sẽ được thùng nước, vò nước, vại nước, bình nước... Đó chính là lý do tại sao người xưa nói “lộc chính là phúc”. Phúc là cái gốc, mà lộc chính là những cành lá hoa quả mọc ra từ cái gốc đó.

Chiết tự chữ Lộc (祿) gồm: bộ Kỳ 礌, nghĩa là Thần đất, bày tỏ tế Thần; bộ Ký (扌 hoặc 扌) nghĩa là đầu lợn; và chữ Thủy (水) nghĩa là nước. Như vậy chữ Lộc cũng có nghĩa tế lễ Trời Đất, Thần linh để công việc làm ăn thuận buồm xuôi gió, phát tài phát lộc.

Theo thuật phong thủy phương Đông “Sơn chủ nhân đình,

thủy chủ tài”, nghĩa là “Núi chủ về nhân đinh (con người), còn nước (sông) chủ về tài vận”. Thế nên trong chữ Lộc có bộ Ký chỉ tài sản vật nuôi, và chữ Thủy chỉ tài vận.

Tài lộc có từ nguồn phúc, vậy nên người am hiểu tài vận ắt sẽ chăm lo vun trồng cây phúc, thì tài lộc bất tận. Ngược lại, không chăm lo đến cây phúc, chỉ biết hái quả hưởng thụ thì cây phúc cũng tàn lụi dần, quả ít dần rồi sẽ hết.

Người xưa cũng nói “Thực lộc tận tắc mệnh tận”, nghĩa là “Ăn hết lộc thì vận mệnh cũng hết”. Vận mệnh hết ở đây không phải là hết mệnh lia đời ngay, mà là không thể làm nên trò trống gì nữa, vận may cũng đã hết, giống như cây đèn dầu đã hết dầu, chỉ còn leo lắt kéo dài thêm chút ánh lửa tàn trước khi tắt ngấm mà thôi.

Chính vì hiểu rõ đạo lý này mà những phú hộ xưa, hay những ty phú phương Tây ngày nay đều vun trồng cây phúc, thường đem của cải ra cứu tế giúp đỡ người nghèo. Trong kinh doanh họ cũng không giở thủ đoạn tàn độc; khi đối thủ thất bại, họ vẫn để đối thủ một con đường sống. Vậy nên nhiều gia đình thế tộc trải qua hàng trăm năm, thậm chí cả nghìn năm con cháu vẫn đời đời hưởng phúc thụ lộc.

Chúng ta cũng thấy trong xã hội ngày nay, có người dùng mọi thủ đoạn để tranh quyền đoạt lợi, bất chấp đạo đức, lương tâm, gây oan tác họa cho nhiều người. Thường người như thế, cái gốc phúc không có, nên cái lộc do cướp đoạt được kia cũng chẳng tồn tại lâu, khi vận mệnh hết thì trở thành tội đồ muôn người nguyên rủa. Lúc đó, họ muốn làm một người dân bình thường cũng đã không làm được nữa rồi.



Lộc Tinh tương truyền là Văn Xương Đế Quân, là vị Thần cai quản công danh, tài lộc. (Ảnh: wikipedia.org)

3. Chữ Thọ: 壽

Theo ‘Thuyết văn giải tự’: “Thọ, cửu dã”, nghĩa là: “Thọ chính là lâu dài vậy”. Thế nên khi nói con người thọ nghĩa

là sinh mệnh được kéo dài, cũng gọi là trường thọ.

Bí quyết để đạt được trường thọ nằm ở ngay cách viết chữ Thọ này. Chiết tự chữ Thọ (壽) là: Sĩ Nhất Công Nhất Thốn Khẩu (士一工一寸口), nghĩa là kẻ sĩ (士) có trí tuệ, tri thức lý trí hiểu đạo lý quy luật tự nhiên, một mặt (一) làm việc (工), cống hiến cho nhân quần cho xã hội, một mặt (一) tu tốt cái miệng của mình (口), ăn uống, nói năng có chừng mực (寸), bởi vì “Bệnh theo miệng mà vào, họa theo miệng mà ra”.

Không Tử cũng nói: “Trí giả lạc, nhân giả thọ”, nghĩa là: người có trí tuệ thì vui vẻ, người có lòng nhân thì trường thọ.

Sau khi Trương Tam Phong, ông tổ phái Võ Đang đắc Đạo thành Tiên, cả 2 hoàng đế nhà Minh là Chu Nguyên Chương và sau đó là Chu Đế đều tìm ông cầu phép trường sinh nhưng không gặp, ông chỉ để lại bài thơ có 2 câu cuối như sau:

“Dám đem lời mọn phiền Thánh đế,
Thanh tâm quả dục phép trường sinh”.

Thế nên với người thường, chỉ cần giảm bớt dục vọng, nhân ái bao dung với mọi người thì cũng đã có thể kéo dài tuổi thọ rồi.

Còn để đạt tới mức ‘thọ cùng trời đất’ thì một người ắt phải tu luyện. Trong *Hán thư* có viết: “Nếu đại vương thành tâm chú ý như thế, thì tâm đại vương sẽ có chí của vua Nghiêu Thuấn, thân thể của đại vương sẽ có tuổi thọ của Chân nhân Tùng Kiêu”. Tùng Kiêu ở đây là Xích Tùng Tử và Vương Tử Kiêu, là hai người tu Đạo đắc Đạo thành Tiên. Bản thân vua Nghiêu cũng bái Doãn Thọ làm thầy, sau này nhường

ngôi cho vua Thuần đế vào núi tu Đạo.



Tranh vẽ Nam Cực Tiên Ông, vị thần cai quản thọ mệnh.
(Ảnh: wikipedia.org)

4. Tam Đa: Phúc Lộc Thọ – 福祿壽

Phúc Lộc Thọ cũng là tên gọi 3 vị Tinh Quân là Phúc Tinh, Lộc Tinh và Thọ Tinh, thế nên còn gọi là Tam Tiên, tức 3 vị Tiên cai quản vận may, tài lộc, và thọ mệnh. Trong dân gian cũng gọi là ông Tam Đa, tức đa phúc, đa lộc, đa thọ.

Phúc Tinh tương truyền là Thái Ất Thiên Tôn, còn gọi là Thái Ất Phúc Thần, là vị Thần cai quản việc ban phúc giải nạn.

Lộc Tinh tương truyền là Văn Xương Đế Quân, là vị Thần cai quản công danh, tài lộc.

Thọ Tinh tương truyền là Nam Cực Tiên Ông, còn gọi là Trường Sinh Đại Đế, là vị Thần cai quản thọ mệnh.

Thuận Thiên mệnh, thuận theo Đạo thì phúc lộc thọ dồi dào, bền lâu. Ngược lại, người trái Thiên mệnh, trái Đạo, vô đức thì nhất thời giành được tài lộc, quyền thế tước vị, nhưng cái chờ đợi họ là tai nạn, yếu mệnh, thậm chí bất đắc kỳ tử. Mọi việc xảy ra trên đời đều không phải ngẫu nhiên, mà đều có quy luật, có nguyên nhân cả.

Thế nên, các trí thức xưa đều là những người hiểu rõ đạo lý đối nhân xử thế và quy luật tự nhiên. Khổng Tử nói: “Bất tri Thiên mệnh, vô dĩ vi quân tử”, nghĩa là: “Không hiểu Thiên mệnh thì không thể nào làm người quân tử được”. Lão Tử cũng nói: “Con người thuận theo Đất, Đất thuận theo Trời, Trời thuận theo Đạo, Đạo thuận theo tự nhiên”.

Nam Phương

Phần 2: Tâm Đức Phúc

5. Chữ Tâm: 心

Với tri thức khoa học hiện đại thì Tâm chỉ là trái tim bơm máu đi nuôi các tế bào cơ thể, so với nhận thức về cái Tâm của người xưa thì quả là nông cạn.

“Kinh lễ” viết: “Tổng bao vạn lự vị chi tâm”, nghĩa là: “Chứa đựng hàng vạn suy tư gọi là tâm”, ý tứ là Tâm là nơi xuất phát và tồn trữ những nghĩ suy, ưu tư, lo buồn. Tâm chủ trì các hoạt động tâm lý, ý niệm. Trong tâm lý học hiện đại cũng nói, kiểm soát được tâm trạng thì mới kiểm soát được cuộc đời; và cũng nói, thay đổi tâm thái có thể thay đổi vận mệnh.

Sách “Tuân Tử” viết: “Tâm giả, hình chi quân dã, nhi Thần minh chi chủ dã”, nghĩa là: “Tâm là vua của mọi hình tướng, là chủ của Thần linh”. Câu này có ý tứ rằng, vạn sự vạn vật bên ngoài đều là do tâm nhận thức phản ánh ra. Tâm cũng là chủ của Thần linh, cái tâm thế nào thì sẽ chiêu mời Thần như thế, tâm thiện sẽ có Thần Thiện, tâm ác, sẽ mời Thần Ác đến. Ngoài ra, tu tâm cũng sẽ có thể trở thành Thần.

Kinh Phật cũng giảng: “Nhất thiết duy tâm tạo”, có nghĩa là “hết thảy đều do tâm tạo nên”.

Tướng mệnh học cũng viết: “Hữu tâm vô tướng, tướng tùy tâm sinh. Hữu tướng vô tâm, tướng tùy tâm diệt”, nghĩa là: “Có tâm mà không có tướng thì tướng sẽ theo tâm mà sinh ra. Có tướng mà không có tâm thì tướng sẽ theo tâm mà mất đi”. Vậy nên cũng nói, tướng tùy tâm sinh, duyên do tâm định, duyên khởi ở tâm, mà tu cũng là ở tâm.

Về chữ Tâm (心), các nhà Nho xưa có giảng: “Một vầng trăng khuyết 3 sao bên mình”, ý nói chữ tâm như một vầng trăng khuyết, 3 chấm như 3 vì sao ở bên, vừa miêu tả đúng hình thái chữ, lại đúng ý nghĩa. Cái tâm như trăng sao soi sáng đường dẫn dắt con người đi trong đêm đen.

Phật gia giảng, con người rớt xuống cõi trần thế này là rơi vào biển khổ, là rơi vào cõi mê, muốn thoát khỏi biển khổ, ra khỏi cõi mê thì chỉ có tu luyện, phấn bản quy chân, quay trở về. Mà tu luyện thì phải dựa vào ngộ. Chữ Ngộ (悟) gồm bộ Tâm (忄) và chữ Ngộ (吾 – mình, tôi), nghĩa là nhìn vào tâm mình tức là ngộ. Như vậy Tâm chẳng phải giống như trăng sao soi đường trong đêm tối, để mà ngộ, để tìm đường quay trở về Thiên quốc, Phật thổ đó sao?



Thư pháp chữ Tâm (心). (Ảnh: youtube.com)

Nhưng Tâm là “một vầng trăng khuyết 3 sao bên mình” chứ không phải vầng trăng tròn vành vạnh và một bầu trời rực

rõ đây sao. Điều đó có nghĩa là, chúng ta dựa vào ngộ mà tu, dựa vào ánh sáng mờ mờ mà tìm đường đi, càng đi đường càng rộng, trăng càng tròn, sao càng nhiều, càng sáng tỏ. Đến khi trăng tròn vành vạnh sáng rõ đường đi tức là cái tâm chúng ta đã tròn đầy, đã đạt đến viên mãn.

Phật gia giảng con người có Phật tính và cũng tồn tại ma tính, thế nên cần bồi bổ Phật tính và tiêu trừ ma tính, cũng giống như ‘một vàng trăng khuyết’ kia, cần tu dưỡng bồi bổ cho nó tròn đầy. Nho gia cũng cho rằng, con người bản tính thiện, nhưng cũng có tồn tại tính ác. Thế nên cần tu thiện và trừ bỏ dần các tính ác tính xấu đi mới thành người hoàn thiện, mới đạt được tiêu chuẩn của người quân tử, rồi đạt đến tiêu chuẩn của bậc Thánh nhân.

6. Chữ Đức: 德

Chữ Đức (德) gồm bộ Xích (辵) – bước nhỏ, chữ Thập (十) – mười, chữ Mục (目) – mắt, chữ Nhất (一) – một và chữ Tâm (心) – tim cấu thành.

Trong “Thuyết văn giải tự” giải nghĩa: “Đức, thăng dã”, nghĩa là “Đức có nghĩa là lên cao”. Có hàm ý là chỉ đạo đức, tâm tính của con người cần thăng hoa lên cao. Xích (辵) nghĩa là bước đi nhỏ, hàm ý đạo đức cần kiên trì tu dưỡng như từng bước đi nhỏ trong mọi lúc mọi nơi mọi công việc thường ngày.

Bên phải chữ Đức là “Thập mục nhất tâm” (十目一心) – mười mắt một lòng. Trong “Thuyết văn giải tự”, chữ Nhất được giải nghĩa rằng “Ban đầu Thái cực, Đạo hình thành từ Nhất, tạo thành phân chia Trời Đất, hóa thành vạn vật”. Do

đó chữ Nhất là thủy tổ của vạn vật, là cội nguồn của tất cả mọi vật. Từ Nhất phái sinh ra âm dương, phái sinh ra Trời Đất.

Cho nên chữ Nhất một nét ngang này thực tế là phân chia Trời Đất, trên là Trời, dưới là Đất. Còn chữ Thập là “Thập phương thế giới, tứ diện bát phương”, nghĩa là “Thế giới 10 phương, 4 mặt 8 phương”.

Như vậy chữ Đức này có ý nghĩa rất thâm sâu. Trên chữ Nhất là Thập Mục, nghĩa là khắp trên Trời đều là con mắt. Còn ở dưới chữ Nhất là chữ Tâm, nghĩa là ở dưới Đất là nhân tâm, tâm con người. Như vậy có nghĩa là mắt Trời đang nhìn lòng người.

Người xưa nói: “Trên đầu ba thước có Thần linh”. Phật Thích Ca Mâu Ni cũng giảng: “Phật Như Lai nhiều như số cát sông Hằng”. Người kính Trời tín Thần Phật sẽ có cái tâm kính sợ, mỗi hành vi, lời nói, mỗi suy nghĩ của mình đều cẩn thận, tích cực hành thiện, xa rời cái ác cái xấu, như thế Đức sẽ tăng lên, nhiều dần.

Người xưa nói: “Có đức mặc sức mà ăn”, có nghĩa là có nhiều đức thì sẽ được phúc báo. Mà đức lại là thứ trân quý, khi sinh mang theo đến, khi chết mang theo đi, nó quyết định phúc báo của con người đời này và cả đời sau. Vạn nên tu thiện tích đức, chính là tạo cơ hội gieo mầm thiện, tạo thiện duyên, đắc phúc tiêu tai. Thế nên người xưa dạy con cháu rằng: “Lập công danh chẳng bằng tích âm đức”.

7. Tâm Đức Phúc: 心 德 福

Chữ Phúc đã được giải nghĩa ở bài viết trước (Phần 1) nên

chúng tôi không giải thích thêm. Hiện nay nhiều người thích bộ 3 chữ Tâm Đức Phúc, nên dùng bộ 3 chữ này trong các đồ thờ, đồ trang trí phòng khách, thư phòng với ngụ ý: Có Tâm, có Đức, ắt có Phúc. Quả là rất chính xác!



Con người ai ai cũng muốn sống hạnh phúc, được nhiều phúc báo, công thành danh toại, vợ hiền con ngoan, tiền bạc dư giả, con cháu đê huê, gia đình hòa thuận, khỏe mạnh bình an. Tất cả những điều này đều là phúc báo của những việc thiện, của đức mà chúng ta đã làm ở nửa trước cuộc

đòi, và cả những đòi trước tích lũy lại. Thế nên, người muốn nhiều phúc báo thì phải hiểu rõ nhân quả: nhân quả ba đời, thiện ác hữu báo. Từ đó tích cực tích đức hành thiện, gieo nhân thiện rồi mới được quả phúc.

Mà tu thiện tích đức thì cần phải tu cái tâm, vì như Phật gia giảng “Vạn pháp do tâm sinh, hết thảy do tâm tạo”. Bản thân chữ Đức, ở dưới cũng là chữ Tâm, nghĩa là cái Tâm là nền tảng nâng đỡ, nuôi dưỡng Đức. Mà tu tâm thì cần hành thiện, tránh ác: Thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, tâm chứa thiện niệm.

Nhưng con người vốn thiện ác đồng tại, do đó cần phát dương cái thiện và ức chế dần cái ác. Một số ngôi chùa hiện nay có tượng 3 chú khỉ gọi là khỉ “Tam Không”, con thì dùng tay bịt tai, con thì che miệng, con thì bịt mắt với câu thơ răn dạy con người rằng:

Bớt nghe bớt nói bớt nhìn,

Đề tâm thanh tịnh cho mình bình an.

Khỉ “Tam Không” gồm: Con che mắt tên là Mizaru nghĩa là “tôi không nhìn thấy điều xấu”; Con bịt miệng là Iwazaru nghĩa là “tôi không nói điều xấu”; Con bịt tai là Kikazaru – “tôi không nghe những điều xấu”.

Hình tượng khỉ “Tam Không” có khởi nguồn từ ngôi chùa Toshogu Nhật Bản từ thế kỷ 17, nhưng nó lại có cội nguồn từ tư tưởng Nho gia. Trong Luận Ngữ, Khổng Tử dạy học trò rằng: “Phi lễ vật thi, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động”. Nghĩa là “Không nhìn điều sai, không nghe điều tâm bậy, không nói điều trái, không làm điều quấy”.

Thế nên chúng ta cần lựa chọn những gì mình nghe nhìn xem và làm hàng ngày. Nhất là thời đại công nghệ hiện nay, cái gì cũng có, tin tức, bài viết, hình ảnh, phim ảnh đủ các dạng các loại. Tuy nhiên những thứ có lợi có ích cho tu tâm tính, tu đức thì không nhiều; còn những thứ xấu kích động bạo lực, giả dối, đầu đá, kích thích dục vọng, phóng túng buông thả... thì quá nhiều, đâu đâu cũng có, đầy rẫy các mạng thông tin. Vì vậy, cần học trí tuệ của khi “Tam Không”, lựa chọn những thứ lành mạnh, thiện lương, để tưới tắm gội rửa tâm hồn, gieo những hạt giống thiện, nuôi mầm thiện.

Chỉ cần chúng ta lý trí, chân thành, dùng cái tâm thiện lương để lựa chọn lối đi, thì tự nhiên sẽ là: Có Tâm, có Đức, ắt có Phúc. Cuộc đời tự nhiên sẽ có hạnh phúc, nhiều phúc báo, phúc lộc thọ Khang Ninh đủ đầy, gia đình hạnh phúc, mỹ mãn.

Nam Phương

DKN.TV

<https://www.dkn.tv/van-hoa/xin-chu-dau-nam-p-2-chu-tam-duc-phuc-co-y-nghia-the-nao.html>

ĐỌC - CỒ ĐỘNG - YẾM TRỢ
TẬP SAN THẾ ĐẠO

Liên Lạc:

dutani@comcast.net

tnndk4@gmail.com

Thượng Sanh Cờ Cứu Thế và Ban Thế Đạo Hải Ngoại

QS TS Nguyễn Thanh Bình

Nhan Uyên Kỳ là lá cờ của Thầy Nhan Hồi tự là Nhan Uyên, học trò thứ nhứt của Đức Khổng Tử. Ông là người cần mẫn, thức khuya dậy sớm, học Kinh Thi, chuộng kinh Lễ, làm việc gì không lầm lỗi hai lần, nói điều gì không câu thả. Khổng Tử khen là người có nhân. Nhưng cuộc đời ông chỉ sống đến 31 tuổi thì mất. Sử ký của Tư Mã Thiên viết về Nhan Hồi như sau:

“Trong 70 môn đồ, Trọng Ni chỉ khen riêng Nhan Hồi hiểu học, mà Nhan Hồi thường xác xơ, ăn hẩm hút mà cũng không được no, lại chết yểu. Trời kia báo đáp người thiện mà như vậy ư?”.

Thật ra thì cờ Nhan Uyên không có, chỉ có trong lý thuyết mà thôi. Một hôm trước hàng Môn đệ, Đức Khổng Tử đưa ra một đề tài để thảo luận. Giả thiết rằng trong nước có loạn thì làm cách nào để trị loạn hay nhất? Trong hàng Môn đệ người trả lời cách này, kẻ trả lời cách kia. Chỉ có Nhan Hồi là đưa ra ý kiến: “Làm một Cây Cờ Trắng xông vào chôn ba quân, kêu gọi hai tiếng trách nhiệm chấm dứt đổ máu”.

Ý kiến đó được Đức Khổng Tử cho là kẻ hay hơn cả. Kết luận câu chuyện của Đức Hộ Pháp nói với ông Đinh Công Trứ, Cai Quản trường Qui Thiện là:

“Mấy em nếu có chí can đảm đến Thái Bình Dương sẽ gặp

Thầy là buổi sau này kia. Dầu cho Thượng Sanh chừng đó có can đảm đến đó sẽ gặp. Bằng chẳng vậy, cây **Cờ Cứu Thế** của Thượng Sanh về tay kẻ khác hay là Qua sẽ đến giữa trận giặc toàn cầu thứ ba”.

Trong câu chuyện của Đức Hộ Pháp nói với ông Đinh Công Trứ, Cai Quản trường Qui Thiện ngày 12/8 Đinh Hợi (1947) như sau: “Nhan Hồi buổi nạn cố công thật hành lý thuyết bình đẳng nhân loại, tránh nạn tương tàn tương sát nội giống, nhưng rốt cuộc chưa làm được thì chết”.

Ngài lại nói tiếp:

“Em biết Cây Cờ Trắng trưng nó lên để làm gì? Biểu hiện ấy có phải để cứu nhân loại không? Chỉ một ngày kia, Thượng Sanh ra mặt Đời là cây **Cờ Cứu Thế**, còn Thượng Phẩm cây **Cờ Cứu Khổ**. Qua đã thay cho Thượng Phẩm gầy dựng đào tạo. Thầy trò ta đã chung chịu cực khổ, từ khoảng rừng xanh ít người lai vãng. Mà buổi nạn Qua vắng mặt, em đi ngược Thánh ý của Qua”. (Xin đọc thêm phần ghi chú Ông Đinh Công Trứ bên dưới).

“Cây Cờ Trắng dùng để khi nước nhà nội giống ta xô xát, cốt nhục tương tàn khốc liệt, vô phương cứu chữa, thì ngày ấy là giá trị của nó. Ngày giờ nào có kẻ thất thế, yếu cô, rách rưới, lang thang, đói cơm, khát nước, khổ não tâm hồn của nội giống, không ai binh vực che chở. Chừng ấy nhiệm vụ trọng yếu của Thầy trò ta phải ra gánh vác. Đó là **Cờ Cứu Khổ** thực hiện”.

Là Cờ Màu trắng đây chính là biểu tượng mang ý nghĩa đầu hàng. Các nhà sử học cho rằng chiếc cờ trắng dễ gây sự chú ý bởi màu sắc phân biệt trên chiến trường. Sau này, chúng

dần trở nên phổ biến hơn ở phương Tây, cờ hiệu màu trắng đã được sử dụng rộng rãi để chỉ ý định đầu hàng trong thời Trung cổ ở Tây Âu. Màu trắng từ lâu đã gắn liền với cái chết và tang tóc ở Trung Quốc, vì vậy những người lính Trung Hoa có thể dùng cờ đầu hàng màu trắng để tỏ sự buồn bã khi thất trận. Dần dần lá cờ trắng đã trở thành một biểu tượng được quốc tế công nhận không chỉ cho việc đầu hàng mà còn cho mong muốn bắt đầu ngừng bắn trên chiến trường.

Những lời nói của Đức Hộ Pháp với ông Đinh Công Trứ làm chúng ta giật mình, suy ngẫm. Chúng ta không thể ngờ đây là sự việc đang xảy ra và vai trò trách nhiệm thiêng liêng vô cùng “huyền diệu” của Ban Thế Đạo ở hải ngoại. Như Đức Hộ Pháp đã nói bên trên:

“Mấy em nếu có chí can đảm đến Thái Bình Dương sẽ gặp Thầy là buổi sau này kia. Dầu cho Thượng Sanh chừng đó có can đảm đến đó sẽ gặp. Bằng chẳng vậy, cây **Cờ Cứu Thế** của Thượng Sanh về tay kẻ khác hay là Qua sẽ đến giữa trận giặc toàn cầu thứ ba”. Thượng Sanh có sứ mạng tạo Thế và chuyển Thế.

Thế pháp của Đại Đạo đâu đâu cũng thấy sự hoà hiệp một cách khít khao, do vậy mà thế pháp đã hiện hình bí pháp làm chơn truyền để phổ thông nền chơn đạo của Chí Tôn trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ. Hòa là sự hỗn hợp của âm dương, đến mức độ quân bình nhau, gọi là “âm dương tương hiệp”. “Theo bí pháp chơn truyền của cơ sanh hoá phải có đủ âm dương. Nền Tôn giáo nào có đủ âm-dương thì mới vĩnh cửu”.

Trong “Bí Pháp Cao Đài”, Đức Hộ Pháp có nói: “Chỉ Qua biết phận sự của Qua là Đại-Từ Phụ (Đức Chí Tôn) giao phó

với một lời yêu thiết như thế này:

- “Tắc,

Đòi quá khổ chẳng phải khổ về xác thịt mà thôi, mà lại khổ đến tinh thần nữa, nạn của Nhơn loại tương tàn tương sát sắp đến. Thầy giao cho con một cây **Cờ Cứu Khổ**, chẳng phải cứu khổ tinh thần mà thôi, lại lẫn cả thể xác nữa. Trọng hệ hơn hết là điều ấy Thầy giao phó cho con, nhưng mà con phải hiểu:

Có khổ về tinh thần mới biến sanh ra khổ của thể xác. Thầy nói rõ Thầy giao cho một gánh Đạo (**Cờ Cứu Khổ**) và Đòi (**Cờ Cứu Thế**)”.

Thực sự ra Bàn Đạo xin thú thật, gánh của Đạo chẳng hề khi nào làm cho Bàn Đạo khùng khiếp. Duy có gánh của Đòi, Ngài giao phó nó nặng nề hơn hết...” (Bí Pháp Cao Đài).

Bí quyết của Đạo Cao Đài là luôn luôn có quyền “Thiên Thượng và Thiên Hạ” tức là quyền Chí linh và Vạn linh hiệp một. Thánh ý Đức Chí Tôn muốn để con cái của Ngài tự lập Luật, tùy theo sức khép mình vào con đường tu luyện để khỏi than rằng Luật quá mắc mỏ rồi không đoạt thành phẩm vị sanh ra chán nản, hoặc viện lẽ rằng quá rẻ mà sanh dạ dễ duôi.

Thượng Sanh là ai?

Vật chất hữu sanh, thảo mộc hữu sanh, cầm thú hữu sanh, Nhơn loại hữu sanh tức là chúng sanh.

Trong chúng sanh có nguyên sanh và hóa sanh. Nguyên sanh là gốc từ khai Thiên đã có. Hóa sanh là khai Thiên rồi mới biến hóa ra. Tỉ như Nguyên nhân là khi khai Thiên rồi thì đã

có các chơn linh ấy. Còn Hóa nhân là chơn linh vật loại đoạt đến phẩm vị nhơn loại.

Trong các kiếp hữu sanh, duy có phẩm người là cao hơn hết, nên gọi là Thượng Sanh.

Lập Tam Kỳ Phổ Độ, Thầy (Đức Chí Tôn) đem các chơn linh, dầu nguyên sanh hay hóa sanh lên phẩm vị nhơn loại mới trọn nghĩa câu phổ độ.



Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang

Chon linh các Nguyên nhân bị đọa trần hay là của Hóa nhân thăng cấp đều nhờ Thượng Sanh độ rỗi. Ấy là Thế độ, nên Thượng Sanh làm chủ của Thế Đạo (Thế Pháp và Bí Pháp), nắm Thế Luật nơi tay mà diu dắt cả chúng sanh vào đường Đạo. Ai làm cho cản bước đường tu của thế gian thì Thượng Sanh đặng quyền kiện cùng Tòa Thánh. Chư Chức sắc phạm luật làm cho chúng sanh phải xa lánh Đạo thì người có quyền xin trị tội tức thì. Thượng Sanh là chủ phòng Cáo Luật.

Dưới quyền người có bốn vị Thời Quân: Bảo Thế, Hiến Thế, Khai Thế và Tiếp Thế (bốn vị Thời Quân chi Thế đặng cùng quyền cùng Thượng Sanh, khi người ban lệnh hành chánh; song mỗi vị có mỗi phận sự riêng).

Pháp Chánh Truyền dạy “Thượng Sanh thì lo về phần Đòi. Do đó mỗi sự chi thuộc về Đòi thì về quyền của Thượng Sanh”.

Thượng Sanh là Cây Cờ của Thế, tức là Đòi, ấy vậy Đòi nơi nào thì Thượng Sanh nơi đó. Người có quyền xem xét kẻ hành đạo coi Thánh Đức có đặc hơn tâm cùng chẳng, nhược bằng kẻ ấy thể Đạo không đủ tư cách, thì người có quyền dâng sớ cầu xin thuyền bỏ.

Thượng Sanh đối quyền với Chương Pháp bên Cửu Trùng Đài.

Hiệp Thiên Đài là luật lệ, mà Thượng Sanh lại là Chánh Trị, ấy vậy là người của Cửu Trùng Đài nơi Hiệp Thiên Đài.

Thượng sanh lo về phần Đòi là người thay mặt Hộ pháp chương quản chi Thế có nhiệm vụ kiểm soát nhân phẩm cung cách hành đạo của chức sắc, và diu dắt, độ rỗi hơn sanh vào Đạo.

Thượng Sanh và Thư Hùng Kiếm

Trong Đạo Cao Đài, Đức Cao Thượng Sanh sử dụng Thư Hùng Kiếm là Bửu pháp của Ngài trong sứ mạng tạo Đời và chuyển Thế.

Ngài Phạm Khai Đạo nói về Thư Hùng Kiếm: “Khi Đức Thượng Sanh mới về hành Đạo (15-4-Đinh Dậu), tôi chưa kính sợ cho lắm. Đến khi trấn thần Thư Hùng Kiếm rồi, Đức Ngài ra “Rừng Thiên Nhiên” thử Kiếm báu, thấy rõ sự huyền diệu của Bửu Kiếm, từ đó tôi bắt đầu kính phục vô cùng”.

Đây là Kiếm Trấn Pháp, làm bằng cây dâu gần 100 năm ở làng Thanh Điền (Tây Ninh) dâng hiến, mà còn biến hóa huyền bí đến thế. Vậy Bửu Kiếm Thư Hùng nơi Thiêng Liêng còn huyền diệu thế nào nữa...

Bửu Kiếm Thư Hùng là Bửu Pháp của Lữ Đồng Tân (Thuần Dương Lữ Tổ).

Bài thơ sau đây cũng nói lên được nguồn linh của Đức Thượng Sanh là Lữ-Đồng-Tân, một vị Tiên trong Bát Tiên. Ngày nay Ngài được Đức Chí Tôn ban cho phẩm Thượng Sanh là đứng đầu của nhơn sanh, tức nhiên chủ quyền Đời, xem như bậc Vương Đế. Ngày xưa Ngài cũng mộng Đế Vương, nhưng nay mới là Đế Vương thật sự.

Đức Hộ Pháp có lời tiên tri qua bài thi sau đây:

Bài thơ này đặc biệt nhứt là hai câu cuối.

*Cao Đài khai hội tại Tây trường,
Cải cựu hoán tân chế Lệ Thương.
Qui chánh cải Tà hườn miếu võ.*

*Tòng chơn khứ giả định phong cương.
Hồng Môn thử nhứt tri thành bại,
Xích Bích kim triêu biện nhược cường.
Phụng tẩn Long hồi hườn Nhứt thổ.
Lập cân hiển hiện buổi Huỳnh Lương.*

Bài này là một trong số nhiều bài thơ của Đức Hộ Pháp. Ngoài lời tiên tri về vấn đề thời cuộc qua các điển xưa tích cũ làm dẫn chứng cho sự việc ngày nay, người viết không đủ khả năng bàn luận thêm. Duy chỉ hai câu cuối là dùng lối chữ Hán chiết tự cũng rất là lý thú nên xin ghi lại để hiến cho chư độc giả:

Câu “Phụng tẩn Long hồi hườn Nhứt thổ”:

Phụng là loài điều, trong Dịch chỉ thời gian là tháng, năm Dậu.

Long là chỉ vì Vua: người đứng đầu một quốc gia, một lãnh thổ.

Hườn là hiệp lại.

Nhứt 一 và *Thổ* 土 đặt lên nhau thành ra chữ **VUÔNG** 王

Câu “Lập cân hiển hiện buổi Huỳnh Lương” (câu cuối):

Lập 立 là đứng, ở trên, **cân** 巾 là cái khăn, ở dưới. Hai chữ này đặt lên nhau thành chữ **ĐẾ** 帝 (có nghĩa là đứng mà đội khăn, chỉ Đạo phục của Đức Thượng Sanh có hình ảnh này mà thôi). Như vậy cả hai chữ mới tìm thấy đọc thành **VUÔNG ĐẾ** nghĩa là có Vua Trời.

Hình ảnh người đứng trên Ngai mà đội khăn đây là Đức Thượng Sanh khi mặc phẩm phục thì Ngài đội khăn, gọi là “bao tải xanh” là hình ảnh của Vua Trời đó vậy.

Câu Tinh Huỳnh Lương là nhắc lại câu chuyện về tiền kiếp của Ngài, khi Ngài được Đại Tiên đến độ Ngài qua giấc chiêm bao, Ngài thấy toàn mộng công hầu khanh tướng, vợ đẹp con xinh rồi lại bị vỡ mộng. Thời gian ấy chỉ trong thoáng chốc; khi ấy thì chủ quán nấu nồi kê chưa chín, nên cuộc đời giả tạm như giấc “mộng Huỳnh Lương”. Ngài nắm phân Thế Độ.

Thượng Sanh Cờ Cứu Thế và Màu Trắng Đạo Cao Đài

Rồng Màu Trắng Tượng Trưng Cho Tam Kỳ Phổ Độ. Trong Đền Thánh có tất cả 28 cột rồng. Đức Chí Tôn cưỡi rồng tuần du. Rồng tượng trưng cho sự biến hóa. Đó là ý nghĩa tượng trưng và thay thế cho “Nhị Thập Bát Tú” tức các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật châu Thượng Đế nơi Bạch Ngọc Kinh.



**Rồng màu Trắng nơi Bát Quái Đài tượng trưng cho
Bạch Dương Đại Hội trong Tam Kỳ Phổ Độ**

Các con Rồng trong Đền Thánh được sơn đủ các màu sắc (Xanh, Đỏ, Vàng và Trắng) còn có ý nghĩa tượng trưng đủ 3 thời kỳ phổ độ chúng sanh. Rồng màu Trắng nơi Bát Quái Đài tượng trưng cho Bạch Dương Đại Hội trong Tam Kỳ Phổ Độ, do Đức Di Lạc Khai Hội Long Hoa. Bạch Dương Đại Hội, mục đích cũng phán đoán tội lỗi chúng sanh như Nhứt kỳ và Nhị kỳ phổ độ. Còn tượng cột hình Rồng sơn Vàng chung quanh Bát Quái Đài là ý nghĩa tượng trưng và thay thế chư Phật chúng Hội Long Hoa (giải ý nghĩa Hội Long Hoa ở bài viết khác).

Trong Tam Kỳ Phổ Độ Đức Di Lạc làm chủ điểm Đạo nên Rồng Trắng ở tại Bát Quái Đài, ấy là chánh thời kỳ của Sắc Trắng (Đạo Phục Bạch Y, Áo Dài Trắng).

Màu trắng là “Màu của Tình Thương”. Màu trắng là màu tượng trưng cho tình yêu thương, cho sự thanh khiết, thanh cao trong sạch, sự ngây thơ không chút bợn-nhơ của trẻ thơ. Màu trắng tượng trưng cho con người đạo đức hiền lương không làm gì tội lỗi.

Màu trắng còn là màu tổng hợp của bảy màu trong sắc cầu vồng, đó là màu Đại đồng, mục đích của Đạo Cao Đài là phải thực hiện ra cho đến Đại Đồng Thế Giới. Có đó rồi không có. Màu trắng biến thành bảy màu, rồi trở lại màu trắng, tức là “Sắc Sắc Không Không, Hư Hư Thiệt Thiệt”. Màu Trắng là không màu, vậy Đạo tức là “Vô”.

Người tín đồ Cao Đài Giáo mặc áo dài trắng là nói lên cái “Vô của Đạo, vì Đạo chính là Vô”. Nói cách khác “Màu Trắng thể hiện cái Đạo”. Do đó màu trắng có ý nghĩa rất sâu xa và còn có thể nói là rất “huyền diệu” trong Đạo Cao Đài. Như Đức Hộ Pháp đã nói với ông Đinh Công Trứ

“Em biết cây Cờ Trắng trương nó lên để làm gì? Biểu hiện ấy có phải để cứu nhân loại không?. Chỉ một ngày kia, Thượng Sanh ra mặt Đồi là cây Cờ Cứu Thế...” và ... “Cây Cờ Trắng dùng để khi nước nhà nòi giống ta xô xát, cốt nhục tương tàn khốc liệt, vô phương cứu chữa, thì ngày ấy là giá trị của nó.” Thượng Sanh có sứ mạng tạo Thế và chuyển Thế.

Cao Đài là một Tôn Giáo Đại Đồng. Tôn chỉ của Đạo Cao Đài là “Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi Hiệp Nhất. Triết Lý Cao Đài “Nhứt Bản Tán Vạn Thù” và “Vạn Thù Quy Nhứt Bản”.

Đạo Cao Đài chủ trương “Vạn Giáo Nhất Lý”: tất cả các tôn giáo đều cùng một chân lý, tất cả tôn giáo đều từ một gốc mà ra và tuy có khác nhau về hình tướng nhưng cái chân lý cùng đều giống nhau, cùng chung một mục đích cứu rỗi nhân loại.

Khi mặc áo dài trắng, người tín đồ Cao Đài tâm niệm phải nên hiểu là mình đang mang trong người không biết bao nhiêu ý nghĩa sâu xa của Đạo của mình mà Đức Chí Tôn đã kín đáo gởi vào đó. Chúng ta phải hiểu bổn phận và trách nhiệm của chúng ta khi ta mặc chiếc áo dài trắng này để không làm trái Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn.

Người Cao Đài mặc đạo phục màu trắng như nhắc nhở luôn giữ tâm hồn giản dị, khiêm tốn, giữ đạo đức cá nhân thanh cao trong sạch. Ngoài ra, mỗi tín đồ cũng luôn nhớ tư tưởng của nền Đạo: “một là tất cả, tất cả là một” (nhất bản tán vạn thù, vạn thù qui nhất bản).

Bộ đạo phục màu trắng như một bông sen trắng mà người Cao Đài cần gìn giữ trong cõi đời nhiều ô trọc, như Thầy đã từng khen “ngoài trong sạch tợ bạch liên”. Đó cũng chính

là Bộ Thiết Giáp mà Thầy cho chúng ta mặc.

“Thầy nói trước cho các con biết mà giữ mình. Chung quanh các con, dầu xa, dầu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con; song trước Thầy đã cho các con mặc một Bộ Thiết Giáp (đạo phục Áo Dài Trắng), chúng nó chẳng hề thấy đặng là đạo đức của các con. Vậy rán gìn giữ Bộ Thiết-Giáp ấy hoài cho tới ngày các con hội hiệp cùng Thầy (TNHT).

Đức Chí Tôn dạy rằng: “Giáo-lý của Thầy là Đại Đồng”. Lấy sự thương yêu làm gốc và nếu không có sự thương yêu thì Đạo không thành. Đức Chí Tôn dạy mọi người phải thương yêu nhau như ruột thịt. Sự thương yêu đó thể hiện tình huynh đệ đồng đạo, ở tình nhơn loại giữa con người với nhau. Tình yêu thương của Đức Chí Tôn dành cho chúng-sanh trong đó có loài người thật là vô-lượng, vô biên, Đức Chí Tôn đã xác-nhận điều này như sau:

“Thầy thường nói với các con rằng: Thầy là cha của sự thương yêu. Do bởi thương yêu, Thầy mới tạo thành càn khôn thế giới và sinh dưỡng các con” (TNHT).

Đức Thượng Sanh Qui Thiên ngày 26 tháng 3 năm Tân Hợi (1971) tại Sài Gòn, hưởng thọ 71 tuổi. Hội Thánh rước về Toà Thánh làm lễ Thánh Tang cho Ngài. Một đám tang lớn nhất trong nước, kể cả Đồi lẩn Đạo. Nhất là toàn Đạo để tang Ngài như một “rừng tang” trắng xoá. Sự triều thiên của Đức Thượng Sanh đã gieo vào lòng Hội Thánh và toàn Đạo một nguồn bi thương dào dạt như muôn lượn sóng trùng dương.

Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn tại Cung Đạo Đền Thánh,

Tòa Thánh Tây Ninh đêm mừng 6-5-Tân Hợi (dl 29-5-1971)
dạy:

“ Các con,

Hôm nay vì có cuộc vui mừng nên Thầy đến khuyên các con nên để tâm lực vào sự xây dựng nền Đạo cho kịp thời kéo tội nghiệp cho nhơn sanh. Nay ba vị tướng soái lớn đã về thiêng liêng, đó cũng vì thiêng liêng định đặng thử coi các con có làm nên trò gì chẳng?

Thượng Sanh có sứ mạng về để độ dẫn những “bậc thượng sanh tại thế”, rồi đây các con sẽ thấy nhiều trang trí thức đến với Đạo, vì chẳng lẽ ôm bằng cấp trí thức để cho mai một hay sao?

Thầy ban ơn cho các con.

Thăng

Sau năm 1975, một số đông tín đồ Cao Đài vượt biển Thái Bình Dương định cư trên đất Mỹ, Canada, Australia, Âu Châu (và nhiều nơi khác), trong đó có trên 100 Hiền Tài, Ban Thế Đạo.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã được thành lập qua ngày Đại Hội Hiền Tài Hải Ngoại được tổ chức ở thành phố San Jose, tiểu bang California, Hoa Kỳ, ngày 23 và 24-12-1995. Phiên họp thành công đó là nhờ sự giúp đỡ, cùng công lao của các vị Hiền Tài, các vị Chức việc các Cơ sở Đạo, cùng đồng Đạo các nơi tại hải ngoại. Con số Hiền Tài tham dự Đại Hội Ban Thế Đạo Hải Ngoại đạo đó không được nhiều lắm.

Đức Hộ Pháp nói “...đến Thái Bình Dương sẽ gặp Thầy là buổi sau này kia”. Đọc câu này chắc hẳn là đạo đó ai cũng

tự hỏi tại sao phải làm như vậy “buổi sau này kia”? và đạo đó cũng không ai để ý đến lời nói này hay chỉ hiểu “lờ mờ” đây là lời tiên tri của Đức Hộ Pháp về tương lai Đạo. Chử Thầy ở đây không thể nào hiểu hay nghĩ đơn giản được. Chử Thầy trong câu chuyện với ông Đinh Công Trứ là Đức Hộ Pháp; còn trong cả câu thì chử Thầy ở đây chính là Đức Đại Từ Phụ (Đức Chí Tôn) vậy.

Như đã trình bày trong các bài viết trước, Ban Thế Đạo được thành lập bởi Đức Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông. Hai Quyền Giáo Tông và Hộ Pháp là Quyền Chí Tôn tại Thế, hay Quyền Chí Linh. Như vậy Ban Thế Đạo được gián tiếp thành lập bởi Đức Chí Tôn (Thầy).

Ở hải ngoại, Ban Thế Đạo Hải Ngoại là tổ chức duy nhất của Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh còn tồn tại tại hữu hình hiện nay, đang hoạt động, tiếp tục vai trò sứ mạng mà Đức Hộ Pháp & Đức Lý Giáo Tông đã ủy nhiệm khi thành lập Ban Thế Đạo năm 1965, mang cây Cờ Cứu Thế của Thượng Sanh tiếp tục phổ Đạo.

Ban Thế Đạo thuộc chi Thế Hiệp Thiên Đài và Đức Thượng Sanh là Chương Quản Chi Thế. Như đã trình bày, Thượng-Sanh có sứ mạng tạo Thế và chuyển Thế. Gần 45 năm qua, mặc dầu trong tình trạng khó khăn trăm bề, Ban Thế Đạo đã hết lòng, thành Tâm thi hành sứ mạng của Đức Thượng Sanh, giương cao Cây Cờ Cứu Thế (Đời) như Đức Hộ Pháp đã nói để tiếp tục phát triển và phổ độ nền Đại Đạo ở hải ngoại.

Thượng Sanh làm chủ của Thế Đạo bao gồm cả Thế Pháp và Bí Pháp, nắm Thế Luật nơi tay mà dìu dắt cả chúng sanh vào đường Đạo. Ban Thế Đạo thuộc chi Thế Hiệp Thiên Đài,

dưới quyền Thượng Sanh, thi hành cả cả hai Thể Pháp và Bí Pháp (chi tiết ghi trong bài viết khác).

Về mặt Thể Pháp Thế Đạo, xin hiểu một cách đơn giản là các phẩm cấp hữu hình trong Ban Thế Đạo, được qui định trong Qui Điều Ban Thế Đạo gồm 4 phẩm: Hiền Tài, Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử, để chức sắc Ban Thế Đạo có cơ hội, theo trách nhiệm Đạo Đòi tương đắc phổ Đạo, lập công bồi đức để lập vị nơi hữu hình, và trên đường Thiên Đạo (Thiên Liêng Hằng Sống), con đường phản bản hoàn nguyên “trở về”, nhập lại với Đại Linh Quang của Đức Chí Tôn ở vô vi và được Đức Ngài định vị nơi cõi vô vi (Bí Pháp).

Phần Đạo trong Thế Đạo thì phải hiểu là theo con đường tấn hóa, lập vị từ hữu hình đến vô vi. Con đường tu thân từ Thế Đạo dẫn đến Thiên Đạo mà Giáo Tông thay quyền cho Thầy diu dắt các con cái Đức Chí Tôn trong Đường Đạo và Đường Đòi, tức là con Đường đi từ Thế Đạo dẫn đến Thiên Đạo (con đường Thiên Liêng Hằng Sống).

Trong phần Đạo này, chức sắc trong Ban Thế Đạo được Giáo Tông thay mặt Đức Chí Tôn hướng dẫn đường tu để “trở về”, con đường “Thiên Liêng Hằng Sống”, con đường dẫn đến Thiên Đạo tức là con đường qui hồi cựu vị. Đây là con đường tu thân, con đường “Đạo Đức” để cho cái “Tiểu Linh Quang” của nhân sanh “trở về” trong cái “Đại Linh Quang” của Đức Chí Tôn ở vô vi.

Thay Lời Kết:

Ban Thế Đạo chính là Thư Hùng Kiêm và Cờ Cứu Thế của Thượng Sanh xuất hiện, biến tướng để bảo hộ toàn con cái Đức Chí Tôn và hiệp cùng mặt Đòi đặng đem lại sự trật tự

thái bình trong cảnh nghĩa nhân Đạo đức. Chúng ta vì cơ bảo sanh của tạo hóa, Hội Thánh từ chức sắc thiên phong đến chức việc, đạo hữu đều có phận sự bảo vệ cho cơ sanh hóa trong Đạo và ngoài Đời (hiệp cùng Đời xây cơ chuyển thể làm cho Đạo Đời tương đắc giữa bạch nhật thanh thiên).

Thượng Sanh làm chủ của Thế Đạo (Thế Pháp và Bí Pháp), nắm Thế Luật nơi tay mà dìu dắt cả chúng sanh vào đường Đạo. Thượng Sanh là cây cờ của Thế, tức là Đời, ấy vậy Đời nơi nào thì Thượng Sanh nơi đó. Như đã trình bày bên trên, Thượng sanh lo về phần Đời là người thay mặt Hộ Pháp chương quản chi Thế có nhiệm vụ kiểm soát nhân phẩm cung cách hành đạo của chức sắc, và dìu dắt, độ rỗi nhơn sanh vào Đạo.

Nếu kẻ vô lương bất đức còn tàn sát phá hoại cơ sanh hóa của Đức Chí Tôn thì Thượng Sanh có nghĩa vụ đưa cây Thư Hùng Kiếm và Cờ Cứu Thế cho quần chúng hiểu rõ nhiệm vụ của mình rồi sẽ thi hành phận sự bảo sanh và nghĩa hiệp một cách quang minh sáng suốt.

Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tháng Giêng năm Đinh Hợi (dl. 29-01-1947) “lá cờ của Thượng Sanh (Cờ Cứu Thế) ra mặt với Đời cùng cây Thư Hùng Kiếm của nó, y theo lời hứa của Đức Chí Tôn lập cho nước Việt Nam một nền Quốc Đạo, cơ quan cứu sanh cho vạn loại”. Vì do sở định thiêng liêng và huyền diệu của Ngài nên người đời dễ chi biết được.

Tìn đồ Đạo Cao Đài phải hiểu cái mạnh của mình, mạnh vì lòng nhơn nghĩa và tánh nghĩa hiệp cứu Đời. Vậy muốn dẹp được cái mạnh của “chiến tranh, chia rẽ” thì chúng ta chỉ dùng cái mạnh của nhơn nghĩa và tính nghĩa hiệp mà thôi. Ban Thế Đạo Hải Ngoại phải giữ gìn “thanh gươm nghĩa

hiệp (Thư Hùng Kiêm), lá cờ nhọn nghĩa (Cờ Cứu Thế)” cho vững vàng. Được như thế thì quyền năng và tình yêu thương của Chí Tôn lúc nào cũng hiện hữu trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại. Như đã trình bày, Ban Thế Đạo được gián tiếp thành lập bởi Đức Chí Tôn.

Phần Đạo trong Ban Thế Đạo thì phải hiểu là theo con đường tấn hóa, lập vị từ hữu hình đến vô vi. Con đường tu thân từ Thế Đạo dẫn đến Thiên Đạo mà Giáo Tông thay quyền cho Thầy diu dắt các con cái Đức Chí Tôn trong Đường Đạo và Đường Đời, tức là con Đường đi từ Thế Đạo dẫn đến Thiên Đạo: thực hành Thế Pháp và Bí Pháp Thiên Đạo (Thiên Lương Hằng Sống).

Trong phần Đạo này, chức sắc trong Ban Thế Đạo được Giáo Tông thay mặt Đức Chí Tôn hướng dẫn đường tu để “trở về” con đường “Thiên Lương Hằng Sống”, con đường dẫn đến Thiên Đạo tức là con đường Phản Bồn Hoàn Nguyên, qui hồi cự vị. Trong phần Đạo, còn có nghĩa là con đường tu thân, con đường “Đạo Đức” để cho cái “Tiểu Linh Quang” của nhân sanh “trở về” trong cái “Đại Linh Quang” của Thầy (Đức Chí Tôn).

Ghi chú: Ông Đinh Công Trứ là Chủ trưởng của Minh Thiện Đoàn do Đức Lý Giáo Tông lập năm 1928 tại làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho; đến năm 1929, Đức Lý Giáo Tông bàn giao Minh Thiện Đoàn cho Đức Hộ Pháp cai quản. Nơi đây có lập một Thánh Thất gọi là Thánh Thất Khổ Hiền Trang và một Sở Thảo Đường, do lời dạy của Đức Phật Mẫu giáng cơ năm 1928 với bài thi “Thảo Đường”, chép ra như sau:

Thảo Đường phước địa ngộ tông hoa
Lục ức dư niên võ trụ hòa.

Cộng hưởng phạm gian an lạc nghiệp,
Thế đăng Bồng đảo định âu ca.

Do đó Đức Hộ Pháp có dạy Ông Đình Công Trứ lập bàn thờ Đức Phật Mẫu nơi Sở Thảo Đường. Sự thờ phượng Đức Phật Mẫu nơi đây còn rất đơn sơ. Thời gian kể từ năm 1941, giặc già bắt đầu nổi lên và cường độ chiến tranh càng lúc càng lớn. Nơi làng Phú Mỹ không còn được an ninh như trước, nên từ năm 1943 đến năm 1945, Ông Đình Công Trứ cùng với các bạn đạo trong Minh Thiện Đoàn, rời bỏ Phú Mỹ, tản cư về Tây Ninh, lập ra Trường Qui Thiện để làm cơ sở tiếp tục tu hành. Tại Trường Qui Thiện, Ông Đình Công Trứ tạo lập một Đền Thờ Đức Phật Mẫu kang trang hơn nhiều so với lúc còn ở Phú Mỹ, gọi là Đền Thờ Phật Mẫu Qui Thiện.

Năm 1941-1946 là thời Pháp nạn. Ngày mùng 4-6 nhuận-Tân Tỵ (dl 27-7-1941), chánh quyền Pháp đã đưa Đức Hộ Pháp và 5 vị chức sắc lưu đày 5 năm ở hải đảo Madagascar bên Phi Châu.

Midland Michigan ngày 19 tháng 9 năm 2019
QS-TS Nguyễn Thanh Bình
Ban Thế Đạo Hải Ngoại
Tòa Thánh Tây Ninh

Tài Liệu Tham Khảo:

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I & II, Ấn Bản Năm Nhâm Tý (1972).
2. Tân Luật (1972); Đạo Luật; Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.
3. Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài (1932) và Vai Trò Của Hiệp Thiên Đài (2015)

4. Luật Pháp Cao Đài (2012)
5. Qui Điều và Nội Luật Ban Thế Đạo (1969)
6. Pháp Chánh Truyền và Tân Luật (1972)
7. Hiến Chương Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (1965)
8. Tiểu sử và lời thuyết Đạo của Đức Thượng Sanh (1973)
9. Đạo và Đạo Tại Tâm – Hữu Hình và Vô Vi Huyền Diệu Hiện Tượng Hiệp Thiên Đài, Quốc Sĩ Tiên Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2017).
10. Đạo Tâm - Tịch Đạo - Chơn Pháp Đạo Tâm, Quốc Sĩ Tiên Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2017).
11. Đại Đạo Cao Đài và Nền Văn Minh Nhân Loại – Ban Thế Đạo Hải Ngoại Nhập Cuộc, Quốc Sĩ Tiên Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2017).
12. Đạo Cao Đài và Nền Văn Minh Thế Giới – Ban Thế Đạo Hải Ngoại Nhập Cuộc, Quốc Sĩ Tiên Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2019).
13. Văn Hoá Thiên Đàng, Hòa Bình Thế Giới, Phục Hồi Ánh Sáng (HWPL) và Đại Đạo Cao Đài (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Tòa Thánh Tây Ninh), Quốc Sĩ Tiên Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2017).
14. Ý Nghĩa Màu Trắng Và Áo Dài Trong Đạo Cao Đài, Quốc Sĩ Tiên Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2018).
15. Bạch Ngọc Kinh Nơi Đức Chí Tôn Ngự, Quốc Sĩ Tiên Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2018).
16. Huy-Hiệu Của Đức Hộ-Pháp Ngôi Sao Sáu Cánh và Quyền Hành Hộ Pháp, Quốc Sĩ Tiên Sĩ Nguyễn Thanh Bình (2019).

Đời Sống Người Đệ Tử Cao Đài (HT Huỳnh Tâm)

Đạo Cao Đài là một tôn giáo lớn, được thành lập ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX, năm 1926.

Tên gọi Cao Đài theo nghĩa triết học “*Đấng vĩ đại bất tử*” (Mahāsattva), nghĩa bóng nơi cao nhất ở đó Thượng đế ngự trị; cũng là danh xưng rút gọn của Thượng đế trong tôn giáo Cao Đài, vốn có danh xưng đầy đủ là “*Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*”. Để tỏ lòng tôn kính, một số các tín đồ Cao Đài thường gọi tôn giáo của mình là Đạo Trời.



Chú Nhật năm 1924. Tại Thảo Cầm Viên Sài Gòn. Quý Ngã Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Cư, Hương Hiếu. Chụp ảnh lưu niệm.

Tín đồ Cao Đài tin rằng Thượng đế là Đấng sáng lập ra các tôn giáo và cả vũ trụ này. Tất cả giáo lý, hệ thống biểu tượng và tổ chức đều được «Đức Cao Đài» trực tiếp chỉ định. Và đạo Cao Đài chính Thượng Đế trực tiếp khai sáng thông qua Cơ bút cho các tín đồ với nhiệm vụ cao cả Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (chữ Hán: 大道三期普度), có nghĩa là Nền đạo lớn cứu khổ lần thứ Ba

Cao Đài là một tôn giáo mới, dung hợp nhiều yếu tố từ các tôn giáo lớn, gồm cả Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo, Hồi giáo, Cơ Đốc giáo, Thần Đạo và cả một số tôn giáo đa thần thời cổ đại, thể hiện qua Ngũ Chi Đại Đạo. Ngoài ra còn vinh danh một số danh nhân cận đại gọi là «*Tam thánh đứng đầu Bạch Vân Động*», bao gồm Tôn Dật Tiên, Victor Hugo và Nguyễn Bình Khiêm (xem Tam Thánh ký hòa ước). Tín đồ thi hành những giáo điều của Đạo như Từ Bi, Bác Ái, Công Bình không sát sinh, sống lương thiện, minh bạch, chân thành hòa đồng, phục vụ nhân sinh, làm lành lánh dữ, giúp đỡ đồng sinh trợ nghèo khốn khó, thờ cúng tổ tiên, thực hành tình yêu thương vạn loại qua việc ăn chay với mục tiêu tối thiểu là đem sự hạnh phúc cho mọi người, đưa mọi người về với Thượng Đế nơi Thiên giới và mục tiêu tối thượng là đưa vạn loại thoát khỏi vòng luân hồi. Cho nên mỗi Tín đồ chí tâm cầu nguyện:

«Nam Mô nhứt nguyện: Đại Đạo hoằng khai.

Nhi nguyện: Phổ độ chúng sanh.

Tam nguyện: Xá tội đê tử

Tứ nguyện: Thiên hạ thái bình.

Ngũ nguyện: Thánh Thất an ninh.»



Từ số 1-Đức Quyền Giáo Tông. 2-Ngọc Chương Pháp. 3-Đầu Sư Thái Thơ Thanh. 4-Cao Thượng Phẩm. 5- Ông Ngô Trung Tín. 6-Phạm Hộ Pháp. 7-Bà Tổng Đốc Phạm Văn Tươi. 8-Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh. (Chụp kỷ niệm trước nhà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, tại Vũng Liêm, Vĩnh Long) năm 1927. By: Institute for Historic Caodai Religion.

Đạo Cao Đài chính thức công bố trước nhân loại, thực hiện lễ Khai Đạo vào ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần (Năm 1926). Tại Chùa Gò Kén Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Đạo Cao Đài nhanh chóng phổ độ phát triển cả miền Nam Việt Nam. Theo thống kê năm 1941 của Nhà Thuộc Địa Pháp số lượng tín đồ Cao Đài 1 triệu 9. Từ miền Bắc, miền Trung và miền Nam (Nguồn: Le Caodaisme L'ARMEE CAODAISME, par le Chef de Bataillon A.M. SAVANI de l'Infanterie Coloniale (JUIN-OCTOBRE 1952).



Theo thống kê dưới thời Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa (1960) tín đồ Cao Đài có 3 triệu. Và thời đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa (1972), tín đồ Cao Đài trên 4 triệu 3. (Nguồn: Xây Dựng Nông Thôn).

Về mặt tổ chức hành chánh Trung Ương Đạo Cao Đài, tại Tòa Thánh Tây Ninh. Chức Sắc hành Đạo có trên 2 vạn 4,

Chức việc có trên 5 vạn 1, điều hành 2.585 Châu Đạo, Tộc đạo và Hương Đạo. Ngoài ra còn có trên 1.290 cơ sở sinh hoạt Văn hóa, Giáo dục học đường, truyền thông, giáo lý, phục vụ nhân sanh từ Trung ương đến địa phương.

I – LỊCH SỬ LẬP GIÁO.

Những yếu tố thành hình Đạo Cao Đài.

a) Quan phủ Ngô Văn Chiêu là một người có khuynh hướng tu Tiên, thường hay lập đàn cầu cơ thỉnh Tiên về học Đạo và xin thuốc chữa bệnh, ông có gặp Đức Cao Đài và có thờ Ngài. Đức Cao Đài có hiện hình Thiên Nhân (con mắt Trái) làm một huyền diệu để ông đủ tin tưởng và lấy đó làm biểu tượng thờ phượng. Sự việc đã xảy ra tại đảo Phú Quốc trong khi ông đang làm quan cho chính quyền Pháp vào năm 1921. Quan phủ Ngô Văn Chiêu là đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài, sau có thêm một số đệ tử nữa cùng tu hành với ông, nhưng những hoạt động của những vị này không đủ khả năng và những yếu tố chính đáng để thành một tôn giáo mới.

b) Từ năm 1924 – 1925, tại Sài Gòn-Chợ Lớn miền Nam Việt Nam, xuất hiện phong trào xây bàn, cầu cơ, chấp bút phổ biến lan rộng, thuyết phục được một số trí thức Việt Nam, nhất là những người đang làm công chức cho Pháp. Thường mỗi đêm họ cùng nhau tụ họp lại xây bàn thỉnh vong linh của người quá cố để hiện về họa thi tiêu khiển, tìm hiểu về thế giới vô hình, cũng như về tương lai vận mạng của dân tộc Việt Nam.

Trong số các Chơn linh giáng hạ có một Chơn linh đến bằng thần năng điển lực mạnh mẽ phi thường, không chịu xưng

danh mà chỉ xưng A, Ẫ, Ậ. Mãi đến đêm Noel 1925 Ông A, Ẫ, Ậ mới cho biết chính Ngài là Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Ngài đến để lập Đạo Cao Đài. Ngài xưng danh như sau:

*“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông
Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương”.*



Từ Trái sang Phải: - Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, - Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, và Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang. Đức Chí Tôn ủy nhiệm thành lập Đạo Cao Đài (Nguồn: By Institute for Historic Caodai).

Từ đó Đức Chí Tôn thường giảng dạy về đạo lý, chỉ biểu cách thành lập Hội Thánh, Thiên phong tước phẩm cho những chức sắc buổi ban sơ, và thân nhận họ làm đệ tử. Như quý ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Lê Văn Trung... và số bạn bè trong nhóm trở thành Đại Chức sắc Thiên phong trong Hội Thánh. Quan trọng hơn hết là vai trò của Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc giữ phân nửa quyền

hành trong Đạo (Hiệp Thiên Đài phục vụ Thế và Đạo).

Đến ngày 01–9 Bính Dần (07–10–1926). 28 người đại diện ký tên vào bảng Tuyên Ngôn Khai Đạo, gửi lên nhà cầm quyền Pháp. Kể từ đây Đạo Cao Đài chính thức trở thành một tôn giáo, có đủ pháp lý, pháp nhân tại thế gian. Trong lúc thành lập Đạo có tất cả 28 vị ký tên vào bảng Tuyên Ngôn Khai Đạo. Vào thời điểm khởi đầu lập Đạo, Ngài Ngô Văn Chiêu không ký tên vào bảng Tuyên Ngôn Khai Đạo, dù đang hiện diện, cùng sinh hoạt chung với những đệ tử của Đức Cao Đài, tuy nhiên 28 vị ký tên vẫn tôn trọng Ngài Chiêu là đệ tử đầu tiên của Đức Chí Tôn.

Từ thời điểm khởi động lập giáo cho đến khi chính thức thành hình Đạo Cao Đài (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) trải qua nhiều thử thách, Đức Chí Tôn chọn người thu nhận làm đệ tử và lập giáo, như sau:

- Từ năm 1921 Quan Phủ Ngô Văn Chiêu đã biết thờ Đức Cao Đài .
- 1925 Đức Cao Đài chính thức xưng danh là Ngọc Hoàng Thượng Đế và tuyên bố Giáo Đạo Nam Phương.
- 1926 một số môn đồ đầu tiên ký tờ Tuyên Ngôn Khai Đạo gửi cho chính quyền Pháp.
- Đạo Cao Đài thành hình một tôn giáo, truyền bá lan rộng mạnh mẽ tại miền Nam Việt Nam từ năm 1926 trở đi, trung ương đặt tại Tây Ninh được gọi là Tòa Thánh.



Hàng I. Đức Qu Giáo Tông. Đức Hộ Pháp, ĐS Ngọc Lịch Nguyệt. Hàng II. ĐS Thái Thơ Thanh. ĐS Ngọc Trang Thanh. ĐS Thượng Tương Thanh. ĐS Thái Bô Thanh. Chụp kỷ niệm trước cửa Hòa Viện năm 1929. By: Institute for Historic Caodai Religion.

II – TỔ CHỨC ĐẠO CAO ĐÀI

A) PHÂN QUYỀN

Đạo Cao Đài quan niệm rằng trong cơ chế Đạo có hai hành quyền là Thiên Thượng và Thiên Hạ.

- Quyền Chí Linh: Do hành quyền của Đức Chí Tôn và các đấng trọn lành, tức là Thiên Thượng.

- Quyền Vạn Linh: là hành quyền của ba hội: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội hiệp lại thành Thiên Hạ.



Ngày 07/10/1926 (01/09 Bính Dần) hai vị Đẩu sư Lê Văn Trung và Lê Văn Lịch đến trình Thống đốc Nam Kỳ Le Fol về bản Tuyên Ngôn Khai Đạo và Tờ Tịch Đạo (ghi chú: Saigon, le 07 Octobre 1926). Đến ngày 15/10/1926. Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vinh [3], vận động hành lang vốn quen biết với Thống đốc Le Fol [2], lấy hẹn viếng thăm cùng đi có Ngài Đẩu Sư Thượng Trung Nhật [1]. Photo 15/10/1926. By: Institute for Historic Caodai Religion.

Bởi Đạo Cao Đài chủ trương dân chủ, cho nên quyền Chí linh (Thuộc quyền Thiên Thượng) còn quyền Vạn linh

(thuộc quyền Thiên hạ) « trên có Trời, dưới có người » cả hai đồng quyền tự lập luật tu hành cho hợp mọi thời đại.

B) TỔ CHỨC

Hành quyền trong Đạo có ba đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, được xem như có hai phần vô hình, và hữu hình.

- Bát Quái Đài: thuộc về vô hình, do Đức Chí Tôn và các Đấng trọn lành điều khiển, vận dụng năng lực thần bí trong vũ trụ để thúc đẩy cơ sanh hóa và giục tấn các đấng chơn hồn.

- Hiệp Thiên Đài: là cơ quan bán hữu hình, vì nơi đây tiếp diễn, thông công nhận giáo huấn của Bát Quái Đài.

Chức sắc hữu hình, tiếp nhận mệnh lệnh hay lời chỉ giáo của quyền Chí Linh từ Bát Quái Đài để thực hiện hành quyền Đạo.

Đứng đầu Hiệp Thiên Đài, Đức Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Hiệp Thiên Đài có nhiệm vụ bảo thủ chơn truyền luật pháp của Đạo.

- Cửu Trùng Đài: là cơ quan hữu hình, có nhiệm vụ tổ chức đời sống của tín đồ cho phù hợp với chơn pháp Tam Kỳ Phổ Độ, hành quyền chánh Đạo, và phổ tế nhơn sanh, thi hành luật pháp Đạo, thông truyền đức tin.

Đứng đầu Cửu Trùng Đài là Giáo Tông. Hay Qu. Giáo Tông Lê Văn Trung.

Giáo Tông là anh cả của mọi tín đồ. Về mặt hữu hình, Hộ

Pháp là em của Giáo Tông, nhưng về phần Thiêng liêng thì đồng vị. Toàn thể chức sắc làm việc trong hệ thống Cửu Trùng Đài hiệp lại thành Hội Thánh Cửu Trùng Đài, có cả nam phái và nữ phái hành quyền riêng biệt.



Từ Trái sang Phải: - Đức Qu. Giáo Tông Thượng Trung Nhựt, - Đức Hộ Pháp Phạm Công Tác, và Ngài Thượng Tương Thanh. Ảnh chụp 1927 tại Sài Gòn. (Nguồn: By Institute for Historic Caodai).

Toàn thể chức sắc làm việc trong hệ thống Hiệp Thiên Đài hiệp lại thành Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

Hội Thánh Phước Thiện nằm bên Hiệp Thiên Đài và đặt dưới sự lãnh đạo tối cao của vị Chủ quản Hiệp Thiên Đài là Hộ Pháp.

Tổ Chức Hội Thánh Cửu Trùng Đài

Trung ương đặt tại Tòa Thánh Tây Ninh, địa phương gồm các tỉnh Trung và Nam phần Việt Nam, một số tỉnh ở miền Bắc. Ở ngoại quốc cũng có vài Quốc gia có cơ sở Đạo Cao Đài như: Pháp, Nhật, Cam-bốt, Lào, Congo...

*** Tại trung ương có chín viện, gọi theo chữ Hán là Cửu viện chia đều cho ba phái:**

*** Phái Thái điều khiển:**

- Hộ viện coi về tài chánh.
- Lương viện coi về lương thực.
- Công viện coi về đường sá, dinh thự.

*** Phái Thượng điều khiển:**

- Học viện coi về giáo dục.
- Y viện coi về y tế.
- Nông viện coi về canh nông

*** Phái Ngọc điều khiển:**

- Hòa viện coi về an ninh, hòa giải.
- Lại viện coi về hành chánh đạo.

- Lễ viện coi về tế tự, nghi lễ.

*** Tại những địa phương có:**

- Trấn Đạo gồm nhiều Châu Đạo (Tỉnh Đạo)

- Châu Đạo gồm nhiều Tộc Đạo (Quận Đạo)

- Tộc Đạo gồm nhiều Hương Đạo (Xã, Làng Đạo)

- Hương Đạo gồm nhiều Ấp Đạo (Tại Châu Thành Thánh Địa, Phận Đạo tương đương với Tộc Đạo)

Đơn vị hành chánh là Hương Đạo, có công cử Bàn Trị Sự điều khiển tất cả mọi việc trong Hương Đạo.

Những chức vụ trong Bàn Trị Sự gồm có:

- **Chánh Trị Sự** nắm quyền hành chánh và luật lệ trong Hương Đạo.

- **Phó Trị Sự** nắm quyền hành chánh trong Ấp Đạo.

- **Thông Sự** là người thay mặt Chánh Trị Sự trong một Ấp, gọi là Thông Lý Đạo, để lo về phần Luật lệ.

- Và một số Biện đạo, Tuần đạo, Thư tín...

Theo luật Đạo, tín đồ liên lạc thường xuyên nhứt với các chức việc Bàn Trị Sự trong các dịp quan, hôn, tang, tế. Bàn Trị Sự là cơ quan có thẩm quyền xét định và cấp giấy chứng nhận về hạnh kiểm và đức tánh của tín đồ. Giấy này rất quan trọng trong mọi hồ sơ về tôn giáo. Chức việc Bàn Trị Sự có quyền phân xử những vụ tranh chấp giữa những tín đồ với nhau, thường thường dưới hình thức hòa giải, nếu không xong sẽ đệ trình thượng cấp xét định.



TAY NINH July 1948 - Caodaist Pope Pham Cong Tac wearing ornamented dress and crown, surrounded by serpents representing sin, beginning mass with sword portraying Caodaist tenet. By: Institute for Historic Caodai Religion.

III – TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH



2 - Ngày Khai Đạo 19 tháng 11 năm 1926, (15 tháng 10 năm Bính Dần). Lễ nghi rất trọng thể tại chùa Gò Kén, tỉnh Tây Ninh. Ngài Ngô Văn Chiêu từ chối chức Giáo Tông. Đức Lý phong cho Đầu Sư Thượng Trung Nhật, chức Quyền Giáo Tông.

Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài để dạy cho con người làm lành lánh dữ, lập công bồi đức, để trở thành người hiền, người tốt hữu ích cho thế gian, khi chết Chơn linh được trở về ngôi vị cũ trong cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, tùy theo công đức nhiều ít mà đạt đến địa vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Còn đối với xã hội, Ngài muốn cho nhân loại có tư tưởng đại đồng, biết thương yêu nhau, coi nhau như anh em một nhà, thờ một Ông Cha chung.

Ngài xác định tất cả các Đạo giáo, các giáo thuyết đã có từ trước đến nay đều do chính Thiên ý Ngài lập ra. Sở dĩ có sự khác biệt giữa các Đạo giáo là vì phong tục, tập quán, trình độ dân trí của các dân tộc khác nhau tùy theo thời kỳ và tùy theo từng vùng đất trên địa cầu.

Nay chính mình Đức Chí Tôn đến, Ngài gom góp những cái hay của tất cả đạo giáo, chỉ dạy thêm những điều mới lạ mà lập thành Tam Kỳ Phổ Độ nên gọi là Quy Nguyên Tam Giáo (Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo), Phục Nhứt Ngũ Chi (Nhon đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo).

NHẬP MÔN

I – NGHI LỄ NHẬP MÔN

Bước đầu tiên để một người thường trở thành tín đồ Cao Đài là phải nhập môn cầu Đạo. Đây là một nghi lễ hữu hình nhưng nó có giá trị tâm linh và Hội Thánh, cũng như hầu hết các tôn giáo khác đều làm.



(Xin xem tiếp trang 158)



Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr., San Jose, CA 95121

*- **ĐT:** (408) 238-6547 (Xin nhấn máy)

Email: dutani@comcast.net

I- Ban Đại Diện BTĐHN @ Bắc CA - Hoa Kỳ

*- **Trưởng Ban:** HT Nguyễn Đăng Khích

ĐT: (408)926-9186 Email: tnnk4@gmail.com

II- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Ohio - Hoa Kỳ

*- HT Nguyễn Ân Hồng ĐT: (937) 416-6519

Email: zthienan@yahoo.com

III- Ban Đại Diện/BTĐHN @ Georgia - Hoa Kỳ

*- HT Võ Ngọc Độ ĐT: (770)377-9264

Email: usv_markdovo@yahoo.com

IV- Ban Đại Diện/ BTĐHN @ Vùng New England và bang MI, NY, NJ, PA - Hoa Kỳ

*- QS Nguyễn Thanh Bình ĐT: (989)430-7243

Email: bovnguyen@ameritech.net

V- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Âu Châu

*- HT Huỳnh Tâm ĐT: +33 6 6751 5343

VI- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Úc Châu

*- **Cố Vấn:** QS Bùi Đông Phương

*- **Trưởng Ban:** HT Nguyễn Bán:

Email: banthuy@icloud.com ĐT: +61 4 0679 7993

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

Danh sách yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại
từ ngày 16-9-2019 đến ngày 15-12-2019

STT	Đồng đạo - Cơ Sở - Thân hữu	US\$
I- Yểm Trợ TSTĐ		
01	CTS Le Thị Huyền, North York Canada (50 đôla Canada)	36.21
02	CTS Mai Văn Liêm, Arlington TX	20.00
03	CTS Phan Thị Sáu. Houston, TX.	30.00
04	DLT Collision & Service Center, SJ, CA	100.00
05	Dương Văn Ngà, San Jose, CA.	20.00
06	Đặng Thị The, Harvey LA	100.00
07	Giang Hà, San Jose CA	30.00
08	HT Hồ Văn Thôi, San Lorenzo, CA	20.00
09	HT Nguyễn Ngọc Đặng, Switchland	195.41
10	HT Phan Văn Tranh, Houston TX	50.00
11	HT Trần Văn Lào, Huntington Beach, CA. . .	30.00
12	HT Võ Ngọc Độ, Doraville GA	50.00
13	Huỳnh Thiện Ngôn, Seattle WA.	50.00
14	Trần Minh Khiết, DDS, San Jose, CA	200.00
15	Lê Văn Bé, Arlington TX.	30.00
16	Lưu Hữu Hạnh, San Jose, CA	50.00
17	Đào Thị Ánh, Houston TX.	30.00
18	Nguyễn Phước Chắc, Sacramento CA.	20.00
19	Nguyễn Thành Minh, Marietta GA	100.00

20	Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	20.00
21	Nguyễn Thị Thu Trang, Etobicoke, Canada (50 đôla Canada)	36.21
22	Quách Chiến, Santa Clara, CA	30.00
23	Trần Thị Duyên, North York Canada (50 đôla Canada)	36.21
24	Trần Hữu Phước, San Jose CA	100.00
25	Trần Thị Ngọc Cang, Oakland CA	50.00
26	Tường Nguyễn, DDS & Huệ Tô, DDS San Jose, CA	200.00

Cộng (1) 1634.04

II- In Kinh Sách

	CTS Phan Thị Sáu, Houston TX	20.00
	Đào Thị Ánh, Houston TX	20.00
	Hồ Sơn Thành, San Jose, CA	30.00
	Hồ Văn Thôi, San Lorenzo CA	30.00
	Hoàng Văn Viên, Honolulu, HI	100.00
	Trần Thị Ngọc Cang, Oakland CA	50.00

Cộng (2) 250.00

Tổng cộng (1+2): . . . 1884.04

Tổng cộng tiền yểm trợ nhận được từ ngày 16-9-2019 đến ngày 15-12-2019 là (1+2): Một ngàn tám trăm tám mươi bốn đôla bốn xu (US\$ 1,884.04)

San Jose, ngày 15-12-2019

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

TÓM LƯỢC

Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu
(Tham chiếu Thông báo số 02/HĐQT
ngày 25-12-2002 và các Tu chính kế tiếp)

A-Mục đích việc thành lập:

*-**Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu** là một tổ chức xã hội bất vụ lợi (Non-Profit Organisation) được thành lập nhằm mục đích thể hiện tình tương thân tương ái giữa những người Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội, tạo điều kiện cho các thành viên trong Hội đóng góp nghĩa vụ vật chất lẫn tinh thần để giúp đỡ về “Hậu sự” khi có thành viên trong Hội qua đời (Chương I- Mục đích Hội)

B- Nét đặc trưng của Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu:

- *- Không phân biệt sức khỏe đối với người xin gia nhập.
- *- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (công quả) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.
- *-Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bàn Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.
- *-Đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập Hội:

*- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 đến 80 tuổi hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của cha mẹ hoặc của người giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.

*- Đóng một lần 40 đôla vào Quỹ Dự Trữ Phúng điếu.

*- Đóng Niên liễm 20 đôla một năm, nếu gia nhập từ đầu tháng 7 trở về sau chỉ đóng 10 đôla.

*- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung.

Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng điếu là (20) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức) và (10) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

*- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liễm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên.

D- Quyền lợi Hội viên:

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

*- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định (Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị).

*- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu trong điều kiện cho phép

*- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định (Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị).

*- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng
điều trong điều kiện cho phép.

E- Gia nhập Hội:

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về:

Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu
3267 Moreno Ave, San Jose, CA 95127-4213

G- Liên lạc:

Muốn biết thêm chi tiết, xin vui lòng liên lạc:

1*- Nguyễn Sam - Phone : (408) 759-9339

E-mail: duyvan2011@gmail.com

2*- Nguyễn Thành Hưng - Phone: 1(408) 621-4468

E-mail: henrynguyen07@hotmail.com

3*- Dương Văn Ngừa: Phone (408) 772-0989

E-mail: datthong2005@yahoo.com

4*- Nguyễn Đăng Khích: Phone: 408-926-9186

E-mail: tnndk4@gmail.com

HỘI TƯƠNG TẾ CAO ĐÀI VÀ THÂN HỮU



PHÂN ƯU



Chúng tôi vừa nhận được tin buồn:
Hiên thê của Anh Trần Thanh Điền ngụ tại Santa Clara là:

Chị Maria Trần Thu Thuận

đã được Chúa gọi về vào lúc 7.00 PM ngày 18-11-2019
(nhằm ngày 22 tháng 10 năm Kỷ Hợi) tại Santa Clara tiểu
bang California.

Hưởng Thượng Thọ 80 tuổi

Trước tin buồn này Chúng tôi xin chia buồn cùng Anh
Trần Thanh Điền và tang gia hiếu quyến.

Chúng tôi nguyện cầu linh hồn Chị Maria Trần Thu Thuận
sớm về hưởng Nhan Thánh Chúa.

Thành kính phân ưu

San Jose, ngày 25-11-2019

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

PHÂN ƯU



Chúng tôi vừa nhận được tin buồn:

Chánh Trị Sự
LÊ QUANG GIAI
(Tộc Đạo San Diego, CA)

Cựu Thiếu Tá Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân QLVNCH

Đã quy vị vào ngày 20-11-2019 (nhằm ngày 24 tháng 10 năm Kỷ Hợi) tại thành phố San Diego, California.

Hưởng Thượng Thọ 81 tuổi

Trước tin buồn này Chúng tôi xin chia buồn cùng Tộc Đạo San Diego, CA và tang gia hiếu quyến.

Chúng tôi nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố CTS Lê Quang Giai dực tấn trên Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống

Thành kính phân ưu

San Jose, ngày 25-11-2019

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr, San Jose, CA 95121

PHÂN ƯU



Chúng tôi rất xúc động nhận được tin buồn: Phu quân của Hiền Tỷ Bác Sĩ Đặng Cẩm Hồng ngụ tại thành phố Redlands bang California là:

Hiền Tài **BÙI ĐẮC HÙM**

Sanh ngày 30-6-1943 tại Gia Bình, Trảng Bàng Tây Ninh. Đã quy vị vào lúc 9 Giờ 25 sáng ngày 3-12-2019 (nhằm ngày 8 tháng 11 năm Kỷ Hợi) tại thành phố Redlands California.

Hưởng Thọ 77 tuổi

Trước tin buồn này Chúng tôi xin chia buồn cùng Hiền Tỷ Bác Sĩ Đặng Cẩm Hồng và tang gia hiếu quyến.

Chúng tôi nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố Hiền Tài Bùi Đắc Hùm dực tấn trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu

San Jose, ngày 4-12-2019

TM. Ban Thế Đạo Hải Ngoại

*- Hội Đồng Cố Vấn

*- Ban Quản Nhiệm BTĐHN & Các Ban Quản Nhiệm BTĐHN tại địa phương tại Hoa Kỳ, Âu châu và Úc Châu.

*- Bản Tin Thế Đạo & Tập San Thế Đạo

*- Web: www.banthedao.net

PHÂN ƯU



Rất xúc động nhận được tin buồn: Phu quân của Bác Sĩ Đặng Cẩm Hồng ngụ tại thành phố Redlands bang California là:

Hiền Tài **BÙI ĐẮC HÙM**

Sanh ngày 30-6-1943 tại Gia Bình, Trảng Bàng Tây Ninh.
Đã quy vị vào lúc 9 Giờ 25 sáng ngày 3-12-2019 (nhằm ngày 8 tháng 11 năm Kỷ Hợi) tại thành phố Redlands California.

Hưởng Thọ 77 tuổi

Trước tin buồn này xin chia buồn cùng Bác Sĩ Đặng Cẩm Hồng và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố Hiền Tài Bùi Đắc Hùm dực tấn trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu

Houston , ngày 5-12-2019

Thiếu Tướng Văn Thành Cao (QLVNCH)



VƯỜN THƠ THẾ ĐẠO

Đạo Đức Thi Đoàn đã được thành hình từ trước năm 1975 tại Tòa Thánh Tây Ninh và bài vở được đăng tải trên Tạp chí Thông Tin Giáo Lý Hội Thánh. Thành viên là những nhà thơ là Chức sắc và Đồng Đạo vùng Thánh Địa. Ra hải ngoại, Tập san Thế Đạo thỉnh thoảng có vài bài thơ nhân dịp Xuân về hoặc các ngày lễ lớn.

Nhằm duy trì văn hóa nước nhà và dòng thơ khuyến Tu của Ông Trên và các bậc tiền bối, “Vườn Thơ Thế Đạo” xin hân hoan đón nhận từ quý đồng đạo và thân hữu các loại thơ: Đường luật, Song thất lục bát, Lục bát và thể tự do vào hệ thống truyền thông của Ban Thế Đạo HN: Website, Tập San và Bản Tin Thế Đạo.

Trân trọng kính mời.

Ban Biên Tập

I- MỪNG KHAI ĐẠI ĐẠO

(Rằm tháng 10 Bính Dần -1926)

*Chín bốn năm tròn Đạo phổ truyền,
Gội nhuần nhân loại hưởng ân Thiên.
Khai minh Hội Yến bày Chơn Pháp;
Khảo thí Long Hoa tỏ diệu huyền.
Dụng chữ **Thương Yêu** hành pháp **Luật**,
Xây nền **Công Chánh** lập nhân **Quyền**.
Đức tin gởi trọn nơi Thầy Mẹ;
Quốc Đạo vững bền thất ức niên.*

Hoàn Nguyên - San Jose CA

BÀI HỌA

Ôn Trên Từ Phụ, giữ chân truyền
Nhân loại thấm nhuần hưởng phước Thiên
Chín bốn năm Khai Minh Đại Đạo
Hội Long Hoa phán xét công quyền
Xây nền Pháp Chánh Truyền Tân Luật
Bồi đắp nhân tâm cúng Cửu Huyền
Thế giới cần khôn thờ Thất Tổ;
Qui nguyên Tam Giáo mãi muôn niên.

Mai Xuân Thanh (07/11/2019)

Khai Đạo năm nay tròn chín bốn,
Năm, hưởng Hồng Ân Đức Chí Tôn.
Mẹ khai Hội Yến bày Chơn Pháp,
Long Hoa kỳ hội tuyển Anh tài.
Thầy dạy chúng sanh nền Công chánh,
Định luật Thương yêu sở Đạo hành.
Giữ vững đức tin nơi Thầy Mẹ,
Đại Đạo hoàng khai thất ức niên.

Yên Hà Võ Ngọc Độ

Cửu Thập Tứ niên Đạo khởi nguồn,
Dọn đường Thánh Đức hưởng Thiên Ân.
Khai Minh Đại Đạo truyền Chân Pháp
“*Chủ quyền Chơn Đạo một mình ta*”(1).
Thương Yêu, Thiên Luật, Thầy độ rồi,
Công Chánh, Quyền năng, Đạo Vạn Linh.
Chí Tôn, Phật Mẫu tin huyền diệu,
Quốc Đạo hoàng khai thất ức niên.

QS TS Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú (1): Khi Vạn Linh đã vào Lôi Âm Tự kiến diện Đức Di Đà, lúc trở ra Đức Di Lạc mới nhìn nhận và chịu danh là Đại Từ Phụ, cũng bởi Vạn Linh dục tấn đến đây thì đã đạt Chơn Pháp và thấy rõ câu:

“ Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc,
Chủ quyền Chơn Đạo một mình ta”. (Đức Chí Tôn)

Và tại hữu hình, Đức Di Lạc chuyển **Chơn Pháp thành**

Chơn Đạo, chiếu theo “Bộ công Di Lạc Tam Kỳ độ sanh”, định phẩm vị cùng ban thường cho toàn thể Vạn Linh đăng kết thúc Long Hoa Đại Hội tại Bạch Ngọc Kinh (Tòa Thánh Tây Ninh).

II- DƯỚI BÓNG CAO ĐÀI

Chí Tôn khai Giáo Đạo trời Nam,
Phổ độ Tam Kỳ rạng tiếng vang.
Thánh địa Tây Ninh nơi Thầy ngự,
Duyên lành cứu rỗi độ nhơn sanh.
Điềm Trời báo hiệu ngày khai sáng,
Đại Đạo cao minh cứu vạn an.
Bí pháp tu thân tòng Chánh Giáo,
Quần Linh nương bóng Đạo Trời ban.
Yên Hà (Atlanta, 11/2019)

BÀI HỌA 1

*Hạnh ngộ Cao Đài mở Việt Nam,
Đồng thanh nhơn vật lóng chuông vang.
Qui nguyên Tam giáo **qui** Chơn lý;
Hiệp nhứt Ngũ chi **hiệp** chúng sanh.
Rọi đuốc Từ bi ngăn loạn lạc,
Giương cờ Cứu thế tạo bình an.
Tu tâm dưỡng tánh gầy công quả;
Đại Hội Long Hoa Phật thưởng ban.*

Hoàn Nguyên (San Jose, CA)

BÀI HỌA 2

Hoàng khai Đại Đạo đất An Nam,
Lôi Âm, Bạch Ngọc vạn âm vang
Khai Đạo Tây Ninh, truyền Đạo sự,
Thương Yêu, Công Chánh dạy nhân sanh.
Hồng Ân chan rưới, Đòi thêm sáng,
Đạo Pháp Hoàng Khai, thế giới an.
Tu Chơn, Bí Pháp đường Đạo giáo,
Tạo Hóa Huyền Thiên, Phật Mẫu ban.

QS TS Nguyễn Thanh Bình
Midland, Michigan

BÀI HỌA 3

*Huyền Khung khai Đạo đất phương Nam,
Truyền Đạo kỳ ba chuyển thế sang.
Tòa Thánh Tây Ninh, Thánh Thể ngự,
Cao Đài độ rỗi vạn nhân sanh.
Thiên ân báo trước, Thầy soi sáng,
Luật Pháp Thiên Thơ tạo thế an.
Tu Chơn dục tấn đường Thiên Đạo,
Bạch Ngọc Càn Khôn, Chí Tôn ban.*

QS TS Nguyễn Thanh Bình
TS Nguyễn Vũ Thụy-Oanh
Midland, Michigan



III- HOÀI VỌNG

Lời giới thiệu: *Anh Phạm Nguyễn Khách Ngọc, lúc ấu thơ gia đình ở gần Tòa Thánh Tây Ninh. Cha là một Tín hữu Cao Đài, Khách Ngọc có một thời theo cha làm công quả trong Tòa Thánh.*

Không may, cha lại mất sớm, theo mẹ về sống với ông bà ngoại là người Phật tử. Khách Ngọc lớn lên cũng theo đạo Phật.

Anh Khách Ngọc nhã ý tặng anh em nhóm thi họa thơ “VƯỜN THƠ THẾ ĐẠO” của BTĐHN, Tòa Thánh Tây Ninh, bài thơ nhan đề Hoài Vọng, Xin trân trọng giới thiệu.

(HT Võ Ngọc Độ)

HOÀI VỌNG

Nhớ đến ông cha dạ cảm hoài,
Tây Ninh điểm tựa chốn trần ai.
Phát tâm tín hiệp làm công quả,
Quyết chí tu hành giác ngộ chay.
Đạo gốc lòng thành xây Thánh Thất,
Tam kỳ Phổ độ dựng Cao Đài.
Mùi hương tưởng niệm Ngài Công Tắc,
Đại Đạo Hoàng khai năm tháng ngày.

Phạm Nguyễn Khách Ngọc
Atlanta GA, 14/11/2019

BÀI HỌA 1

Nhớ đến phụ thân dạ cảm hoài.
Tây Ninh Thánh Địa chốn trần ai.
Bền tâm quyết chí làm công quả,
Khắc dạ trai kỳ giác ngộ chay.
Gốc Đạo thành thân nhiều khổ hạnh,
Tu thân tích đức hạnh Cao Đài.
Hương trầm tưởng niệm Ngài Công Tắc,
Hộ Pháp Khai Minh Đạo nhớ hoài.

Yên Hà (Atlanta, 19/11/2019)

BÀI HỌA 2

Đạo chánh phụ thân gắng giữ hoài,
Bá thiên vạn kiếp dễ duyên ai.
Nho tông chuyển thế trau nhơn đạo,
Phật giáo chấn hưng tập tánh chay.
Bí pháp mở toang danh Hộ Pháp,
Siêu thắng hấp hối niệm Cao Đài.
Thuyền từ Bát Nhã đang chờ khách,
Bước chuyển đò chiều kịp tháng ngày.

Hoàn Nguyên (San Jose, CA)

BÀI HỌA 3

Cao Đài quốc Đạo Việt Nam hoài,
Theo gót Ông Cha chớ nhớ ai...
Quyết chí “Thánh Ngôn” nên bỏ mặt,

Kiên tâm “Tân Luật..” phải trì chay.
Đức Ngài Hộ Pháp... Tôn Sư Phụ,
“Bạch Ngọc Kinh” trần thế Đạo khai.
Thất Tổ Cửu Huyền trầm khói quỳện
Đưa thuyền Bát Nhã kịp ngay ngày...

Mai Xuân Thanh

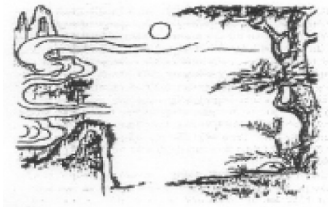
Ngày 21/11/2019

BÀI HỌA 4

Tưởng nhớ cha già vọng hoài hoài,
Miền Đông Vàm Cỏ tạo duyên ai.
Huệ-ân muốn hưởng nơi đường Đạo,
Nguyện niệm tu chơn phải giữ chay.
Tâm Đạo khẩn cầu Thầy độ rỗi,
Gắng tu kịp buổi lướt Đài-Vân.
Trầm hương khẩn nguyện Ngài Hộ Pháp
Cơ Đạo hoằng khai tự bấy giờ.

QS TS Nguyễn Thanh Bình

Midland, Michigan (20/11/2019)



Giá trị tâm linh chung giữa các tôn giáo và những hệ luận

HT Nguyễn Hữu Nghiệp
& Nguyễn Dương Sâm

Bài viết này tìm hiểu những chủ trương cốt yếu được phát biểu công khai hoặc hàm ý hầu hết mọi tôn giáo đều công nhận.

Những chủ trương này là ngôn ngữ chung để kết nối, giao tiếp giữa các tôn giáo trong tinh thần cởi mở, thông cảm chân thành.

Chủ trương căn bản của mỗi tôn giáo

Giáo lý của mỗi tôn giáo rất sâu xa và mênh mông, không phải chỉ một vài câu mà tóm gọn được. Người viết chỉ cố gắng đúc kết các tài liệu để xác định những chủ trương căn bản của từng tôn giáo. Chắc chắn sẽ có sai sót, rất mong những góp ý cải tiến để chúng ta có thể hiểu yếu lý của mỗi tôn giáo một cách khách quan và chân thực.

Phật giáo (Thích giáo)

Đạo Phật bắt đầu với Thái Tử Tất Đạt Đa ở Ấn Độ vào năm 480 trước Tây Lịch. Thái tử nhận ra là con người ai cũng trải qua vòng sinh lão bệnh tử nên đã từ bỏ cung điện ra đi tìm cách trả lời câu hỏi, “Làm sao thoát được các đau khổ đó?”

Sau bốn năm tìm tòi và thử mọi cách không mang lại giải pháp thoả đáng, ngài quyết tâm ngồi dưới gốc cây Bồ Đề và

phát nguyện, “nếu không tìm được câu trả lời thì ta sẽ ngồi suy gẫm cho tới chết!” Sau 49 ngày, Ngài tìm ra chân lý và trở thành Phật, tức bậc giác ngộ. Trong 40 năm liền, Ngài đi khắp nơi truyền giảng chân lý đó. Ngài nhập diệt vào năm 400 trước Tây lịch. Giáo lý của Phật được các đệ tử ghi chép lại từ những bài thuyết pháp trong 40 năm truyền đạo.

Giáo pháp tột cùng của Phật giáo được trình bày trong Kinh Pháp Hoa chỉ rõ cái thật tướng và thật cảnh của thế gian mà mắt người thường không thấy được. Nhìn cảnh vật xung quanh, chúng sinh chia ra có vật chất và tinh thần, có muôn loài sai biệt, có sắc (sờ được) có tâm (không sờ được). Chúng sinh sai lầm vì không thấy được mọi mặt, mọi khía cạnh của vũ trụ vô biên. Chúng sinh là những người mù sờ voi, sờ đến đâu biết đến đó mà thôi. Trái lại Phật đã đạt đến chỗ thấy tột cùng và nhận ra sự phân biệt như trên của chúng sinh là sai. Đức Phật dạy rằng: **“Tất cả là Một, Một là Tất cả”**. “Tinh thần và vật chất là Một, sắc và tâm là Một”. Cái “Một” đó ở khắp nơi (tức “một là tất cả”) và mọi vật mọi loài đều có cùng một bản chất (tức “tất cả là “một”), từ một gốc chính mà ra.

Cái “Một” đó là quyền năng vô biên trong vũ trụ, sáng tạo ra mọi loài và có cuộc sống vĩnh hằng. Nếu con người nhận ra mình có cùng bản chất với quyền năng đó và “trở về” với bản thể ban đầu thì sẽ thoát mọi cảnh khổ. Hơn thế vì mọi loài, mọi vật đều có cùng một nguồn gốc nên sự chân thành, thương yêu đồng loại và muôn loài là khuynh hướng tự nhiên.

Lão giáo (Tiên giáo)

Lão giáo phát nguồn từ tư tưởng của Lão Tử là một triết gia

Trung Hoa có ảnh hưởng sâu xa trong dân chúng xưa nay. Cuốn sách tiêu biểu của Lão giáo “Đạo Đức Kinh” được ghi là do Lão tử viết ra và nhiều học giả trong dân gian đã góp phần bổ túc thành phiên bản cập nhật hiện nay. Năm sinh không rõ nhưng năm qua đời của Lão tử được ghi là 533 trước Tây lịch.

Đạo Đức Kinh của Lão giáo có nhận định: Một vật hỗn độn, sanh trước Trời Đất, yên lặng trống không, cô đơn tốt bụng, không đổi thay, nhưng vật ấy luôn luôn đến cùng vạn vật và được xem như Mẹ Sinh của tất cả.

Vật ấy là nguồn năng lực siêu việt. Đó là Đạo. Đạo nằm trong mỗi cá thể của muôn loài và là nguồn sống bất tận của vạn vật.

Nhận định trên hàm ý **“Một là Tất cả”** và **“Tất cả là Một”**.

Hoà nhập trọn vẹn với nguồn sống duy nhất và tốt cùng đó là thể hiện tinh thần “Một là Tất cả”. Cách hữu hiệu để hoà nhập là sống hoàn toàn tự do, thư nhàn, không bị một ràng buộc nào của thế sự, buông xả triệt để những gì ở thế gian.

Nếu mình không tranh đoạt tiền của, danh vọng, quyền lực, v.v. thì không có ai tranh đua và làm khó mình. Ai còn muốn người khác ghi nhớ công lao của mình trong bất cứ việc làm lợi lộc gì cho chúng sanh là chưa thực sự buông xả.

Khi đã buông xả triệt để, một người sẽ có cái vui thanh thoát:

Thoát trần một gót thiên nhiên

Cái thân ngoại vật là tiên trong đời

Vì “Tất cả là Một” nên Lão giáo cũng chủ trương thương yêu phục vụ đồng loại. Cách phục vụ hữu hiệu là phải hoàn

toàn quên mình, thể hiện qua các câu sau trong Đạo Đức Kinh:

“Bánh xe lăn chở người được vì trung tâm của nó trống để trục ngang xuyên qua.

Cái tách chứa được nước cho người uống vì ruột nó rỗng.

Ngôi nhà sở dĩ dùng làm chỗ ở được vì có cửa để vào, và có các phòng trống.”

Mọi vật có “chỗ trống” hay “ruột rỗng” mới hữu dụng. Mọi người nên triệt để quên mình khi phục vụ. Tinh thần phục vụ vị tha đó mang lại hạnh phúc cho xã hội và chính mình.

Khổng giáo (Nho giáo)

Khổng Tử sinh năm 551 BC tại nước Lỗ, là một triết gia, thầy dạy học, và chính trị gia. Lập trường và chủ thuyết của ngài là Khổng giáo. Tứ Thư và Ngũ Kinh là các sách chứa đựng tinh hoa của Khổng Giáo. Đại Học là một trong 9 cuốn sách này.

Giá trị căn bản của Khổng Giáo phản ánh trong sách Đại Học qua câu, “Cái học lớn lao là phải làm sáng cái Đức Sáng” (Đại học chi đạo, tại minh Minh Đức). Cái Đức Sáng ở đây là bản chất mẫu nhiệm mọi người đều thừa hưởng từ “nguồn năng lực Siêu Việt” trong vũ trụ, và tất cả đều từ một gốc mà ra, tức **“Một là Tất cả”**. Hơn thế, cái Đức Sáng trong mỗi người có cùng bản chất với nguồn năng lực siêu việt, tức **“Tất cả là Một”**.

Khi “làm sáng được cái Đức sáng”, một cá nhân sẽ phát huy viên mãn được khả năng tiềm ẩn. Lúc đó ta hoà nhập được với cái “Một” và trở thành người mẫu mực (quân tử), nhằm xây dựng một gia đình có tôn ti trật tự, và một xã hội an bình

thịnh vượng.

Trong tinh thần thương yêu mọi người vì “Tất cả là Một”, Không giáo có phương châm “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.” Phải tạo cho mình khả năng phục vụ vững chắc (tu thân) để mang lại no ấm yên vui cho gia đình, vợ con (tề gia), cho quốc gia (trị quốc), và cho nhân loại nói chung (bình thiên hạ). Theo tinh thần hiện đại, “Bình thiên hạ” không có nghĩa là chiếm đất, dành dân, mở rộng bờ cõi như khi xưa. Bình thiên hạ là tìm cách hữu hiệu nhất để mang lại hạnh phúc lợi lạc cho đại đa số quần chúng.

Phật Giáo Hoà Hảo:

Phật Giáo Hoà Hảo ra đời tại làng Hoà Hảo, An Giang, Việt Nam năm 1939, giáo chủ là Đức Huỳnh Phú Sổ. Ngài truyền dạy giáo lý qua các bài sấm giảng do chính ngài soạn thảo.

Giáo lý Phật giáo Hoà Hảo có câu: “Nhất bản tán vạn thù, vạn thù quy nhất bản” tức “Từ một bản chính tạo ra hàng vạn bản sao, hàng vạn bản sao đều cùng bản chất với bản chính”. Đó là cách nói khác của câu, **“Một là Tất cả, Tất cả là Một”**.

Vì con người là anh em cùng một “Mẹ sanh” nên mọi người phải thương yêu nhau. Trong tinh thần thương yêu nhau, tín đồ Phật Giáo Hoà Hảo xem việc “làm người” là một yếu tố hết sức quan trọng trên con đường tu học. Đức Huỳnh Giáo Chủ đã dạy cho tín đồ pháp môn “Học Phật Tu Nhân,” tức học những điều Phật dạy để làm tròn sứ mạng con người ở nơi thế gian trong buổi hạ ngươn trước khi được về nơi Phật quốc. Ngài dạy rằng: “Muốn về cõi Phật, lập thân cõi trần.” Muốn lập thân thì người tín đồ phải ghi nhớ và lo đền đáp

Tứ Ân – ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân Tam Bảo Phật Pháp Tăng, ân đồng bào và nhân loại.

Là tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, sự nhớ ơn tổ tiên cha mẹ không phải chỉ qua cúng lạy mà thôi, tích cực hơn phải qua hành động thiết thực của đời sống trong gia đình, và xã hội. Trong gia đình phải tạo một tương quan bằng trái tim chân thật giữa chồng vợ, con cái.

Tình thương muôn loại là khuynh hướng tự nhiên của con người chí thiện như Đức Huỳnh Giáo Chủ đã viết:

*“Ta đã đa mang một khối tình,
Dường như thệ hải với sơn minh.
Tình yêu mà chẳng riêng ai cả,
Yêu khắp muôn loài lẫn chúng sinh.”*

“Lập thân cõi trần” để sau đó mới “về cõi Phật” tức tu xuất thế, nhập bản thể gốc.

Cao Đài Giáo

Đạo Cao Đài được thành lập năm 1926 tại Tây Ninh, Việt Nam, giáo chủ hữu hình là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Tổ chức Hội thánh, ban bố các luật Đạo kinh điển, truyền đạo bằng huyền diệu cơ bút.

Tôn chỉ của Đạo Cao Đài có thể nói gọn là “Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhất”. Đạo Cao Đài nêu cao tinh thần của ba tôn giáo (Phật giáo, Tiên giáo, và Khổng giáo), và năm đường tu (Phật đạo, Tiên đạo, Thánh đạo, Thần đạo, và Nhơn đạo).

Cao Đài quan niệm **Trời và Người có cùng bản thể**, có thể tương thông tương ứng và hiệp nhứt được (Thiên Nhân Hiệp

Nhất). Nên Đức Chí Tôn dạy: “**Thầy là các con, các con là Thầy**”. Kế đến chúng sanh cũng đồng bản thể nên **phải thương yêu nhau**, phải xem nhau như anh em một Cha, thể hiện mục đích **đại đồng nhân loại**.

Hơn thế, Cao Đài xác định mỗi người là một phần tử kỳ diệu nhỏ tức Tiểu linh quang xuất phát và cùng bản chất với quyền năng siêu việt của vũ trụ tức Đại linh quang. Điều này có nghĩa “**Một là Tất cả, Tất cả là Một**”.

Cao Đài có hai giai đoạn tu:

(a) tu nhập thể tức **Thế Đạo đại đồng**, nhằm tạo an vui và hạnh phúc đại đồng trong cuộc sống trong tinh thần “Tất cả là Một”. Mục đích của giai đoạn này là sống thực sự an vui và hữu dụng cho xã hội trong tình thương đại đồng. Mục đích này biện minh lý do sinh tồn của mỗi cá nhân.

(b) tu xuất thể tức **Thiên Đạo giải thoát**, nhằm giải thoát để trở về bản thể cội nguồn. Đó là thể hiện tinh thần “Một là Tất cả”. Sự “trở về” đó gọi là “phản bản hoàn nguyên”, là nhập Niết Bàn hay đắc Đạo. Cứu cánh của giai đoạn này là đạt được niềm vui thực sự, sự thanh tịnh chân thực, “cái ta” thực sự, và sự sống vĩnh cửu.

Hồi giáo

Kinh Quaran của Hồi Giáo do sự mặc khải và rao giảng của nhà tiên tri Muhammad Islam trong 23 năm (609 – 632 BC). Muhammad Islam sinh năm 571 BC tại Meca, Saudi Arabia và mất năm 632 BC.

Khoảng năm 40 tuổi, ông nghe được tiếng nói mầu nhiệm và

thường lên núi Hira gần Meca để tĩnh tâm tìm hiểu thêm. Từ đó ông có sứ mạng truyền đạt những giá trị tâm linh được mặc khải. Ông là người sáng lập ra Hồi Giáo.

Hồi giáo chủ trương tín đồ phải tuyệt đối tin vào Allah. Đó là đáng tối cao duy nhất. Tội nặng nhất là thờ phượng biểu tượng khác chung với Allah. Ai làm trái mà không sám hối thì dù đã chết đi cũng không được tha thứ.

Tín đồ phải xác nhận là chỉ tin và thờ đáng Allah và chứng tỏ bằng hành động chứ không bằng lời nói suông. Mỗi ngày phải cầu nguyện năm lần để kết nối với nguồn năng lực tối cao và để có bình an tâm hồn. **Đáng Allah có quyền năng vô biên chi phối tất cả.**

Hồi giáo cũng chủ trương **thương yêu mọi người**, nghĩ tới và giúp đỡ người nghèo khó. Mỗi năm có một tháng phải nhịn ăn từ mặt trời mọc tới lúc lặn để nghĩ tới những người thiếu thức ăn.

Thiên chúa giáo

Hệ thống nhà thờ Thiên Chúa giáo được Jesus Christ sáng lập. Người đã chọn 12 môn đồ và chỉ thị cho họ tiếp tục sứ mạng cứu rỗi nhân loại của người. Các bộ Kinh của Thiên Chúa Giáo gồm có 72 chương phân ra Cựu Ước và Tân Ước. Cựu Ước là do Moses và nhiều người khác am tường giáo lý viết ra từ năm 1300 trước khi Jesus Christ giáng sinh. Tân Ước được viết sau Chúa Giáng Sinh do các vị đã hấp thụ giáo pháp Chúa Jesus rao giảng.

Thiên Chúa chủ trương **chỉ có một đáng tối cao duy nhất là Chúa**, bất diệt và gồm có ba ngôi: Cha, Con, và Thánh Thần. “Jesus là con của Chúa” mà Chúa là quyền năng vô

biên của vũ trụ, sáng tạo ra mọi loài. Quyền năng này không sinh không diệt.

Vì “Chúa sáng tạo ra loài người”, mọi người có cùng một nguồn gốc chung, do đó **phải thương yêu nhau như anh chị em một mẹ**. Kinh thánh có một điều răn rất quan trọng là: “Người phải yêu người khác như chính mình. Chẳng có điều răn nào quan trọng hơn điều răn này”.

Bahá’í giáo

Tôn Giáo Baha’i có khoảng 6 triệu tín đồ ở khắp mọi nơi. Đạo Baha’i ra đời năm 1863 tại Ba Tư tức Iran ngày nay. Tôn giáo Baha’i bắt nguồn từ phong trào tôn giáo Babi ra đời từ năm 1844 đến 1852. Người sáng lập tôn giáo Babi là Báb, ông đã tiên đoán sự xuất hiện của Đức Baha’u’llah. Đức Baha’u’llah (1817-1892) sáng lập tôn giáo Baha’i.

Giáo lý Baha’i dạy: “Nguyên lý cơ bản do Đức Baha’u’llah công bố là chân lý tôn giáo không phải tuyệt đối mà là tương đối. Mặc khải thiêng liêng là một tiến trình phát triển liên tục, **các tôn giáo lớn trên thế giới có cùng một nguồn gốc thiên thượng**, các nguyên lý cơ bản của các tôn giáo hoàn toàn hoà hợp với nhau và sứ mạng của các tôn giáo tiêu biểu cho những giai đoạn tiến hoá tâm linh liên tục của xã hội loài người”. Hơn nữa, giáo lý của **Tôn giáo Baha’i nêu rõ nhân loại chỉ là một chủng tộc**. Đức Baha’u’llah phán: “Trái đất là một quốc gia và nhân loại là công dân của quốc gia đó”.

Mục đích của Tôn giáo Baha’i là thống nhất nhân loại. **Giáo lý Baha’i dạy rằng “chúng ta là trái (quả) cùng một cây, lá cùng một cành”**. Điều này cũng có nghĩa “**Một là Tất**

cả, Tất cả là Một”.

Chủ trương của tôn giáo BaHa’i là lấy sự thân ái, cảm thông và hợp tác đa chủng, đề cao giá trị đạo đức xã hội, bảo vệ mọi nguyên lý về bình đẳng, bảo vệ hòa bình, ... thay thế cho những xung đột, hận thù, bóc lột và mâu thuẫn giữa các quốc gia, dân tộc, tôn giáo.

Giáo lý Bahi’i dạy dù khác nhau về ngoại hình, chúng ta vẫn có cùng nguồn gốc; chúng ta thuộc **cùng một gia đình nhân loại**. Cộng đồng Baha’i cố gắng tích cực làm cho ý nghĩ và hành động song hành với niềm tin về sự thống nhất nhân loại.

Với tinh thần hòa hợp, **thương yêu đồng loại**, tôn giáo BaHa’i góp phần vào sự tiến bộ của xã hội và xây dựng một thế giới hòa bình. Một ý nghĩ thù ghét phải được triệt tiêu bằng một ý nghĩ **yêu thương mạnh mẽ hơn**.”

Niềm tin tôn giáo của dân bản xứ Mỹ châu (da đỏ)

Niềm tin tôn giáo của dân da đỏ rất khác biệt giữa các bộ lạc. Theo nhiều nguồn tài liệu khác nhau, giá trị tâm linh mà tất cả tôn trọng có hai điểm chính sau:

1. Giá trị căn bản là sự hoà hợp của cá nhân với bộ lạc, của bộ lạc với đất đai, và của đất đai với nguồn tinh anh của vũ trụ. Gốc rễ của sự hoà hợp này là **Đấng Tạo Hoá vĩnh tồn, là nguồn gốc duy nhất từ vũ trụ tạo ra mọi vật mọi việc**.
2. Dân da đỏ Mỹ châu tin tưởng mọi vật, mọi người đều liên kết nhau một cách chặt chẽ. Những gì ta làm cho người khác và cho đất mẹ sẽ ảnh hưởng đến chính chúng ta. Dân da đỏ chủ trương hãy **thương yêu nhau, biết ơn, và tôn trọng**

nhau. Điều đó sẽ thống nhất chúng ta với đất mẹ, với các sinh vật, và với nguồn năng lực vô biên trong vũ trụ.

Khác nhau về vũ trụ quan

Phật giáo, Không giáo, Nho giáo, Cao Đài, Hoà Hảo có cùng một quan điểm về vũ trụ. Đó là quan điểm Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, tức tất cả chúng sinh đều từ một nguồn gốc duy nhất tạo ra và tất cả có cùng bản chất và sẽ trở về nguồn gốc duy nhất và kỳ diệu đó. Thuyết này chủ trương con người sẽ tái sinh để trở về nguồn.

Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, và niềm tin tôn giáo các bộ lạc Da Đỏ có quan điểm khác biệt về vũ trụ: thuyết Sáng Tạo. Thuyết này chủ trương vũ trụ hữu hình là do quyền năng của Thượng Đế sáng tạo ra từ chỗ Không. Chúng sinh không cùng bản chất với Thượng Đế; Thượng Đế siêu việt tách ra khỏi chúng sinh.

Giá trị tâm linh chung giữa các tôn giáo

Dù vũ trụ quan có thể khác biệt nhưng có thể khẳng định là tất cả tôn giáo đều có một căn bản chung như sau:

Có một quyền năng vô biên trong vũ trụ sáng tạo ra mọi loài bao gồm con người.

Vì tất cả đều do cùng một gốc sinh ra nên phải thương yêu nhau như anh chị em cùng một nhà.

Một người bình thường khó cảm nhận được quyền năng vô biên này. Tuy nhiên một số ít người có căn cơ siêu việt đã mặc khải được quyền năng này. Thí dụ thái tử Tất Đạt Đa, nhà tiên tri Mohammad Islam, Đức Jesus Christ, Đức Phạm Hộ Pháp của Cao Đài, Đức Huỳnh Phú Sổ của Hoà Hảo, v.v.

Những vị này đem những điều mặc khải được để giáo hoá và hướng dẫn mọi người. Đặc biệt nhóm đồng tử cơ bút của Cao Đài được dùng như cơ chế trung gian để quyền năng tối cao tức Đấng Chí Tôn trực tiếp chuyển đạt lời dạy cho mọi người.

Cứu cánh của các tôn giáo có hai khía cạnh:

a) Giúp con người “trở về nguồn”: hoà nhập trọn vẹn với bản thể ban đầu tức quyền năng vô biên của vũ trụ; hoặc có lòng tin tuyệt đối là “đấng tối cao sẽ sắp xếp mọi việc trong cuộc sống cho chúng ta.”

b) Nuôi dưỡng và biểu lộ tình thương chân thật giữa đồng loại. Thế nào là tình thương chân thật? Là thương vô điều kiện (thương được kẻ thù, tình thương tuyệt đối người mẹ dành cho đứa con dù hư đốn). Đó là “chủ trương bác ái đại đồng”.

Tại sao cần “trở về nguồn” và cần “thương yêu đồng loại”?

Vì bản chất của “cội nguồn” là bất sinh bất diệt, sáng tạo ra mọi loài, mọi vật, mọi việc, nên khi hoà hợp được với “nguồn”, con người sẽ trải nghiệm được “chân thường, chân lạc, chân tịnh, chân ngã”, tức sự sống đời đời, lạc thú chân thật, thanh tịnh chân thật, và bản ngã chân thật.

Khi “thương yêu đồng loại”, cuộc sống một người sẽ có an vui hạnh phúc ở thế gian. Đó là động lực để phát triển “bác ái đại đồng” để mọi người cùng nhau sống hài hoà, bình an và hạnh phúc.

Làm sao để “trở về nguồn” và chân thành “thương yêu đồng

loại” thì mỗi Tôn giáo có chủ trương riêng. Đó là nguyên nhân khác biệt giữa các tôn giáo.

Các hệ luận

(1) Khác biệt giữa các tôn giáo chỉ là về hình thức

Các tôn giáo chân chính đều có một giá trị tâm linh giống nhau. Nếu có khác biệt chỉ là về danh xưng, cách thức hành đạo khác nhau để đạt cứu cánh mà thôi.

Trước hết là danh xưng khác nhau như Trời, Chúa, Allah, Phật tánh, Đạo, Thượng Đế, Đấng Chí Tôn, Đấng Toàn Năng, v.v. đều chỉ về một thực thể là nguồn năng lực siêu việt. Biểu tượng “tượng Phật”, “tượng Chúa”, “chữ Vạn”, hay “Thiên Nhân” là phương tiện để nhắc nhở ta quyền năng siêu việt duy nhất đó.

Kế đến là mỗi tôn giáo có một cách thức hay một con đường để “trở về” với quyền năng vô biên. Hồi giáo cấm triệt để sự tôn thờ một biểu tượng nào khác chung với Allah. Thiên chúa giáo đã nhân cách hoá quyền năng siêu việt đó. Phật giáo hay Lão giáo dùng ý niệm Phật tánh hay Đạo để nói về quyền năng vô biên hiện hữu ở mọi nơi, mọi thời.

Chúng ta cần nhận ra những điểm chung và **không nên để bị vướng mắc vì những khác biệt tạo ra bởi chủ trương cá biệt của mỗi tôn giáo**. Đừng để danh xưng trở thành lý do chia rẽ giữa tôn giáo với tôn giáo, và đừng để cách thức hành đạo gây chia rẽ giữa tín đồ trong cùng một tôn giáo. Những dị biệt về phương tiện là hình thức, có thể rất cần thiết để “tu” nhưng không thể là hàng rào cản sự cảm thông giữa tôn giáo này với tôn giáo khác.

Nếu nhìn được và dùng điểm chung để giao tiếp với nhau thì đâu cũng là nơi có thể lễ bái, người theo Thiên Chúa Giáo có thể đến cầu nguyện ở chùa Phật Giáo, Hồi Giáo, hay Do Thái Giáo, v.v. mà không thấy một chút nào bất an. Người tin Phật có thể thoải mái đi lễ ở Nhà Thờ và cảm thông được những câu kinh, lời nguyện, . . . Nếu cùng một “điểm đến”, một mục tiêu để “tu”, thì phương tiện hay cách thức nào để đến đích được cũng tốt.

(2) Tôn giáo là nhu cầu tâm linh của con người

Những kẻ vô thần cho là tôn giáo là một hình thức để ru ngủ những kẻ yếu đuối. Điều này không đúng vì mọi tôn giáo đều có mục đích giúp con người sống hoà hợp với quyền năng vô biên chứ không phải để khép nép run sợ trước quyền năng này. Tôn giáo không khuyến khích con người tích lũy tài sản, tranh giành quyền lực. Tôn giáo tích cực giúp con người giải thoát khỏi tham lam, sân hận, u mê để có cuộc sống hạnh phúc và an nhiên tự tại.

Sống thuận theo sức mạnh vô biên thì việc làm sẽ nhẹ nhàng, hiệu quả, và bảo đảm thành công. Sống thuận theo nguyên lý “tất cả chung một gốc, phải yêu thương đùm bọc nhau một cách chân thật” sẽ tạo hạnh phúc, an vui cho chính mình và cho mọi người xung quanh, xã hội sẽ có trật tự, tự do và công bằng bác ái.

Tôn giáo không là một món ăn xa xỉ của tinh thần, mà là một nhu cầu thiết yếu cho mỗi cá nhân và cho xã hội. Người không có niềm tin tôn giáo, sống buông thả là tự tạo khổ nạn cho chính mình và gieo rắc tai họa khắp nơi cho nhân loại.

(3) Mọi tôn giáo có thể cùng sinh tồn mà không gây

mâu thuẫn nhau

Tôn giáo nào đặt trên giá trị tâm linh chung đều cần và đều tốt cho nhân quần xã hội. **Giáo lý của mọi tôn giáo có thể cùng phổ biến để phục vụ xã hội và nhân loại vì mọi người đều cần có nhu cầu sống an vui và hạnh phúc.**

Trong thương trường có rất nhiều doanh nghiệp cùng sinh tồn và phục vụ cùng một nhu cầu cho mọi người. Mỗi doanh nghiệp chú trọng một nhóm người có cùng sở thích về cách đáp ứng nhu cầu đó.

Tôn giáo cũng vậy. Sự khác biệt là điều tự nhiên để thích ứng với mọi hoàn cảnh, và sở thích khác nhau. Con người có trăm sai ngàn biệt, có căn cơ và hoàn cảnh khác nhau nên có thể chọn và theo một tôn giáo phù hợp nhất cho mình.

Tất cả tôn giáo có thể cùng sinh tồn, chia sẻ, phục vụ và thông cảm nhau trong mục đích có ý nghĩa chung là mang lại an vui hạnh phúc cho mọi người. Đó chính là sự thể hiện của một tôn giáo hoà đồng trên thế giới.

Không phải vì hô hào tôn giáo của mình là nhất mà tôn giáo đó sẽ trở nên ưu việt. Tôn giáo nào mang lại sự bình an tuyệt đối cho con người, không đau khổ khi còn sống, không sợ hãi khi phải chết là tôn giáo tốt.

***HT Nguyễn Hữu Nghiệp
& Nguyễn Dương Sâm***

(Tháng 12, 2018)

Ghi chú: Người viết chân thành cảm ơn sự góp ý của HT Nguyễn Đăng Khích và Quốc Sĩ Nguyễn Thanh Bình.

THÁNH NGÔN YẾU LƯỢC

(HT Nguyễn Long Thành biên soạn)

(Tiếp theo từ TSTD số 80)

THỜ PHƯỢNG TẾ LỄ.

Lạy là gì ?

Là tỏ ra bề ngoài lễ kính trong lòng. (Trang 11-Q.1)

1. Khi bái lễ, hai tay con chấp lại, song phải để tay trái ần tý, tay mặt ngửa ra nằm dưới tay trái chụp lên trên. Chấp hai tay lạy là tại sao?

Tả là Nhựt, hữu là Nguyệt, vị chi âm dương, âm dương hiệp nhứt, phát khởi càn khôn. Sanh sanh hóa hóa tức là Đạo. (Trang 11-Q.1)

2. Lạy kẻ sống hai lạy là tại sao?

Là nguồn cội của Nhơn sanh lưỡng hiệp âm dương mà ra. Ấy là Đạo. (Trang 11-Q.1)

3. Vong phạm lạy bốn lạy là tại sao?

Là vì hai lạy của phần người, còn một lạy Thiên, một lạy Địa. (Trang 11-Q.1)

4. Lạy Thần, lạy Thánh thì ba lạy là tại sao?

Là lạy Đấng vào hàng thứ ba của Trời, và cũng chỉ rằng lạy

Tinh, Khí, Thần hiệp nhưt. Ấy là Đạo. (Trang 11-Q.1)

5. Lạy Tiên, Phật thì chín lạy là tại sao?

Là lạy chín Đấng Cửu Thiên khai hóa. (Trang 11-Q.1)

6. Còn lạy Thầy mười hai lạy là tại sao?

Các con không hiểu đâu, Thập nhị Khai Thiên là Thầy, Chúa tể càn khôn thế giới, nắm trọn Thập Nhị Thời Thần vào tay số mười hai là số riêng của Thầy. (Trang 11-Q.1)

7. Chưa phải hồi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng “con mắt” mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh

“Nhân thị chủ tâm Lương quang chủ tể Quang thị Thần Thần thị Thiên Thiên giả ngã giả” (Trang 12-Q.1)

8. Thầy lập Phật giáo vừa khi khai Thiên lập Địa nên Phật giáo là trước, kế Tiên giáo rồi mới tới Nho giáo. Nay là hạ nguon hầu mẫn, phải phục lại như buổi đầu nên phải phản tiền vi hậu.

Tỉ như lập tam giáo qui nhưt thì: Nho là trước Lão là giữa Thích là chót. Nên Thầy phải ngồi sau chư Phật, Tiên, Thánh, Thần mà đưa chúng nó lại vô vi chi khí, chính là Niết Bàn đó vậy. (Trang 49-Q.1)

9. Sự tế tự sửa theo Tam Kỳ Phổ Độ cũng do nơi ấy³⁽³⁾ mà xuất hiện ra. (Trang 43-Q.1)

10. Thầy dạy các con như đàn nội chẳng nghiêm, Thầy không giáng. (Trang 31-Q.1)

11. Phàm có lòng tin mới cúng chớ, cúng là lấy có lễ đó gọi là kính trọng. Chớ Thần, Thánh nào ăn của ai. ¹

Thần Hoàng Mỹ Lộc (Trang 80-Q.1)

12. Cả thầy đều con của Thầy, trừ ra tôn ti thượng hạ nơi việc hành chánh, thì đồng một bậc, chẳng ai đặng vì quyền mà lấn lướt, chẳng ai đặng vì mạng lệnh mà đè ép, xua đuổi ai. (Trang 52-Q.2)

13. Thiên phong là để cho các bậc Thánh, Tiên, Phật lia trần phải lấm dầy công cùng sanh chúng mới trông mong hồi cựu phẩm đặng. (Trang 40-Q.2)

15. Các em phải lo cúng kiến cho thường.

1- Một là lập cho chơn thần được gần gũi các Đấng thiêng liêng cho đặng xán lạn.

2- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

3- Ba là có tế lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự nhiên.

4- Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng mà nhưt là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mẫn huệ.

Quan Âm (Trang 89-Q.2)

LUẬT PHẢN ĐỘNG

1. Quỷ vương là tay diệt hóa (Trang 69 – Q.2)

1- Chú thích của người soạn : Đại Hội Tam Giáo 15/ 10 - Năm Bình Dân (1962)

2. Ngày nay Đạo đã khai tức là tà khởi. (Trang 34-Q.1)

3. Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lô Âm Tụ lập pháp “Tam Kỳ Phổ Độ” Quỷ Vương đã khởi phá khuấy chơn Đạo đến danh Ta nó còn mượn, duy ngài Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi.

Lại còn hiểu rõ rằng Ta đến với huyền diệu này, mượn cơ mầu nhiệm, hiệp Tam Thập Lục Động đổi gọi Tam Thập Lục Thiên các tên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật bị mạo nhận mà lập nên Tả Đạo. (Trang 38-Q.1)

4. Trong “Tam Thiên Thế Giới” còn có quỷ mị chuyên kiếp ở lộn cùng các con thay, hưởng lựa là “Thất Thập Nhị Địa” này sao không có choặng.

Hai thay ! lũ quỷ lại là phần nhiều, nó bày bố ra mỗi nơi một giả cuộc mà dỗ dành các con. (Trang 69-Q.1)

5. Thầy nói trước cho các con biết mà giữ mình, chung quanh các con dầu xa dầu gần, Thầy đã thả một lũ hồ lang ở lẫn lộn với các con. (Trang 13-Q.1)

6. Thầy thả một lũ hồ lang ở lộn cùng các con, lại hằng ngày xúi biểu nó cắn xé các con, song Thầy cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy đặng là đạo đức các con (Trang 69-Q.1)

7. Đạo là vật rất hữu ích như giáp hữu ích cho thân các con, nếu các con bỏ giáp thì thân các con ra trần lổ còn bỏ Đạo thì các con ở dưới phép Tả Thần (Trang 34-Q.1)

8. Những sự phạm tục đều là mưu kế của tà mị yêu quái cốt để ngăn trở bước đường Thánh Đạo của các con.

Những mưu qui quyết ấy do lệnh của Thầy dùng để thử các con. (Trang 34-Q.1)

9. Các con không Đạo thì là tôi tớ qui mị (Trang 70-Q.1)

10. Thầy đến lập cho các con một nền chơn Đạo, tức là mỗi sự chi đối trá là chẳng phải của Thầy. (Trang 77-Q.1)

11. Thầy đến là chủ ý để dạy cả nhơn sanh đặng hòa bình chớ chẳng phải đến đặng giục thêm nghịch lẫn nhau. (Trang 77-Q.1)

12. Mấy lần vun đắp nền Đạo, Thầy cũng đều bị các con mà hư giềng Đạo cả. (Trang 62-Q.1)

13. Nhiều kẻ dụng thế để cầu Thầy, chớ kỳ thật là chúng nó muốn tìm cách dòm hành mong các con lầm mà bại lộ cơ quan mật yếu mà thôi. (Trang 32-Q.2)

14. Nhiều kẻ lại tư lịnh, muốn mở riêng đường khác, đặng diu nhơn sanh vào lối quanh co, hại thay mà cũng tiếc thay! Cẩn xưa quả trước chẳng chịu lo đền bồi, lại tự dẫn mình vào nơi hang thẳm sau kết cuộc ra thế nào sẽ thấy.

Lý Bạch (Trang 38-Q.2)

15. Thầy lại thấy nhiều đứa chưa hiểu thấu huyền diệu là gì, bị người chê rồi về còn biếm nhẽ nữa phải nghịch chánh lý chẳng ?

Trong phần đông các con, nhiều kẻ ấy. (Trang 45-Q.1) 26

16. Sự xảy ra nơi Thánh Thất 4(4) tuy là nơi mỗi Đạo chậm trễ nhưng cũng do nơi lòng tà vạy của nhiều đứa mà ra, vì tâm trung chánh đáng thì làm cốt cho Tiên Thánh, còn tâm

chí vậy tà là chỗ của tà quái xung nhập. (Trang 61-Q.1)

4 Chú thích của người soạn : chuyện tà quái xung nhập vào một đàn cúng.

17. Cả môn đệ Thầy duy có biết một chứ không biết hai kẻ nào mưu tâm chia phe phân phái là đũa thù nghịch của Thầy. (Trang 52-Q.1)

18. Trung. Con biết rằng Thầy thương yêu hơn loại là dường nào chưa ? Những điều ngăn trở đều do nơi tiền khiên của cả chúng sanh. Đã vào trọn một thân mình nơi ô trược thì Thầy đây cũng khó mà rửa với một gáo nước mà đựng trong sạch. Hơn loại đã thâm nhiễm vào tình luyến ái tà mị trên mười ngàn năm, thì thế nào cõi Thánh đức trong một lúc chẳng tới một năm cho trọn lành đặng. (Trang 44-Q.1)

19. Đạo phát trể một ngày là một ngày hại hơn sanh, nên Thầy nôn nóng, nhưng mà Thiên cơ chẳng nghịch đặng, ma quỷ hằng phá chánh mà giữ tà, chừ Tiên Phật trước chưa hề tránh khỏi. (Trang 11-Q.2)

20. Cửa Bạch Ngọc Kinh ít kẻ, chớ chôn A Tì vốn nhiều người. (Trang 27-Q.1)

21. Thầy nói cho các con hiểu trước rằng, cả môn đệ Thầy đã lựa chọn, lọc lừa còn lỗi nửa phần vì Thầy cho yêu quái lấy danh Thầy mà cám dỗ. (Trang 34-Q.1)

HẠNH NGƯỜI TU

1. Thầy cấm các con uống rượu nghe à! (Trang 79-Q.1)

2. Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện Đạo.

(Trang 50-Q.1)

3. Một giọt máu là một khối chơn linh. Như các con dâm quá độ thì sát mạng chơn linh ấy. Khi các con thoát xác thì nó đến tại Nghiệp Đài mà kiện các con. Các con chẳng hề chối tội cho đặng.

Vậy phải giữ gìn giới cấm ấy cho lắm. (Trang 33-Q.1)

4. Hạnh ngay thật là nét yêu dấu của Thầy. (Trang 10-Q.2)

5. Các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải trọng hình đồng thể. (Trang 66-Q.2)

6. Nho nhã con tua tập tánh tình,
Dưới trần đừng tưởng một mình lanh.
Một câu thất đức thiên niên đọa,
Nhiều nỗi trăm luân bởi ngọn ngành. (Trang 112-Q.1)

7. Hạnh khiêm nhường là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhường sao cho bằng Thầy. (Trang 41-Q.1)

8. Các con hiền mà dữ, các con yếu mà mạnh, các con nhỏ nhoi mà là quyền thế, các con nhịn nhục mà các con hành phạt, cử chỉ các con khá tập sao cho nghịch với cử chỉ thể tình thì là gần ngôi Tiên Phật đó. (Trang 46-Q.1)

9. Các con phải giữ gìn đức hạnh đối với kẻ trên bằng chữ khiêm hòa, đối với kẻ dưới bằng chữ khoan dung.

(Trang 95-Q.1)

10. Tánh kiêu căng tự đại là hang thẳm chôn lấp trọn thân

hình, hồn phách đó, nên ghi nhớ mà lập tâm sửa mình.

(QUAN THÁNH Trang 76-Q.2)

11. Phải giới lòng trong sạch, lấy sự nhẫn nhịn làm gương, soi mình hằng bữa, phải thương yêu nhau, giúp đỡ nhau dường như con một nhà, rồi cái thương yêu sự giúp lẫn ấy sẽ diu các con vào tận chốn Cực Lạc thiêng liêng để tránh khỏi nơi khổ cùng tiều tụy. (Trang 14-Q.2)

12. Quyền biến dầu dùng khi buổi ngặt

Dẫn lòng nhớ tránh kế mưu gian (Trang 115-Q.1)

13. Đạo quý là tại hòaVi vậy thiếp khuyên các em dĩ hòa vi tiên (QUAN ÂM Trang 88-Q.2)

14. Các con thường để mắt dòm lên thấy kẻ cao sang thì các con cho rằng các con vô phước, còn nhìn xuống thấy đồng chùng thấp hèn thì các con lại đem lòng khinh bạc. Ấy là một điều Vô Đạo. (Trang 94-Q.1)

15. Các con đã rõ Đạo thì phải biết đức cần kiệm là đức hạnh đầu trong lúc các con còn ở thế gian này. Như sự lãng phí se súa ở đời này Thầy cũng cho là một việc tổn đức vậy. (Trang 48-Q.1)

16. Minh Thánh mình hiền mình biết lấy

Tặng phong quá tiếng chớ nhờ ai (Trang 111-Q.1)

17. Các con thương mến nhau, dìu dắt nhau, chia vui sót nhọc nhau, ấy là các con hiến cho Thầy một sự vui vẻ đó.

(Trang 90-Q.1)

18. Đạo tại lòng bác ái và chí thành.

Bác ái là hay thương xót sanh linh hơn thân mình cho nên kẻ có lòng bác ái coi mình nhẹ hơn mấy lông mà coi thiên hạ trọng bằng Trời Đất. Còn chí thành là mỗi việc lấy lòng thành thật mà đối đãi trong đời và trong Đạo dù kẻ phú quý đến bậc nào đi nữa mà không có lòng bác ái và chí thành thì không làm chi nên việc. (Trang 45-Q.2)

19. Vì sao phải khai rộng lòng thương đến bác ái chẳng ?

Vì vạn vật do đức Từ Bi mà sanh hóa trong cả thế gian. Tánh hào sanh của Đức Đại Từ Bi cũng nhân đó mà vô biên vô giới. Còn chúng ta lại là một loại trong vạn vật, thì chúng ta cũng ở trong luật hóa sanh ấy. Vì vậy mà hễ giết một mạng sống thì đau lòng Đức Đại Từ Bi, mà hễ đau lòng Đức Đại Từ Bi thì Thiên sàu Địa thảm. (QUAN ÂM Trang 88-Q.2)

20. Chẳng những phải cứu trợ kẻ ngoại Đạo, mà còn cứu kẻ nghịch cùng mình trong cơn nguy nữa. (Trang 93-Q.2)

21. Chớ nên xao tâm động trí, ngo ngẩn theo thường tình thì não cân được tự mình, mới có thể ngăn cản tà mị độn nhập vào mà khuấy rối. (Trang 81-Q.2)

22. Thầy khuyên các con trước hết phải ở sao cho ra vẻ Đạo, đừng để ý gì về việc công quả mà nêu danh nơi cõi tạm này. Các con phải mở rộng tâm chí ra mà hành Đạo, mới nên cho, chớ đừng mơ hồ rằng Đạo thành thì mình làm đặng một địa vị xứng đáng và đại ích trong Đạo, điều đó lẽ thì các con không cần Thầy nhắc đến mới phải nhưng vì còn nhiều đứa háo danh và ham làm một vị chủ tướng trong Đạo nên cần phải nói cho mà xét mình. (Trang 45-Q.2)

23. Thầy cảm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu thì cũng chẳng đặng ghét nhau. (Trang 69-Q.2)

24. Các con nên nhớ Thầy từ bi phong tịch nhưng các chức sắc nếu vì áo mão hơn đạo đức thì tội chất bằng hai.
(Trang 40-Q.2)

25. Ai vậy tà nấy có phần riêng, cứ giữ nẻo thẳng đường ngay bước đến thang thiêng liêng chờ ngày hội hiệp cùng Thầy ấy là điều quý báu đó. (Trang 38-Q.2)

26. Nơi trần khổ này dầu cho bậc chí Thánh cũng khó tránh sự lỗi lầm đặng, nhưng sự ăn năn tự hồi là quý báu vô giá.
(Trang 16-Q.2)

27. Phải thường hồi lấy mình khi đem mình vào lạy Thầy buổi tối, coi phận sự ngày ấy đã xong chưa mà lương tâm có điều chi cần rút chằng ? Nếu phận còn nét chưa rồi, lương tâm chưa đặng yên tịnh thì phải biết cải hóa, ráng sức chuộc lấy lỗi đã làm thì các con có lo chi chằng bị bực chí Thánh.
(Trang 90-Q.1)

28. Các con đừng vì tư lợi mà làm mất nhơn cách thì rất uổng cái điễm linh quang của Thầy để vào thân xác của các con lắm. (Trang 95-Q.1)

29. Hễ là người thì phải biết Đạo, không biết Đạo không phải là người. (Trang 74-Q.1)

30. Dầu một vị Đại La Thiên Đế xuống phạm mà không tu cũng khó trở lại địa vị đặng. (Trang 47-Q.1)

31. Vậy Thầy khuyên các con rán thành tâm hành Đạo, mà

Đạo không phải giữ bằng lỗ miệng không đâu. (Trang 66-Q1).

PHƯƠNG PHÁP GIÁO HÓA

1. Cách dạy, Thầy buộc tùy thông minh mỗi đứa mà dạy. Dầu cho Thầy phạm tục cũng phải vậy nếu đứa nào dở mà dạy cao kỳ nó biết đâu mà hiểu đặng. (Trang 8-Q.1)

2. TR... đã thọ mạng lệnh nơi Thầy, con đi đâu Thầy theo đó, lời nói đạo đức trong miệng con nói ra, ấy là lời của Thầy bố hóa tập trí con đặng đi truyền Đạo, tùy cơ mà dạy kẻ, một mình con đâu đủ sức phục người. (Trang 9-Q.1)

3. Đạo cốt để cho kẻ hữu duyên, những kẻ nào đã làm môn đệ của “ Tà Thần Tinh Quái ” thì không thể gì làm môn đệ Thầy đặng. (Trang 9-Q.1)

4. Thầy khuyên các con mỗi khi nói Đạo hằng nhớ đến danh Thầy. (Trang 12-Q.1)

5. Những kẻ đã hưởng hết phúc hậu từ mấy đời trước, nay lại còn phạm Thiên điều thì tội tình ấy thế chi giải nổi. (Trang 10-Q.1)

6. Phổ độ nghĩa là gì ?

Phổ là bày ra (khấp) Độ là gì ? Là cứu chúng sanh Chúng sanh là toàn cả nhơn loại, chớ không phải là lựa chọn một phần người, như ý phạm các con tính rồi. (Trang 14-Q.1)

7. Thử nghĩ lập một nước còn dễ hơn dạy một người dữ đặng hiền, huống chi trong Tam Kỳ Phổ Độ này các con phải độ rồi cả nhơn loại khắp cả năm châu thì trách nhiệm ấy lớn lao

là bực nào ? (Trang 32-Q.1)

8. Các con là đèn và gương soi của nhơn loại phải tập mình cho xứng đáng. (Trang 32-Q.1)

9. Thầy đã đến chung cùng với các con, các con duy có tu mà đắc Đạo, phải đoái lại bá thiên vạn ức nhơn sanh còn phải trầm luân nơi khổ hải, chưa thoát khỏi luân hồi, để lòng từ bi mà độ rỗi. (Trang 33-Q.1)

10. Các con liệu phương thế mà nâng đỡ đức tin của môn đệ cao lên hằng ngày ấy là công quả đầu hết. (Trang 34-Q.1)

11. Chư môn đệ đã lập minh thế rồi ngày sau tùy âm chất mỗi đũa mà thăng hay là tội lỗi mà giáng song buộc mỗi đũa phải độ cho đặng ít nữa là mười hai người. (Trang 39-Q.1)

12. Các con phải giữ hạnh mà truyền Đạo ra cho chóng. Các con thế nào Thầy cũng thế ấy, khi thị các con tức khi thị Thầy mà khi Thầy thì chưa phải dễ.

Các con nói Đạo cho mỗi kẻ, nghe không tùy ý. (Trang 40-Q.1)

13. Đạo là quý, của quý chẳng bán nài (Trang 41-Q.1)

14. Các con ráng độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui lòng hơn hết. (Trang 41-Q.1)

15. Nhiều đũa đi truyền Đạo mà trong lòng kính sợ kẻ thọ giáo. Thầy hỏi: Phải nghịch chơn lý chẳng ? Phải các con há !

Kẻ dốt mà dạy người dốt thì cả hai đầu nói tới tận thế cũng còn dốt.

Lại thấy kẻ dốt ấy kích bác, trở lại chịu thiệt rằng :“Đạo mình là lầm lạc ”. Người truyền Đạo đường ấy có sai chánh lý chăng ? Phải các con há ! (Trang 45-Q.1)

16. Con phải khai rộng Thánh Thất cho chúng sanh cầu Đạo, đừng phân sang hèn, ai ai đều cũng con Thầy.

(Trang 49-Q.1)

17. TR ... mặc kệ nó, chúng nghi cho các con lo quốc sự, Thầy vì các con xin lắm mới ép lòng chịu vậy chớ chánh trị với Đạo chẳng buổi nào liên hiệp cùng nhau. (Trang 50-Q.1)

18. Mở một môi Đạo chẳng phải là sự thường tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp một môi Đạo cũng chẳng phải dễ. Muốn lập thành tất phải có điều nghiêm chánh thưởng phạt, có thưởng mới giục lòng kẻ có công, có phạt mới răn đặng lòng tà vạy. (Trang 53-Q.1)

19. Đạo đức các con là phương pháp khử trừ quỷ mị lại cũng là phương diu dắt các con trở lại cùng Thầy. (Trang 69-Q.1)

20. Thầy khuyên các con đũa nào có trí lực bao nhiêu khá đem ra mà thi thố, chớ đừng rụt rè theo thói nữ nhi, vậy cũng ủng cái điểm linh quang của Thầy ban cho các con lắm. (Trang 74-Q.1)

21. Các bậc Thần Thánh nếu chẳng biết môi Đạo là phương châm tìm nguồn trong rửa bợn tục thì biển trần khổ này cũng khó mong thoát đặng. (Trang 75-Q.1)

22. Các con phải lưu tâm mà chấn hưng môi Đạo, ấy là kế bảo tồn quốc túy, lại là phương thoát tục. (Trang 85-Q.1)

23. Các con nhớ biết thương Thầy mà hễ thương Thầy thì ắt thương Đạo mà hễ biết thương Đạo thì thương hết chúng sanh. Các con biết Thầy là trọng thì biết trọng Đạo, mà hễ trọng Đạo thì cũng phải trọng cả chúng sanh. (Trang 87-Q.1)

24. Thầy cho chúng con biết rằng : Hễ trọng quyền thì ắt có trọng phạt (Trang 92-Q.1)

25. Thầy ước sao các con biết tự lập thì Thầy mới vui lòng, chớ các con nhập môn cho đông, lãnh Thiên phong cho nhiều mà không đủ tư cách thì các con phải tự hỏi mình coi có bổ ích vào đâu chăng ? (Trang 93-Q.1)

26. Nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng. (Trang 97-Q.1)

27. Con một nhà đãi đồng một bực, đưa thua sút yếu thế lại đỡ nâng diu dặt nhiều hơn đưa thế trọng sức nhiều.
(Trang 32-Q.2)

28. Các Giáo Hữu phải lo lắng về phần thuyết Đạo cho kịp và mỗi đàn lệ phải trích ra một bài Thánh Ngôn dạy về đạo đức và đọc cho chúng sanh nghe, như vậy thì lời Thánh giáo như còn vắng bên tai các môn đệ để giục bước đường của chúng nó chẳng sụt sè. TNHT 1972 (Trang 51-Q.2)

29. Đạo chẳng phải một món hàng mà nay đem cầu người này, mai đem nài kẻ kia, cho họ biết mà nhìn nhận thật nên nhục thể Đạo quá ! LÝ BẠCH (Trang 98-Q.2)

30. Cơ thương phạt của Thiên Thơ thì lắm điều trái hẳn với trí người tưởng tượng, có nhiều khi thương hữu hình mà

làm hình phạt vô vi mà cũng có khi lấy hình phạt hữu vi mà thưởng thiêng liêng công nghiệp. LÝ BẠCH (Trang 80-Q.2)

31. Kẻ nghịch cùng thế Đạo thì tội trục ngoại xã hội, hay là diệt tàn cho khỏi lưu hại, còn kẻ nghịch cùng Đạo Pháp thì tội trục ngoại Thánh thể Chí Tôn hay là có ngày quyền thiêng liêng diệt thác. VICTORHUGO (Trang 90-Q.2)

32. Chẳng những phải cứu trợ kẻ ngoại Đạo, mà lại cứu kẻ nghịch cùng mình trong cơn nguy nữa. (Trang 93-Q.2)

33. Hồi em còn ở thế, sức giận của em đến đổi nếu em được thiêng liêng vị tức cấp, thì có lẽ cây quạt của em đã đưa họ trum vào Phong Đô không sót một ai. Nhưng chừng bỏ xác phạm, được nhân huệ quang rồi, em lại thương đau thương đốn đường như sợ cho họ sai đường lạc nẻo thì phải mất một bạn thiêng liêng rất quý trọng vậy, thành thử phải diu dặt chịu theo tâm phạm họ cao thấp mà sửa từ bước độ từ chặn. Mà nếu rủi diu họ không được thì phải tận tụy với trách nhiệm làm thế nào cho họ đừng sa đọa Phong Đô, để cầu với Tam Giáo Tòa cho tái kiếp mà chuộc căn quả. [Cao Thượng Phẩm] (Trang 93-Q.2)

34. Nhon tình ví chẳng mưu thâm phục

Thế giới mong chi phép độ lường (Trang 115-Q.2)

TRỜI NGƯỜI HIỆP NHỨT

1. Lập “ Tam Kỳ Phổ Độ ” này, duy Thầy cho “Thần” hiệp “Tinh Khí” đặng hiệp đủ “Tam Bửu” là cơ mầu nhiệm siêu phạm nhập Thánh. (Trang 12-Q.1)

2. Thầy đến đặng hườn nguyên chơn thần cho các con đắc

Đạo. Nguồn cội Tiên Phật do yếu nhiệm là tại đó. (Trang 12-Q.1)

3. Cái chơn thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy.
(Trang 6-Q.1)

4. Cái chơn thần là nhị xác thân các con, là khí chất, nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậ, nơi trung tim của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là mỏ ác, gọi tiếng chữ là Vi Hộ, nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ chơn linh các con khi luyện thành Đạo đặng hiệp một với khí, rồi khí mới thấu đến chơn thần hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh.
(Trang 79-Q.1)

5. Cái chơn thần buộc phải tinh tấn trong sạch mới nhẹ nhàng hơn không khí ra khỏi ngoài càn khôn được. Nó phải có bản nguyên chí Thánh chí Tiên chí Phật mới xuất Thánh, Tiên Phật đặng. (Trang 29-Q.1)

6. Phải có một chơn linh tinh tấn mới mầu nhiệm huyền diệu phải trường trai mới đặng linh hồn tinh tấn, phải tập tành chí Thánh, Tiên, Phật mới phò cơ dạy Đạo cả chúng sanh.
(Trang 7-Q.1)

7. Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện Đạo.
(Trang 30-Q.1)

8. Các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng liêng các con sanh hóa chơn thần, chơn thần lại biến hằng muôn thêm số tăng lên loài. Ấy là Đạo. (Trang 30-Q.1)

9. Đạo cũng do nơi phàm mà phát ra và tiếp lấy cái thiêng liêng của Thầy mà hiệp đồng mới sanh sanh hóa hóa thấu

đáo càn khôn. (Trang 79-Q.1)

10. Lành dữ nơi mình chiêu phúc họa

Thành tâm ắt thấy hết thân mình (Trang 114-Q.1)

11. Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt, còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo phải có công quả. (Trang 26-Q.1)

12. Muốn đến Thầy thì phải cầu nguyện. Thầy không bao giờ không cảm ứng với những lời cầu nguyện chơn thành.

(Trang 124-Q.1)

13. Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại càn khôn thế giới nếu biết ngộ một đời tu đủ trở về cùng Thầy đặng. (Trang 70-Q.1)

14. Lương tâm của các con là một khiếu thiêng liêng của Thầy ban để sửa trị riêng các con trong đường tội lỗi và ban thưởng trong việc nhơn đức, làm một việc phải tức do ý Trời phạm một nét vạy tà là cải nơi Thiên Luật. (Trang 73-Q.1)

15. Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam Thập Lục Thiên, Cực Lạc Thế Giới và Bạch Ngọc Kinh, kẻ nào ghét sự thương yêu thì chẳng hề qua khỏi cửa Luân hồi. (Trang 43-Q.2)

16. Sự hành tàng nào về Đạo, mà vừa lòng trong cả chư chức sắc và chư tín đồ, ấy là hiệp Thiên ý. Còn điều nào mà phần nhiều môn đệ của Thầy chẳng khứng chịu theo, ấy là bất hiệp Thiên ý đó. (Trang 47-Q.2)

17. Thiên cơ phải do nơi tâm hạnh các con mà xây đôi máy

huyền vi. Vì vậy Thầy phải đổi cơ mầu dụng sự hòa bình yên tịnh để dẫn các con cho vẹn bước trong đường đạo đức, xưa đã lắm phen nhơn sanh phải khổ tâm hy sinh vì nền Đạo nhưng mà tàn lổi ngưỡng trông rồi, thì phân vân dòi dòi, tang biến thương điền, rớt cuộc lại, mỗi thân ái của sanh linh chưa vầy hiệp đặng. (Trang 36-Q.2)

18. Kinh điển giúp đời siêu phàm nhập Thánh chẳng khác chi bữa ăn cơm, chẳng có bữa, kẻ có cơm bốc tay ăn cũng đặng. (Trang 5-Q.2)

19. Đạo, tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần do theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm do theo mà lánh khỏi Luân hồi. (Trang 3-Q.2)

20. Ngôi vị Bạch Ngọc Kinh chẳng ưa chứa kẻ hung hăng mà lạ một điều là kẻ hung hăng đạo đức thường phá cửa lún đặng vào, địa vị phần nhiều đoạt bởi kẻ ấy. (Trang 45-Q.1)

21. Sự thác cũng có khi vui mà cũng có lúc buồn, người thế nếu biết sống nghĩa là biết dụng mình cho có ích vào xã hội, biết dưỡng tánh tu thân thì sự thác chẳng qua là sự mong mỏi của kẻ hành trình đã xong trách nhiệm trở về phục sự đặng lãnh phần thưởng xứng đáng mà thôi. (Trang 65-Q.1)

22. Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy, phải làm cho nhau đặng thế lực, đừng ganh gổ nghe ! (Trang 8-Q.1)

HUYỀN DIỆU THIÊNNG LIÊNG

1. Thầy chưa giáng cơ lập Đạo ở nước Nam chớ chur Thần, Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu này mà truyền Đạo cùng vạn quốc. (Trang 57-Q.1)

2. Còn Đạo mới khai lập, tuy xuất hiện chưa đầy một năm chớ chư Tiên, chư Phật, đã lập cùng cả năm châu. (Trang 57-Q.1)

3. Thầy hỏi nếu chẳng phải quyền hành Thầy, dầu cho một vị Phật thiết lớn giáng thế đi nữa cũng chưa có phương chi mà độ hơn bốn muôn sanh linh nhờ tay có 6 đũa môn đệ trong một năm cho đặng bao giờ. (Trang 86-Q.1)

4. Thầy chẳng dùng sự chi mà thể gian gọi là tà quái dị đoan mà nếu xảy ra có một ít dị đoan trong Đạo đã dùng lỗ thì ấy là tại nơi tâm của một vài môn đệ đó, nếu chẳng giữ theo lẽ chánh mà hành Đạo và bày biện nhiều sự vô lối thì trong ít năm sau đây sẽ trở nên một mối Tả Đạo mà các con đã từng thấy. (Trang 42-Q.2)

5. Về việc Diêu Trì Cung bị mượn danh nơi khác mà dối gạt nhơn sanh. Cái hại ấy vốn chẳng vừa về phần tín ngưỡng chớ chi thất tại tà quyền thì có mấy em trừ khử, nhưng tại nơi đồng tử thì mấy em không phương giải nạn cho mấy người mê tín. THẤT NƯƠNG (Trang 91-Q.2)

6. Hồi trước còn ngu xuẩn, kẻ phò cơ không đủ tinh thần như mấy con, vậy nên mỗi khi cầu cơ, lấy làm khó nhọc lắm mới được một vài lời của người khuất mặt, như đồng thật mê thì ra thi hay, song khi rồi đàn thì thần của nó phải suy. Nếu dùng đồng mê thì Đạo biết bao giờ phổ thông đặng. (Trang 92-Q.2) 40

7. Chơn thần của các con gặp tà khí thì khó chịu, nên xin Thầy xuống điển nhiều đặng ngăn tà mị, một đôi khi phải nhập xác vì điển xuống nhiều. Cũng một lẽ ấy mà mỗi lần

lập thể đều có nhập xác. (Trang 92-Q.2)

Số: 52 – BKD/TT Kiểm duyệt, ngày 25 tháng 04 năm Quý
Sửu. (DL, 29/05/1973)

TRƯỞNG BAN KIỂM DUYỆT KINH SÁCH
BẢO ĐẠO HIỆP THIÊN ĐÀI (Ấn ký)
HỒ TẤN KHOA

BÀI “Đời sống Người tín đồ Cao Đài” (Huỳnh Tâm)
(Tiếp theo trang 105)

Người nhập môn phải quì trước Thiên Bàn và nói lên lời
minh thệ của mình đại ý như sau:

“Tôi tên là tuổi, thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao
Đài Ngọc Đế chẳng đời dạ thay lòng, hiệp đồng chư môn đệ
gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa
lục”.

Người chứng lễ là một vị chức sắc đương quyền hành chánh
ở cấp nào cũng được. Tại các địa phương hẻo lánh, không
có chức sắc hành Đạo thì vị Chánh Trị Sự cũng được phép
chứng lễ nhập môn.

(Còn tiếp)

(HT Huỳnh Tâm)

**KINH CÚNG TỬ THỜI
CHÚ GIẢI
(Biên soạn HT Quách Văn Hòa)**

(Xin đọc Kinh Cúng Tử Thời Chú Giải từ TSTĐ số 74 đến TS9TĐ số 78)

(Tiếp theo)

PHỤ LỤC

**A.-SỐ DÂNG CÚNG CHÍ TÔN
NGÀY SÓC VỌNG TẠI THÁNH THẤT**

- I/ NGUYỄN VĂN BÀI SỚ
II/ VIẾT RA HÁN TỰ
III/ CHÚ THÍCH

I/ NGUYỄN VĂN BÀI SỚ:

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(.....niên)
Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Thời duy,
Thiên vận.....niên,.....ngoạt,.....nhựt,.....thời,
hiện tại Việt Nam quốc,.....tỉnh,.....huyện,.....
xã, cư trú Thánh Thất chi trung.

Kim hữu đệ tử thọ Thiên ân....., công

đồng chư Chức sắc, hiệp dữ Chức việc, Đạo hữu nam nữ
đẳng, qui tại Điện tiền, thành tâm trình tấu:

HUỶNH KIM KHUYẾT NỘI

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.
Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.
Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.
Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.
Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đ. Đ. T. K. P. Đ.
Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.

Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn.

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

Thập phương chư Phật, Vạn chương chư Tiên, Liên đài chi
hạ.

Kim vì (Sóc hoặc Vọng) nhựt lương thần, chư Thiên phong
nghiêm thiết đàn tràng hương, đăng, hoa, trà, quả thanh
chước chi nghi thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng vọng Vô Trung Từ Phụ, phát hạ hồng ân, quảng
thi đại đức, bố hóa chư đệ tử trí não quang tinh thần mãn
huệ, thừa hành mạng lệnh, tế độ nhơn sanh, định tâm giác
ngộ hòa ái tương thân đại đồng huynh đệ phục hồi thượng
cổ Thánh đức thuần lương, cộng hưởng thanh bình, an ninh

hạnh phước.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái cần sơ thượng tâu
Dĩ văn.

II/ VIẾT RA HÁN TỰ:

大 道 三 期 普 度
(.....年)
三 教 歸 源 五 支 復 一

時 維

天 運.....年,.....月,....日,....時. 現 在 越 南
國,省,.....縣,.....社, 居 住 聖 室 之 中.
今 有 弟 子 受 天 恩.....共 同 諸 職 敕, 合
與 職 事, 道 友 男 女 等 跪 在 殿 前 誠 心 呈 奏:

黃 金 闕 內

玄 穹 高 上 帝 玉 皇 大 天 尊

瑤 池 金 母 無 極 天 尊

三 宗 真 教

西 方 教 主 釋 迦 牟 尼 世 尊

太 上 道 祖 三 清 應 化 天 尊

孔 聖 仙 師 興 儒 盛 世 天 尊

三 期 普 度 三 鎮 威 嚴

常居南海觀音如來

李大仙長兼教宗大道三期普度

協天大帝關聖帝君

嘉蘇教主救世天尊

太公相父管法天尊

三洲八部護法天尊

十方諸佛萬掌諸仙蓮臺之下

今為...(朔,望)...日良辰,諸天封嚴設壇場
香燈花茶果,清酌之儀誠心獻禮.

仰望無中慈父,發下洪恩,廣施大德,布
化諸弟子智腦光明,精神敏慧,承行命
令,濟度人生,定心覺悟,和愛相親,大同
兄弟,復回上古聖德淳良,共享清平,安
寧幸福.

諸弟子同誠心叩拜謹疏上奏
以文.

III/ CHÚ THÍCH:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ 大道三期普度

Là nền Đại Đạo được khai mở ở nước Việt Nam (cõi Á Đông), vào thời kỳ Hạ nguồn mặt pháp để phổ độ chúng sanh lần thứ ba, tức Đạo Cao Đài. Hội Thánh dịch câu này ra tiếng Pháp như sau: “Troisième Amnistie de Dieu en Orient”.

Bát thập nhất niên 八十一年

Năm thứ tám mươi mốt.

Thường mục này để trống, tùy năm Đạo mà điền vào. Năm Đạo được tính theo Âm lịch, lấy năm Bính Dần (1926) là năm thứ nhứt để tính tới.

Tam Giáo qui nguyên 三教歸源

Tam Giáo qui nguyên: Ba tôn giáo chánh: Phật giáo, Tiên giáo và Nho giáo đã trải qua nhiều thời kỳ, nên càng ngày càng xa rời chánh pháp. Nay, đến thời hạ nguơn mặt pháp, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cơ bút lập thành một nền Đại Đạo cốt qui nguyên Tam giáo, tức là chấn chỉnh tôn chỉ lại cho phù hợp với thời nghi của nếp sống văn minh tiến bộ, hầu độ hết tất cả chúng sanh theo đường Đạo đức.

Ngũ Chi phục nhứt 五支復一

Ngũ Chi phục nhứt: Gom Ngũ Chi Đại Đạo làm một, tức là đem Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo

hiệp lại làm một gọi là Đại Đạo.

Điều này Đức Hộ Pháp có giảng như sau: “Thầy hiệp Ngũ Chi dựng làm một trường học năm lớp cho mình tu luyện, chẳng khác một trường học phàm kia vậy, lần lần bước đến đặng đoạt thủ địa vị của mình. Hễ ngồi đặng phẩm nào thì địa vị mình nơi ấy chẳng ai còn tranh giành ngược ngạo không nhìn nhận cho đặng”.

Vậy Ngũ Chi chính là hợp nhứt năm cách thức hành đạo của Ngũ Chi Đại Đạo mà Đức Hộ Pháp đã tóm lược như sau:

- Hiền vì thương đời mà đạt cơ tòng khổ (Nhơn đạo)
- Thần vì thương đời mà lập cơ thắng khổ (Thần đạo)
- Thánh vì thương đời mà dạy cơ thọ khổ (Thánh đạo)

- Tiên vì thương đời mà bày cơ thoát khổ (Tiên đạo)
- Phật vì thương đời mà tìm cơ giải khổ (Phật đạo)

Thời duy 時 維: Hiện thời vì, ngày hôm nay vì...

Thiên vận 天 運: Vận khí của Trời, mệnh Trời.

.....niên 年.....ngoạt 月.....nhật 日.....thời 時:năm, thángngàygiờ.

Chúng ta dùng hệ thống âm lịch để điền. Tỷ như: Bính tuất niên, chánh nguyệt, sơ nhứt nhật, ngộ thời.

Hiện tại Việt Nam quốc,tỉnh,huyện,xã, cư trú Thánh Thất chi trung.

現在越南國,....省....縣....社, 居住聖室之中

Hiện ở tại nước Việt Nam,tỉnh,huyện,xã, ở trong Thánh Thất.

Kim hữu đệ tử:....., cộng đồng chư Chức sắc, hiệp dữ Chức việc, Đạo hữu nam nữ đẳng qui tại Điện tiền thành tâm trình tấu:

今有弟子....., 共同諸職敕, 合與職事, 道友男女等跪在殿前誠心呈奏:

Nay có đệ tử....., cùng chung các Chức sắc, hiệp với Chức việc (Chức việc là một từ Nôm, Hiền Tài Mã Nguyên Lương dịch sang Hán Việt là Chức Sự 職 事), Đạo hữu nam nữ các cấp, qui trước Bửu Điện, thành tâm tấu trình.

Nếu là chức sắc Cai Quản Thánh Thất, thì điền như sau: Thọ Thiên ân Lễ sanh Ngọc X Thanh, cai quản Thánh Thất

Họ đạo...Nếu là Chức Việc thì điền như sau: Thọ Hồng ân Chánh Trị Sự Nguyên văn Y, Phó Cai quản (Hay quyền Cai Quản) Thánh Thất Họ đạo...

Huỳnh Kim Khuyết Nội 黃金闕內

Huỳnh Kim Khuyết nội: Bên trong Huỳnh Kim Khuyết, tức là bên trong cổng Huỳnh Kim Khuyết.

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn
玄穹高上帝玉皇大天尊

Đây là một hồng danh của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế (Gồm 12 chữ).

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

瑤池金母無極天尊

Một hồng danh của Đức Phật Mẫu.

Tam Tông chơn giáo三宗真教

Ba đẳng Giáo chủ Tam giáo Nho Đạo Thích.

Tây Phương Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

西方教主釋迦牟尼世尊

Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn Giáo chủ cõi Tây phương.
Hồng danh của Đức Phật Thích Ca.

Thích Ca Mâu Ni là một vị thái tử ở nước Ca ty la (Kapilavastu) Trung Ấn Độ, phụ hoàng tên là Tịnh Phạn, mẫu hoàng tên là Ma Da. Ngài tên là Tất Đạt Đa (Siddhartha). Còn chữ Thích Ca (Sakya) là tên một chủng tộc, dịch là Năng nhơn. Mâu Ni là tiếng khen ngợi dịch là Tịch Mặc.

Lúc nhỏ Ngài có trí sáng suốt và có tài năng phi thường. Lớn lên Ngài thấy chúng sanh khổ não, thế gian vô thường, nên Ngài quyết chí tu hành, tìm đường giải thoát cho chính bản

thân mình (tự độ), và cho hầu hết chúng sanh (tha độ) lên bờ giác ngộ.

Ngài thành Đạo dưới gốc cây bồ đề và trải 45 năm truyền pháp độ sanh, Ngài nhập Niết bàn lúc 80 tuổi.

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn

太上道祖三清應化天尊

Đây là hồng danh của Đức Thái Thượng Đạo Quân. (xem chú thích trong bài Kinh Tiên Giáo)

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thịnh Thế Thiên Tôn

孔聖仙師興儒盛世天尊

Thánh danh của Đức Khổng Tử. (Xem phần chú thích nơi bài Kinh Nho Giáo).

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

三期普度三鎮威嚴

Ba vị Tam Trấn thay mặt cho ba vị Giáo Chủ Phật, Tiên, Nho, cầm quyền Tam Giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đó là : Nhứt Trấn Oai Nghiêm Lý Đại Tiên Trưởng, Nhị Trấn Oai Nghiêm Quan Âm Như Lai, Tam Trấn Oai nghiêm Quan Thánh Đế Quân.

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai

常居南海觀音如來

Là Thánh hiệu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Quan Thế Âm hay Quán Thế Âm Bồ Tát là một vị Bồ tát có lòng Đại Từ Đại Bi và thường hay cứu khổ cứu nạn, cho nên chúng sanh đâu đâu cũng thờ và tụng niệm đến danh hiệu của Ngài. Ba chữ Quán Thế Âm nói lên được lòng thương vô lượng vô biên của Ngài, lúc nào Ngài cũng lắng nghe âm thanh ở thế gian, nơi nào, lúc nào có tiếng kêu đau, kêu khổ

của chúng sanh thì Ngài đều đến cứu giúp, hóa độ.

Trong kinh Pháp Hoa có câu: 苦惱眾生，一心稱名，菩薩即時觀其音聲，皆得解脫，以是名觀世音 “Khổ não chúng sinh, nhất tâm xưng danh, Bồ Tát tức thì quan kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát. Dĩ thị danh Quan Thế Âm”. Nghĩa là chúng sanh bị khổ não mà nhứt tâm niệm đến tên Bồ Tát, tức thì Ngài xem âm thanh của chúng sanh mà độ cho được giải thoát. Vì thế, nên gọi Ngài là Quan Thế Âm.

Người Đòi thường gọi tắt là Quan Âm. Ngài còn có hiệu là Quán Tự Tại Bồ Tát, có nghĩa là quán chiếu thâm sâu, giác ngộ tự tại mà cứu độ chúng sinh.

Đức Quán Thế Âm có phép thần thông quảng đại, thường hay biến hiện nhiều sắc tướng để cứu giúp chúng sanh, nên người đòi thường thờ Ngài bằng nhiều tượng khác nhau:

Thiên thủ thiên nhãn Quan Thế Âm Bồ Tát 千手千眼觀世音菩薩: Tượng có nghìn tay nghìn mắt.

Chuẩn Đề Quan Âm 準提觀音: Tượng có ba mắt và mười tám tay.

Nam Hải Viên Thông Giáo Chủ Đại Từ Đại Bi, Tầm Thanh Cứu Khổ, Linh Cảm Quan Âm Bồ Tát 南海圓通教主大慈大悲尋聲救苦靈感觀世音菩薩: Danh hiệu này có nghĩa là Đức Quan Thế Âm làm Giáo Chủ Đạo Viên Thông ở miền Nam Hải, thường tìm tiếng kêu mà cứu khổ, rất cảm ứng và rất Thiêng liêng.

Quan Âm Nữ Phật 觀音女佛: Tượng là một người phụ nữ, cho nên còn gọi là Phật Bà Quan Âm, do hai sự tích:

Quan Âm Diệu Thiện và Quan Âm Thị Kính.

Trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan Thế Âm là một tướng nữ, tượng trưng cho tình thương của một bà mẹ hiền, đứng trên hoa sen, tay cầm cành dương liễu để tiếp dẫn chúng sanh và bình nước cam lồ để rưới tắt các phiền não. Trụ Xứ của Ngài là Nam Hải, nên còn được gọi Nam Hải Quan Âm hay Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai. Ngài được Đức Chí Tôn phong làm Nhị Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai để đại diện cho Phật trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Bát Nương có giảng cơ cho biết về Đức Quan Âm như sau: “Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về cơ giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về cơ Phổ Độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhân Động, còn Cung Diệu Trì thì ở tại Tọa Hóa Thiên”.

Sau đây là bài Thánh thi của Đức Quan Âm Như Lai:

看得浮生一世空
Khán đắc phù sinh nhứt thế không,
田園產業亦皆空
Điền viên sản nghiệp diệc giai không.
妻兒父子終離別
Thê nhi phụ tử chung ly biệt,
富貴功名總是空
Phú quý công danh tổng thị không.
古語萬般都是假
Cổ ngữ vạn ban đô thị giả,
今言百計一場空

Kim ngôn bá kế nhứt trường không.
錢財收拾多辛苦
Tiền tài thâu thập đa tân khổ,
路上黃泉兩手空
Lộ thượng huỳnh tuyền lưỡng thủ không.
(Quan Âm Như Lai)

DỊCH NGHĨA

Được thấy phù sinh vốn cõi không,
Ruộng vườn sự nghiệp cũng đều không.
Vợ con cha mẹ rồi ly biệt,
Danh lợi sang giàu rốt cũng không.
Lời cổ: muôn điều toàn giả tạm,
Câu nay: trăm kế một trường không.
Tiền tài gom góp nhiều lao khổ,
Nẻo đến Suối Vàng, tay sạch không.
(Thiên Vân dịch)

Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ
Độ 李大仙長兼教宗大道三期普度

Là một vị Tiên Trưởng thọ lệnh Đức Chí Tôn làm Nhứt Trần
Oai Nghiêm, cầm quyền Tiên Giáo trong thời Tam Kỳ Phổ
Độ, kiêm Giáo Tông Đạo Cao Đài.

Long vị thờ tại Đền Thánh viết: Thái Bạch Kim Tinh 太白金星.

Ngài giáng linh nơi nước Trung Hoa là Lý Thái Bạch vào
năm 702 đời vua Trần Huyền Tông nhà Đường. Mẹ Ngài
nằm mộng thấy sao Trường canh hay sao Thái Bạch Kim
Tinh sa xuống mình Bà, nên đặt tên là Lý Thái Bạch, gọi tắt
là Lý Bạch.

Hồi được bảy tuổi, Lý Bạch chưa biết nói, nhưng khi bà mẹ bỗng lên lầu, bỗng nhiên Ngài ngâm được bốn câu thơ mà ý thực quái dị:

Nguy lâu cao bách xích
危樓高百尺
Thủ khả trích tinh thần.
手可摘星辰
Bất cảm cao thanh ngữ,
不敢高聲語
Khủng kinh thiên thượng nhân.
恐驚天上人

Nghĩa là:

Vòi vọi lầu trăm thước,
Vói tay hái được sao.
Chỉ e nói lớn tiếng,
Kinh động Tiên trên cao.

Lớn lên, Lý Bạch tướng mạo khôi ngô, cốt cách thanh kỳ, thông minh đỉnh ngộ. Lúc thiếu thời Ngài có tài văn chương, nổi tiếng là một thi gia, được người đương thời tặng danh hiệu là “Ông Tiên bị đày” (Thiên thượng trích Tiên nhân 天上謫仙人).

Lý Bạch có tên hiệu là Thanh Liên Cư Sĩ 青蓮居士. Bản tính của Ngài không ham danh lợi, thích đi chơi khắp các danh thắng ở bờ sông Trường giang, giao du với những ẩn sĩ mà đời gọi là Trúc Khê lục dật.

Ngài được phong đến chức Hàn lâm học sĩ, nhưng vì không ham danh lợi, quyền tước, nên Ngài không chăm lo việc nước, mà chỉ uống rượu ngâm thi mà thôi.

Vua Đường Huyền Tôn rất trọng Ngài, nhưng Ngài không

như bọn phàm phu khác, chịu đem cái tài hoa của mình nịnh nọt bọn vương hầu, lại xin trở về hưởng nhàn. Có lần say rượu Ngài ngâm nga chí của mình, coi đời như giấc mộng, bon chen làm chi cho cực lòng.

處世若大夢
Xử thế nhược đại mộng
胡為勞其生
Hồ vi lao kỳ sinh ?
所以終日醉
Sở dĩ chung nhật túy,
頹然臥前楹
Đồi nhiên ngoạ tiền doanh.
覺來眇庭前
Giác lai miện đình tiền,
一鳥花間鳴
Nhất điểu hoa gian minh.
借問此何日
Tá vấn thử hà nhật ?
春風語流鶯
Xuân phong ngữ lưu oanh.
感之欲嘆息
Cảm chi dục thán tức,
對之還自傾
Đối chi hoàn tự khuynh.
浩歌待明月
Hạo ca đãi minh nguyệt,
曲盡已忘情
Khúc tận dĩ vong tình.

(Lý Bạch--Xuân nhật túy khởi ngôn chí)

Nghĩa là:

Ở đời tựa giấc chiêm bao,
Làm chi mà phải lao đao nhọc mình.
Suốt ngày mượn chén khuây tỉnh,
Say rồi nghiêng ngửa bên màn hàng ba.
Tỉnh ra trông mé trước nhà,
Một con chim hót trong hoa ngọt ngào.
Hỏi xem ngày ấy ngày nào,
Chim oanh ríu rít đón chào gió đông.
Thở than cảm xúc nổi lòng,
Chuốc thêm ít chén say cùng cảnh vui.
Hát ngao chờ bóng trăng soi,
Ca vừa dứt khúc, đã nguôi mối tình.

(Trần Trọng Kim dịch)

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân

協天大帝關聖帝君

Là Tam Trấn Oai Nghiêm, đại diện Đức Khổng Thánh cầm quyền Nho Giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thế danh của Đức Hiệp Thiên Đại Đế là Quan Võ, sau đổi là Vân Trường, tục danh là Quan Công. Ngài sinh nhằm triều vua Hoài Đế, đời Đông Hán, quê quán tại Bò Châu, tỉnh Sơn Đông Trung Quốc.

Sanh ra trong thời kỳ Hán thất suy vi, bên trong bọn hoạn quan chuyên quyền, bên ngoài giặc Huỳnh cân dấy lên tứ phía, Ngài tuy ham học, thích đọc kinh Xuân Thu, nhưng trước cảnh loạn lạc, Ngài đành châu du để tìm hào kiệt mưu

cầu đại nghiệp.

Ngài kết nghĩa đào viên với hai người là Lưu Bị, tự Huyền Đức là anh cả, thuộc dòng dõi nhà Hán, và một người nữa là Trương Phi, tự Dục Đức, là em út.

Có lần Ngài bị Tào Tháo dụ phong cho chức Hán Thọ Đình Hầu, nhưng sau Ngài trả ấn. Quan Công cùng Trương Phi phò Lưu Bị lập nên nhà Thục, một nước trong tam quốc: Thục, Ngụy, Ngô.

Ngài làm mưu của Lữ Mông mà bị bắt, rồi Tôn Quyền đem xử trảm, thọ 58 tuổi.

Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn

嘉蘇教主救世天尊

Là vị Giáo Chủ của Thiên Chúa Giáo, còn được gọi là Công Giáo, hay Gia Tô Giáo.

Gia Tô được người Tàu dịch từ Jésus, đầy đủ hơn là Jésus Christ, là Đấng Chúa Cứu Thế ở Do Thái.

Người Tàu dịch âm đúng viết là 耶蘇: Da Tô. Đây là cách viết ở Long vị được thờ tại Đền Thánh: Da Tô Giáo Chủ 耶蘇教主.

Ngài sanh vào đêm 25 tháng 12 tại thành Bethléem. Mẹ của Ngài là Maria, một nữ tu tại đền thờ Jérusalem. Cha Ngài là Joseph. Hai ông bà rất mộ đạo, tuy bà đang có thai, gần ngày sanh, nhưng hai người vẫn cố gắng tới Đền thờ để châu lễ. Vì vậy, đúng 12 giờ đêm Noel bà chuyển bụng sanh ra Chúa Jésus nơi máng cỏ trong chuồng chiên.

Năm 30 tuổi, Ngài được Thánh Jean Baptiste làm lễ giải oan tại bờ sông Jourdain. Từ đó, Ngài khởi sự giảng Thánh Kinh

ngay trong xứ Galilée và Jérusalem, lập nên đạo Thánh ở Do Thái, rồi truyền bá mạnh mẽ sang Châu Âu. Uy quyền bọn vua quan phong kiến bị lung lay, nên chúng tìm cách giết Ngài.

Bọn chúng mua chuộc một tông đồ của Ngài là Yuda, phản lại Ngài vu cáo cho Ngài mưu việc phản loạn, rồi bắt Ngài lên án tử hình và đóng đinh trên thập tự giá.

Cái chết của Đức Chúa Jêsus thật là cao cả, Ngài chuộc tội cho loài người bên xứ Châu Âu, trở thành một vị Chúa Cứu Thế cho nhơn loại.

Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn

太公相父管法天尊

Đây là Thánh danh của Đức Khương Thượng Tử Nha.

Long vị thờ tại Đền Thánh viết: Khương Thượng Tử Nha 姜尚子牙.

Đức Thái Công Tướng Phụ là người họ Khương 姜, tên Thượng 尚, tên chữ là Tử Nha 子牙, được vua nhà Châu là Võ Vương tôn lên làm Thượng Phụ hay Tướng Phụ, hàm ân là Thái Công.

Lúc thiếu thời Ngài rất mộ đạo Tiên, nên tầm sư học đạo và thọ giáo Đức Ngươn Thi Thiên Tôn tại núi Côn Lôn. Ngài quyết chí tu hành, không màng đến việc thế tục nữa, theo thầy lo tu hơn 40 năm trên núi.

Vào thời ấy, Trụ Vương vì đắm say nữ sắc của Đắc Kỷ, không lo việc triều chính, công thần nhiều vị khuyên can đều bị giết hại, nhân dân đồ thán, giặc cướp nổi lên bốn phía, vận nước suy vi.

Nguơn Thi Thiên Tôn khuyên Khương Tử Nha hạ trần để phò Châu, phạt Trụ. Khí số nhà Thương sắp mãn, vận nước Tây Châu hưng thịnh, nên Cơ Phát lên nối nghiệp cha, xưng hiệu Võ Vương, rồi cử binh phạt Trụ. Trên mười năm mới bình định xong tứ phương, vua lên ngôi thiên tử, phong Khương Tử Nha đứng đầu các bậc khai quốc công thần, và cho làm vua nước Tề, đời đời con cháu được phụ truyền tử kế mà hưởng lộc tại nước Tề.

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn

三洲八部護法天尊

Tam Châu: Ba châu trong Tứ Đại Bộ Châu, thuộc cõi trung giới, đó là Đông Thắng Thần Châu, Tây Nguơn Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu. Các chơn linh ở trên ba châu này có trình độ tiến hóa cao. Còn Địa cầu của nhơn loại chúng ta thuộc về Nam Thiệm Bộ Châu. Ba Đại Bộ Châu này thuộc quyền giáo hóa của Hộ Pháp Thiên Tôn.

Riêng Bắc Cu Lư Châu, không thuộc quyền Hộ Pháp mà do Kim Quang Sứ chưởng quản (tức qui vị).

Bát bộ: Tám bộ, mỗi bộ cai quản một phẩm chơn hồn, bát bộ cai quản bát phẩm chơn hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Tám bộ ấy thuộc quyền hạn của Hộ Pháp đến mở cơ quan tận độ chúng sanh nơi cõi trần. Vì thế, Đức Hộ Pháp được xưng là Tam Châu bát bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

Thập Phương Chư Phật vạn chưởng chư Tiên, liên đài chi hạ 十方諸佛, 萬掌諸仙, 蓮臺之下.

Thập phương chư Phật: Là tất cả các vị Phật ở mười

phương trong Càn khôn Thế giới. Mười phương đó là Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc, phương trên và phương dưới.

Vạn chướng chư Tiên, liên đài chi hạ: Các vị Tiên cảm quyền muôn việc và chư Tiên Phật và chư vị Thiêng Liêng bên tòa sen.

Kim vì (sóc, vọng) nhứt lương thần chư Thiên phong nghiêm thiết đàn tràng hương đăng hoa trà quả, thanh chước chi nghi thành tâm hiến lễ.

今為 (朔, 望) 日良辰, 諸天封嚴設壇場: 香, 燈, 花, 茶, 果, 清酌之儀, 誠心獻禮.

Ngày nay vì (mùng một, rằm) giờ tốt chư chức sắc Thiên phong nghiêm trang thiết lễ nơi đàn cúng tế: Nhang, đèn, bông, trái cây, rượu tinh khiết, lập thành nghi thức, thành tâm hiến lễ.

Sóc, vọng 朔, 望: Sóc là ngày đầu trong tháng, tức ngày mùng một. Vọng là ngày rằm.

Nghiêm thiết đàn tràng: Hay nghiêm thiết đàn trường 嚴設壇場, tức là trang nghiêm thiết lễ đàn cúng tế.

Thanh chước 清酌: Rượu tinh khiết. Ý nói rượu trong sạch dùng để cúng tế.

Hiến lễ 獻禮: Dâng lễ vật.

Nguỡng vọng vô trung Từ Phụ, phát hạ hồng ân, quảng thi đại đức 仰望無中慈父, 發下洪恩, 廣施大德
Nguỡng mong Đức Từ Phụ trong cõi Hư vô, ban xuống ân sâu, rộng thi đức lớn.

Nguỡng vọng 仰望: Ngửa trông, ngẩng mong nhờ.

Quảng thi 廣 施: Thi ân rộng khắp.

Bồ hóa chư đệ tử trí não quang minh, tinh thần mẫn huệ, thừa hành mạng lệnh, tế độ nhơn sanh, định tâm giác ngộ, hòa ái tương thân

布化諸弟子智腦光明, 精神敏慧, 承行命令, 濟度人生, 定心覺悟, 和愛相親

Bồ hóa cho chư đệ tử trí não sáng láng, tinh thần lạnh lẽo thông minh, thừa hành mệnh lệnh của ơn Trên, để tế độ nhơn sanh, tâm được giác ngộ và an định, thân thiết yêu thương nhau.

Bồ hóa 布 化: Hóa độ khắp nơi.

Mẫn huệ 敏 慧: Sáng láng lạnh lợi.

Đại đồng huynh đệ, phục hồi Thượng cổ Thánh đức thuần lương, cộng hưởng thanh bình, an ninh hạnh phúc
大同兄弟, 復回上古聖德淳良, 共享清平, 安寧幸福

Anh em sống trong cảnh đại đồng, phục hồi lại thời Thượng cổ để đời được thánh đức, người được thuần lương, cùng nhau hưởng cảnh thanh bình, an ninh và hạnh phúc.

Phục hồi 復 回: Cái gì đã đi qua nay trở về lại gọi là phục hồi.

Thuần lương 淳 良: Tốt đẹp, ngay thẳng.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái cẩn sơ thượng tấu. Dĩ văn. 諸弟子同誠心叩拜謹疏上奏以文.

Chư đệ tử cùng thành tâm cúi lạy, và kính cẩn dâng sơ tâu lên. Kính trình.

Cẩn sơ 謹 疏: Kính cẩn dâng sơ lên.

Thượng tấu 上 奏: Tâu trình lên.

IV/ GIẢI NGHĨA:

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(Năm Đạo thứ 81)
Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Nay thời,

Vận Trời năm.....tháng.....ngày.....giờ, hiện tại nước Việt Nam,..... tỉnh,huyện,xã, , ở nơi Thánh Thất.

Nay có vị đệ tử thọ, cùng chung các Chức sắc, hiệp với Chức việc, Đạo hữu nam nữ các cấp, quì trước Chánh Điện, thành tâm tâu trình:

TRONG HUỲNH KIM KHUYẾT

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.
Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

GIÁO CHỦ TAM GIÁO

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.
Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.
Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

BA TRẦN OAI NGHIÊM TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.
Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đ. Đ. T. K. P. Đ.
Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.
Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.
Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn.
Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

Thập phương chư Phật, Vạn chướng chư Tiên, Liên đài chi hạ.

Ngày nay vì...(mùng một,rằm)... giờ tốt chư chức sắc Thiên phong nghiêm trang thiết lễ nơi đàn cúng tế : nhang, đèn, bông, trái cây, rượu tinh khiết, lập thành nghi thức, thành tâm dâng lễ.

Ngưỡng mong Đức Từ Phụ trong cõi Hư vô, ban xuống ân sâu, rộng thi đức lớn. Bồ hóa cho chư đệ tử trí não sáng láng, tinh thần lanh lẹ thông minh, thừa hành mệnh lệnh của ơn Trên, để tế độ nhơn sanh, tâm được giác ngộ và an định, thân thiết yêu thương nhau. Anh em sống trong cảnh đại đồng, phục hồi lại thời Thượng cổ để đời được thánh đức, người được thuần lương, cùng nhau hưởng cảnh thanh bình, an ninh và hạnh phúc.

Chư đệ tử cùng thành tâm cúi lạy, và kính cẩn dâng số tâu trình lên.

Kính trình.

PHỤ LỤC

B.-SỐ DÂNG CÚNG PHẬT MẪU NGÀY SỐC VỌNG TẠI ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU

I/ NGUYỄN VĂN BÀI SỚ

II/ VIẾT RA HÁN TỰ

III/ CHÚ THÍCH

IV/ GIẢI NGHĨA

I/ NGUYỄN VĂN BÀI SỚ:

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(.....niên)
Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Thời duy,

Thiên vậnniên,ngoạt,.....nhựt, ngo
thời, hiện tại Việt Nam quốc,tỉnh,huyện,
.....xã, cư trụ Điện Thờ Phật Mẫu chi trung.

Kim hữu đệ tử, công đồng
chư Thiên Nam Tín Nữ đấng, quì tại Điện tiền, thành tâm
trình tấu :

HUỲNH KIM KHUYẾT NỘI

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.
Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.
Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.
Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

TAM KỶ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.
Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đ. Đ. T. K. P. Đ.
Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.
Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.
Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn.
Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.
Thập phương chư Phật, Vạn chưởng chư Tiên, Liên đài chi
hạ.

Kim vì ...(Sóc hoặc Vọng)...nhứt lương thần, chư Thiện Nam Tín Nữ đặng nghiêm thiết đàn tràng hương đăng hoa trà quả, thanh chúc chi nghi thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng vọng Kim Bàn Phật Mẫu dĩ đức từ bi chuyển họa vi phước, thoát ách tiêu tai, Thế giới an ninh, tương hòa nhơn loại, phát nguyện Quốc thể Việt Nam thịnh mãn vinh quang, hà thanh hải yển, sanh chúng an cư lạc nghiệp, phục hồi Đường Ngu chi phong hóa.

Ngưỡng vọng Kim Bàn Phật Mẫu phát hạ hồng ân, hoằng khai Đại Đạo, độ tận chúng sanh, hiệp trí hòa tâm, tinh thần qui nhứt, vĩnh sùng chánh giáo thoát khổ tiền khiên, triêm ngưỡng Mẫu ân tứ phước.

Chư Đệ tử nguyện Kim Bàn Phật Mẫu cứu độ các đấng chơn linh qui liễu tảo đắc siêu thăng, an nhàn Cực Lạc.

Chư Đệ Tử thành tâm khấn nguyện cúng bá bái thượng tấu

Dĩ văn

II/ VIẾT RA HÁN TỰ:

大道三期普度
(.....年)
三教歸源五支復一

時維

天運.....年,.....月,.....日,.....時,現在越南國,.....省,.....縣,.....社,居住佛母殿之中.

今有弟子.....共同諸善男信女等，跪在殿前誠心呈奏：

黃金闕內

玄穹高上帝玉皇大天尊

瑤池金母無極天尊

三宗真教

西方教主釋迦牟尼世尊

太上道祖三清應化天尊

孔聖仙師興儒盛世天尊

三期普度三鎮威嚴

常居南海觀音如來

李大仙長兼教宗大道三期普度

協天大帝關聖帝君

耶穌教主救世天尊

太公相父管法天尊

三洲八部護法天尊

十方諸佛萬掌諸仙蓮臺之下

今為...(朔，望)...日良辰，諸善男信女等嚴設壇場香燈花茶果，清酌之儀誠心獻禮。仰望金盤佛母以德慈悲，轉禍為福，脫厄消災，世界安寧，相和人類，發願國體越南盛滿榮光，河清海晏，生眾安居樂業，復回唐虞之風化。

仰望金盤佛母發下洪恩，弘開大道，度盡眾生，協智和心，精神歸一，永崇正教，脫

苦前愆，霑仰母恩賜福。

諸弟子願金盤佛母救度各等真靈歸了，
早得超升安閒極樂。

諸弟子誠心懇願鞠躬百拜上奏
以文

III/ CHÚ THÍCH:

Thiện nam Tín nữ 善男信女: Phái nam và phái nữ có lòng tin theo Tôn giáo (Phật pháp). Đây chỉ các Tín đồ nam nữ

Dĩ đức từ bi, chuyển họa vi phước, thoát ách tiêu tai

以德慈悲，轉禍為福，脫厄消災

Lấy đức từ bi mà chuyển họa thành phước, độ cho thoát khỏi tai ách.

Chuyển họa vi phước 轉禍為福: Chuyển những điều tai họa thành những việc phước đức.

Thoát ách tiêu tai 脫厄消災: Giải thoát những nạn ách và tiêu trừ những tai ương.

Thế giới an ninh, tương hòa nhơn loại, phát nguyện Quốc thể Việt Nam thịnh mãi vinh quang, hà thanh hải yến, sanh chúng an cư lạc nghiệp, phục hồi Đường Ngu chi phong hóa 世界安寧，相和人類，發願國體越南盛滿榮光，河清海晏，生眾安居樂業，復回唐虞之風化。

Thế giới được an ninh, nhơn loại được hòa bình cùng nhau, nguyện cho Quốc thể Việt Nam tràn đầy vinh quang, sông

trong biển lặng (Đời thái bình), sanh chúng được an cư lạc nghiệp, phục hồi trở lại nền phong hóa của Đường Ngu.

Thạnh mãn 盛 滿: **Đồi dào đầy đủ.**

Vinh quang 榮 光: Vẻ vang sáng sủa.

Hà thanh 河 清: Sông trong.

Sông Hoàng Hà nhiều bùn lầy nên thường đục, khi nào nước sông trong, người ta cho là điềm lành.

Hải yến 海 晏: Hải là biển. Yến là yên tịnh.

Hà thanh hải yến: Hay Hải yến hà thanh 海 晏 河 清: Biển lặng và sông Hoàng Hà trong.

Năm thứ ba đời vua Trang Tương Vương, sông Hoàng Hà tự nhiên trong. Năm ấy, vua Hán Cao Tổ sinh ở đất Bái.

Nghĩa bóng: Điềm thái bình xuất hiện.

An cư lạc nghiệp 安 居 樂 業: Sống yên ổn, vui vẻ làm ăn.

Đường Ngu 唐 虞: Hai triều đại của vua Nghiêu, Thuấn là Đào Đường (vua Nghiêu) và Hữu Ngu (vua Thuấn).

- Đào Đường, tên triều đại của vua Nghiêu (2357-2256 trước D.T). Ngài họ Y Kỳ, tên Phóng Huân, con bà Khánh Đô, phi thứ tư vua Đế Cốc, đóng đô tại Bình Dương, trị vì 72 năm và 28 năm với vua Thuấn đắp đê bảo vệ đồng áng.

Vua có chín trai, hai gái mà phé thái tử Đan Châu, lựa ông Thuấn là người hiền đức để truyền ngôi và gả cho hai người gái là Nga Hoàng và Nữ Anh.

- Hữu Ngu, tên triều đại của vua Thuấn (2255-2206 tr.D.T), cháu tám đời vua Huỳnh Đế, họ Diêu tên Trùng Hoa, con ông Cổ Tâu. Ông Thuấn rất hiếu thảo, mẹ mất sớm. Cha,

tính hung dữ, cưới người vợ khác sanh ra Tượng. Cha và mẹ ghẻ ghét ông, nhiều phen mưu giết, nhưng ông đều thoát khỏi chết mà vẫn chẳng oán hờn. Lòng hiếu của ông cải hóa cha, mẹ ghẻ và em.

Vua Nghiêu nghe tiếng đến tìm, gả hai người con cho và nhường ngôi. Vua Thuấn đóng đô tại Bồ Phan, làm vua 48 năm, theo gương vua Nghiêu, không truyền ngôi cho con là Thương Quân mà nhường ngôi cho vua Vũ.

Vua Thuấn băng hà tại Thương Ngô, thọ được 101 tuổi.

Phát hạ hồng ân, hoằng khai Đại Đạo, độ tận chúng sanh, hiệp trí hòa tâm, tinh thần qui nhút, vĩnh sùng chánh giáo thoát khổ tiền khiên, triêm ngưỡng Mẫu ân tứ phúc.

發下洪恩，弘開大道，度盡眾生，協智和心，精神歸一，永崇正教，脫苦前愆，霑仰母恩賜福。

Ban xuống hồng ân, hoằng khai nền Đại Đạo, độ tận nhơn sanh, chung hiệp tâm trí, qui nhút tinh thần, vĩnh viễn sùng bái nền chánh giáo, giải thoát các tội lỗi trong kiếp trước, chiêm ngưỡng ơn phúc của Đức Mẹ ban cho.

Phát hạ hồng ân 發下洪恩: Đồng nghĩa: Ban hồng ân, tức là ban xuống những ơn huệ to lớn.

Hiệp trí hòa tâm 協智和心: Hòa hiệp tâm và trí.

Vĩnh sùng chánh giáo 永崇正教: Vĩnh viễn sùng tín nền chánh giáo, tức là mãi mãi tin và thờ một nền chánh Đạo.

Triêm ngưỡng Mẫu ân 霑仰母恩: Ngẩng lên nhờ ân Đức Mẹ nhuần gội.

Tứ phúc 賜福: Ban cho phúc đức.

Cứu độ các đẳng chơn linh qui liễu tảo đắc siêu thăng, an nhàn Cực Lạc. 救度各等真靈歸了, 早得超升, 安閒極樂.

Cứu độ các cấp Chơn linh quá vãng, sớm được siêu thăng, an nhàn nơi cõi Cực Lạc.

Các đẳng chơn linh qui liễu 各等真靈歸了: Các đẳng chơn linh đã chết rồi (qui liễu, quá vãng).

Tảo đắc siêu thăng 早得超升: Sớm được siêu rồi để ngôi vị thăng lên.

An nhàn Cực lạc 安閒極樂: Được hưởng an nhàn trong cõi Cực Lạc.

Chư Đệ Tử thành tâm khẩn nguyện, cúc cung bá bái thượng tấu dĩ văn. 諸弟子誠心懇願, 鞠躬百拜上奏以文

Các đệ tử đồng thành tâm cầu khẩn, cúi mình lạy xuống trăm lạy, dâng số tâu lên. Kính trình.

Cúc cung 鞠躬: Cúi mình xuống để làm lễ (cử chỉ cung kính và thận trọng).

Bá bái 百拜: Trăm lạy. Chỉ sự thành tâm cầu khẩn.

Thượng tấu 上奏: Tâu trình lên.

IV/ GIẢI NGHĨA:

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Năm Đạo thứ 81)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Nay thời,

Vận Trời năm.....tháng.....ngày.....giờ, hiện tại

nước Việt Nam, tỉnh.....huyện.....xã....., đang ở
nơi Điện Thờ Phật Mẫu .

Nay có vị đệ tử....., cùng chung cácThiện
nam Tín nữ qui trước Điện thờ Phật Mẫu, thành tâm tâu
trình :

TRONG HUỲNH KIM KHUYẾT

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.
Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

GIÁO CHỦ TAM GIÁO

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.
Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.
Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

BA TRẦN OAI NGHIÊM TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.
Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đ. Đ. T. K. P. Đ.
Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.
Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.
Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn.
Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.
Thập phương chư Phật, vạn chướng chư Tiên, Liên đài chi
hạ.

Ngày nay vì(mừng một hoặc rằm), giờ tốt chư Thiện nam
Tín nữ nghiêm trang thiết lễ nơi đàn cúng tế : Nhang, đèn,
bông, trái cây, rượu tinh khiết, lập thành nghi thức, thành
tâm dâng lễ.

Ngưỡng mong Đức Kim Bàn Phật Mẫu lấy đức từ bi, chuyên

họa thành phước, thoát khỏi tai ách, Thế giới an ninh, non
loại hòa hiệp, cầu nguyện cho Quốc thể Việt Nam tràn đầy
vinh quang, đất nước thanh bình, sanh chúng an cư lạc
nghiệp, phục hồi trở lại nền phong hóa Đường Ngu.

Nguỡng mong Đức Phật Mẫu ban xuống hồng ân, hoằng
khai Đại Đạo, độ tận non sanh, chung hiệp tâm trí, qui nhưt
tinh thần, vĩnh viễn sùng bái nền chánh giáo, giải thoát khỏi
các tội lỗi trong kiếp trước, chiêm ngưỡng ơn phước của
Đức Mẹ ban cho.

Nguỡng mong Đức Phật Mẫu cứu độ các cấp chơn linh quá
vãng, sớm được siêu thăng, an nhàn nơi cõi Cực Lạc.

Chư đệ tử đồng thành tâm cầu khẩn, cung kính cúi lạy, và
kính cẩn dâng số tâu lên.

Kính trình.

(Còn tiếp)

HT Quách Văn Hòa

* * *



DLT

COMPLETE AUTO BODY & REPAIR

60 Stockton, San Jose, CA 95126

Tel: (408)288-8856 FaX# (408)288-8855



ĐẶC BIỆT
Có giá thương lượng
cho thân chủ
không có bảo hiểm

*- Có nhận làm Đền bị vàng và scratch làm ra như mới.

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai - Thứ Bảy:
9.00 AM - 6.00 PM

- *- Chuyên làm đồng, kéo sườn & sơn tất cả các loại xe.
- *- Có phòng sơn hấp đặc biệt & Giàn kéo sườn tối tân.
- *- Sơn đúng màu, đẹp, láng như mới.
- *- Chủ và thợ đều có bằng tại Mỹ, có nhiều năm kinh nghiệm trong nghề.
- *- Free estimate, deductible, towing.
- *- Nhận tất cả các loại bảo hiểm và có nhân viên lo mọi thủ tục trực tiếp với hãng bảo hiểm.

TẤT CẢ CÁC CÔNG VIỆC
ĐƯỢC CHỦ BẢO ĐẢM

NHẬN SỬA CÁC LOẠI XE MỸ & NGOẠI QUỐC

GIẢI QUYẾT MỌI TRỞ NGẠI VỀ MÁY & HỘP SỐ

- *- Engine tune-up.
- *- Thay nhớt máy, hộp số. Thay thắng tiền đĩa.
- *- Thay timing belt.
- *- Complete clutch job.*- Scanner set up Check engine light.
- *- Thay Máy, Hộp Số.
- *- Thay Axle, Saft.
- *- Thay Catalytic.
- *- Sửa tất cả điện xe.
- *- Computer Diagnostic.

REBUILT MÁY, HỘP SỐ, BẢO ĐẢM 6 THÁNG HAY 1 NĂM
CHO MỌI VIỆC LÀM NHANH CHÓNG & THÀNH THẬT

FINANCIAL SERVICES

6947 Linda Vista Road, Suite C, San Diego, CA 92111

(Trong khu chợ Thuận Phát, sau lưng Mc Donald)

Telephone: (858)467-0833 (858)277-3999

GIỮ SỔ SÁCH VÀ KHAI THUẾ (BOOKKEEPING & TAX SERVICES)

*- Giữ Sổ Sách Kế Toán
(Bookkeeping Services)

*- Làm Lương Bổng
(Payroll Services)

*- Khai Thuế
(Tax Services for
individual, Partnership,
LLC, Corporation, etc).



*- Giúp thành lập Công Ty và các Dịch Vụ Thương Mại
(Form Partnership, Corporation & Businesses).

*- Giúp sang Tiệm Nail, Tóc, Shop sửa xe, Nhà Hàng và các
Cơ Sở Thương Mại.

*- Làm các Hợp Đồng Mua Bán Tiệm, Mướn Mặt Bằng,
Thương lượng với chủ đất, Trung Tâm Thương Mại để
hoàn tất thủ tục sang nhượng hoặc mướn tiệm.

*- Thị Thực chữ ký (Notary Public) và phiên dịch các
loại đơn từ.

VĂN PHÒNG THUẾ CHUYÊN NGHIỆP HOẠT ĐỘNG QUANH NĂM

Thành Thật - Tận Tâm - Uy Tín - Lệ Phí phải chăng

Để biết thêm xin Liên Lạc:

NHỰ TƯỜNG & THÙY TRANG



LISA'S FLORIST

2424 Quimby Rd
San Jose, CA 95148

ĐT: (408)528-7675 Cell: (408)828-5833

Đảm trách mọi dịch vụ về:

- *- Hoa Tươi,
- *- Hoa Đám cưới,
- *- Đám hỏi,
- *- Đám hỏi,
- *- Sinh Nhật,
- *- Thăm viếng,
- *- Ra Trường
- *- Đeo Cổ
- *- Đeo Tay
- *- Chúc Thọ
- *- Tân Gia
- v. . v. .
- *- Free Delivery



- *- Hoa Đám
- *- Hoa phở
trên Quan tài
- *- Hoa Phúng
Điếu
- *- Trang hoàng
Thánh Đường
- *- Bàn Thờ
Gia Tiên
- *- Đặc biệt
Có nhận may
tang phục
miễn phí.

ĐẶC BIỆT

- *- Vòng hoa Phúng Điếu \$89.00
Nhận ORDER 24/24
- *- Bớt 15% cho các gia đình H.O
& các Hội Đoàn

THÔNG BÁO

Bản Tin Thế Đạo (phổ biến qua email) và **Tập San Thế Đạo** (phát hành 3 tháng 1 số) xin thông báo:

*- Quý Cơ sở đạo có nhu cầu phổ biến tin tức sinh hoạt Đạo Sự - Chúc mừng - Phân Ưu,

*- Quý đồng đạo có nhu cầu biết về Tin tức Đạo sự,

*- Quý đồng đạo và thân hữu tham gia vào việc phổ biến giáo lý Tam Giáo,

Xin vui lòng liên lạc **banthedao@comcast.net**, chúng tôi rất hân hạnh tiếp nhận và sẽ sắp xếp để đăng tải, phổ biến.

Trân trọng

Bản Tin Thế Đạo & Tập San Thế Đạo

ĐỌC - CỔ ĐỘNG - YẾM TRỢ
BẢN TIN THẾ ĐẠO - TẬP SAN THẾ ĐẠO

Web: www.banthedao.net

Email: banthedao@comcast.net



SANDY DENTAL P.C

served the North West since 1987

1672 Mc Kee Rd, San Jose, CA 95116

(góc đường McKee & McDonald Ave, giữa 101 & đường King

Điện Thoại: (408) 272-3999)

SANDY DENTAL P.C

Hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tín nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, do nhiều Bác Sĩ Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh nghiệm điều hành.

Đặc Biệt

- *- Game station cho trẻ em và cable TV
- *- Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ \$100, khám và làm sạch chỉ có \$40.
- *- Giá cả nhẹ nhàng, uy tín, kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.
- *- Tiếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã, có vườn cây, suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu..

Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental P.C để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười duyên dáng.

**Trung Tâm Nha Khoa
Dentista
SANDY DENTAL P.C
(408)272- 3999**

Giờ mở cửa
Thứ hai - Thứ bảy 9.00 AM - 6.00 PM

Nhận các loại bảo hiểm,
Denti Cal, Healthy Family,
Santa Clara Healthy Kids.



SANDY DENTAL P.C
1672 McKee Rd, San Jose, CA 95116
(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mì Lacay giữa 101 & đường King
(408)272-3999

SANDY DENTAL P.C
1672 McKee Rd, San Jose, CA 95116
(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mì Lacay giữa 101 & đường King
(408)272-3999

COUPON

Tẩy trắng răng (Tooth Whitening):
\$100
Giá bình thường **\$250**

COUPON

Khám tổng quát *- X Ray *- Làm sạch răng : **\$ 40**
Giá bình thường **\$150**



KÍNH BIỂU



TẬP SAN THẾ ĐẠO
3076 Oakbridge Dr.
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại: (408) 238-6547